

Khổng Minh Gia Cát Lượng Đại Truyện

Contents

Khổng Minh Gia Cát Lượng Đại Truyện	1
1. Q.1 - Chương 1: Chương 1	1
2. Q.1 - Chương 2	6
3. Q.1 - Chương 3	12
4. Q.1 - Chương 4: Quyển Thượng: Ngọa Long Xuất Sơn	16
5. Q.2 - Chương 1: Tuổi Thơ Loạn Lạc	22
6. Q.2 - Chương 2: Ngày Nắng Cày Bừa, Ngày Mưa Đọc “lương Phụ Ngâm”	27
7. Q.2 - Chương 3: Ngày Nắng Cày Bừa, Ngày Mưa Đọc “lương Phụ Ngâm”	36
8. Q.2 - Chương 4: Tam Cố Thảo Lữ Và Long Trung Sách	39
9. Q.2 - Chương 5: Tam Cố Thảo Lữ Và Long Trung Sách	45
10. Q.2 - Chương 6: Quan Hệ Cá Nước (ngư Thủy Chi Giao)	49
11. Q.2 - Chương 7: Quan Hệ Cá Nước (ngư Thủy Chi Giao)	53

Khổng Minh Gia Cát Lượng Đại Truyện



Giới thiệu

Cùng với những truyện nổi tiếng cùng thể loại như: Tay Súng Bắn Tỉa Lạc Về Thời Tam Quốc, Quốc

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/khong-minh-gia-cat-luong-dai-truyen>

1. Q.1 - Chương 1: Chương 1

Đi tìm sự thực lịch sử:

Miếu thờ thừa tướng là đây

Cắm thành rừng bách phủ đầy trước sau

Nắng xuân cỏ biếc một màu

Tiếng oanh trong lá tỏa vào không gian

Ba lần cầu kiến cao nhân

Hai triều đã tỏ lão thần tận tâm

Kỳ sơn giữa trận từ trần

Khách anh hùng để tần ngần lệ rơi.

(Thừa tướng đất Thục - thơ Đỗ Phủ)

Trong lịch sử hơn năm ngàn năm của Trung Quốc, Gia Cát Lượng là nhân vật truyền kỳ rất nổi tiếng, là một hình tượng rất đẹp.

Những đức tính cao đẹp như trí, dũng, trung thành đều gộp cả ở con người ấy, suốt một thời đại đều in dấu ở chính khách rất được tán thưởng này, thậm chí đến cả những phục trang bên ngoài của ông như quạt lông, khăn nhiễu cũng đã thành y trang độc nhất vô nhị.

Trong tác phẩm nổi tiếng Tam Quốc Diễn Nghĩa qua ngòi bút tô điểm của nhà viết tiểu thuyết La Quán Trung đời Minh, Gia Cát Lượng chẳng những là nhà tiên tri khả kính, nhà chiến lược đa mưu túc kế, nhà ngoại giao ăn nói hùng hồn, nhà chính trị nhìn xa trông rộng, nhà binh pháp xuất quỷ nhập thần, hơn nữa còn là một đạo gia thuật sĩ có tài hô phong hoán vũ, giảm đạn thất tinh và có một siêu năng khác người.

Mọi người ngưỡng mộ ông ở phong thái phong lưu, trí lự siêu phàm, tài kiêm văn võ, bất luận với một đối thủ lợi hại như thế nào, ví như những nhà quân sự thiên tài trong lịch sử Trung Quốc: Tào Tháo và Chu Du, ông đều coi là chẳng ra gì, lại còn đùa bỡn nữa. Có thể nói hết thảy những biến hóa trong trời đất ông đều sớm nắm chắc, song Gia Cát Lượng trong Tam Quốc Diễn Nghĩa, dường như được La Quán Trung tô vẽ và thần thoại hóa ra sao, liên tục sáu lần ra Kỳ Sơn, luôn đánh không thắng, cuối cùng phải nhận một kết cục bi thảm, gió thu thổi mãi gò Ngũ Trượng.

Kỳ Sơn giữa trận từ trần

Khách anh hùng để tần ngần lệ rơi.

Vậy suy cho cùng, một đời Gia Cát Lượng là được hay là thua? Vì sao với trí tuệ và nỗ lực siêu phàm của ông vẫn không đem lại kết quả mong muốn? Vì sao với một chính khách không thành công như vậy, sau hai nghìn năm, trăm họ ở Tứ Xuyên vẫn còn nhắc đến những kỳ tích trị quốc ở đất Thục của ông. Và những văn nhân mặc khách nổi tiếng nghìn năm như Đỗ Phủ, Lý Bạch, Lý Thương Ẩn đều sùng bái ông, đến cả viên tướng thiên tài là Nhạc Phi đã lừng danh tận trung báo quốc, đều đã đọc kĩ bản viết Xuất Sư Biểu nổi tiếng của Gia Cát Lượng và cùng bày tỏ sự tôn sùng vô hạn đối với ông. Đằng sau lớp sương khói của cuốn tiểu thuyết, con người thực của Gia Cát Lượng rốt cục là như thế nào? Lý tưởng của ông, trí tuệ của ông, mưu lược của ông, phong cách của ông, cuối cùng đâu là cái ta có thể nắm bắt được; đây cũng là vấn đề rất hứng thú mà cuốn sách này sẽ đề cập đến.

1. Sức thu hút của Gia Cát Lượng là ở đâu?

Gia Cát Lượng có tên chữ là Khổng Minh, ông sinh ra vào năm thứ 4 Đời Ninh đế nhà Hán (năm 181 sau Công Nguyên), ở huyện Dương Đô, quận Lang Nha (nay là huyện Nghi Thủy, tỉnh Sơn Đông). Huyện Dương Đô vẫn gọi là Gia Huyện, huyện này có rất nhiều người họ Cát, thế lực rất lớn, họ Cát này rất nổi trội nên thường được gọi là họ “Gia Cát”. Gia Cát Lượng xuất thân ở Phủ Quan. Tổ phụ của Gia Cát Lượng là Gia Cát Phong từng giữ chức Tư lệ hiệu úy (quan Tư lệnh cảnh bị kinh thành) nổi tiếng thanh liêm, bởi vậy cũng hay va chạm với không ít những kẻ quyền quý. Đến thời phụ thân của ông, chẳng còn hiển hách như xưa; phụ thân của Gia Cát Lượng thường trầm mặc ít nói, từng làm việc với chức Quận thừa ở quận Thái Sơn, song lẽ cụt sớm nhất, cho nên cũng chẳng có gì đáng kể. Đáng nói là ông chú của Gia Cát Lượng là Gia Cát Huyền, là người giỏi giao thiệp có văn tài thường hay qua lại với những kẻ có quyền thế quanh vùng như Viên Thuật, Lưu Biểu.

Gia Cát Lượng có ba người anh em và một chị gái, do cha mẹ sớm mất, ở quê làng lại gặp phải loạn Hoàng Cân, ông chú là Gia Cát Huyền, mang cả nhà rời đến ở Thành Tương Dương lúc đó do Kinh Châu mục Lưu Biểu cai quản, định cư ở mé núi Nam Dương gần đô thành. Người anh cả là Gia Cát Cẩn đã lớn, để

kế nghiệp cha đã đến học ở trường Thái học trong kinh thành Lạc Dương, về sau lại đến Đông Ngô theo lời mời của Lỗ Túc, thành ra một tân khách của Tôn Quyền, rồi ra làm quan với Đông Ngô, rất được Tôn Quyền sủng ái. Ít lâu sau, ông chú Gia Cát Huyền qua đời, Gia Cát Lượng và em trai Gia Cát Quân, dựa vào cái gia sản đậm bạc mà ông chú để lại, thường ngày cày ruộng, đọc sách, đợi có thời cơ để thi thố tài năng.

Cũng do những mối thân tình từ trước, mà Gia Cát Lượng vẫn có quan hệ mật thiết với quý tộc ở thành Tương Dương. Gia Cát Lượng năm hai mươi tuổi lấy con gái nhà Hoàng Thừa Ngạn vốn có quan hệ thân thiết với Lưu Biểu đang làm quan Kinh Châu mục, và người chị gái của Gia Cát Lượng cũng đã lấy chồng là người quyền quý họ Bàng, sau này một người nổi tiếng tên là Phượng Sồ Bàng Thống cũng là người của họ ấy.

Dân gian thường có câu “sức trời gà không nổi”, câu ấy dùng để chỉ cái vẻ thư sinh của Gia Cát Lượng, cũng dùng để nói cái ý rằng: ông là con người của đầu óc, thực ra lại không đúng với vẻ ngoài đích thực của ông.

Gia Cát Lượng là người đạt được mức tiêu chuẩn của những chàng trai vạm vỡ đất Sơn Đông, thân cao dư 8 thước cổ xưa, chừng 1,8 m bây giờ, trông thể hình rất cao lớn, thời còn trẻ thường vẫn làm các việc cày bừa, thích tự làm lấy mà cũng làm luôn chân tay, thích sáng tạo ra các loại công cụ. Về cuối đời ông còn chế ra “nỏ liên châu”, “trâu gỗ ngựa máy”, thiết lập “bát trận đồ” tuyệt đối không phải là một tư tưởng gia đơn thuần chỉ động não động khâu mà không động tay chân.

Ví như câu “sức trời gà không nổi”, cũng để chỉ một nhà chiến lược nổi tiếng thời Tây Hán là Trương Lương: Sách “Sử ký” miêu tả, ông ta “diện mạo giống như phụ nữ” là người thông tuệ, phong lưu và giàu tình cảm, là một mẫu mực thư sinh.

Song Trương Lương vốn là kẻ to gan lớn mật, thời trẻ, để rửa nỗi nhục vong quốc, ông đã phải khuynh gia bại sản để học võ công, đâm Tần Thủy Hoàng ở Bắc Lăng Sa. Tuy việc ấy không thành, song khi bị truy bắt khẩn cấp vẫn khôn khéo thoát khỏi, rõ ràng là người thư sinh này cũng đã sôi sục dòng máu vũ dũng trong người.

Cũng ví như nói Gia Cát Lượng là người “sách hoạc cao thủ” cũng hoàn toàn không đúng, ông thường nghiêm túc, trầm ngâm suy nghĩ, song hành động lại cẩn thận, mực thước, bởi vậy ít giao tiếp với bạn bè. Ở vào thời Đông Hán bấy giờ, giới thượng lưu chưa đánh giá cao đối với chàng thanh niên Gia Cát Lượng.

Như Tam quốc chí đã ghi lại, Gia Cát Lượng thường ví mình với các danh tướng thời Xuân Thu như Quản Trọng, Nhạc Nghị, song lúc bấy giờ, chỉ có những danh sĩ Kinh Châu thường qua lại với ông như Tư Mã Huy, Từ Thứ, Thôi Châu Bình, những người này không tài hoa bằng ông, xem những tư liệu của chính sử, Gia Cát Lượng là người trí tuệ tài giỏi, bên ngoài có vẻ trầm ngâm, bản tính là một người nghiêm túc; khi thảo luận công việc, nói năng sôi nổi, song thường thì rất ít nói, thích suy tư làm việc cẩn thận, quan sát thấu đáo, nắm chắc tình hình, lại có óc tổ chức và phân tích, làm việc có chuẩn bị và sách lược đúng, có khả năng suy tưởng, thực là một chuyên gia sách lược tiêu chuẩn.

2. Đi tìm người tổng quản.

Gia Cát Lượng lúc còn trẻ, về mặt suy tư so với người khác có những bất đồng rất lớn. Tam quốc chí kể rằng, ông thích đọc Lương Phụ Ngâm. Lương Phụ Ngâm là một khúc ca từng nói về tướng quốc Ân Tử nước Tề, bởi muốn ổn định chính quyền nên đã bày ra kế trừ khử ba viên võ sĩ đối địch, khúc ca này nói về những sự kiện lịch sử có thật, qua đó cho thấy Gia Cát Lượng không hẹp hòi trong tập tục và truyền thống, đã dám vượt qua những ràng buộc tư tưởng của mình để thấy được chân tướng của sự kiện.

Sau này nhìn lại, có thể thấy, chàng tuổi trẻ Gia Cát Lượng thời ấy là một người rất tự tin. Ông từng suy nghĩ rất nhiều, nhận rõ vai trò người tổng quản là rất trọng yếu trong “tập đoàn”, bởi vậy ông đã chọn “tập đoàn” Lưu - Quan - Trương, muốn được phát huy hết năng lực của mình. Đương nhiên để phát huy được sở trường, trừ những người thích tự do, việc đảm nhận trọng trách là rất đáng chú ý. Sau này Gia Cát Lượng giúp Lưu Bị đảm đương những công việc lớn, thực sự là người tổng quản cục cung tặn tỵ, đến chết mới thôi.

Lưu Bị lúc ấy đang bị Tào Tháo đuổi đến cùng đường miễn cưỡng phải tìm đến Kinh Châu nhờ Lưu Biểu che chở. Lưu Biểu danh nghĩa là đồng minh với Lưu Bị song thực tế để Lưu Bị ở Tân Dã huấn luyện binh

sĩ tạo thành một phòng tuyến bên ngoài chống trả lại Tào Tháo mà thôi. Tuy tình hình quân sự rất khẩn cấp song Lưu Bị vẫn chưa thể yên lòng bởi chưa tạo dựng được sự nghiệp lớn, chưa tìm ra một chuyên gia hoạch định được kế hoạch lâu dài. Được sự tiến cử của những danh sĩ đất Kinh Tương là Tư Mã Huy và Từ Thứ, Lưu Bị nhận định rằng người ấy không trọng công danh, con người trẻ mưu lược ấy, chính là một nhân tài rất quan trọng trước mắt của “tập đoàn”, bởi thế ông nghe theo ý kiến của Từ Thứ, đích danh tự mình dẫn theo hai nhân vật quan trọng khác là Quan Vũ và Trương Phi, xông pha gió tuyết lạnh lẽo, đến cầu kiến ở lều cỏ của Gia Cát Lượng tại Long Trung.

Để thử thành ý của Lưu Bị, Gia Cát Lượng cố ý lánh mặt liên tục hai lần không ở nhà để Lưu Bị phải về không. Song Lưu Bị không nản lòng, đã ba lần đến Long Trung cầu kiến. Gia Cát Lượng rất cảm động, phải ở nhà chờ đợi để đáp lại. “Tam cố thảo lư cầu Gia Cát Lượng” là một giai thoại đã sử nổi tiếng nghìn năm. Trong bản viết Xuất Sư Biểu của Gia Cát Lượng sau này có viết “Tiên đế chẳng xem thần nhỏ mọn, ở nơi lẩn khuất, ba lần chiếu cố đến thần giữa nơi lều cỏ”, có thể coi đây là một sự thực lịch sử kể về ba lần cầu kiến Khổng Minh.

Lưu Bị lúc này đã bốn tám tuổi, dần thân dựng nghiệp đã hai một năm, có uy tín lớn với toàn quốc, từng giữ các chức: Từ châu mục và Dự châu mục (chức quan đứng đầu về quân sự ở địa phương). Gia Cát Lượng mới hai bảy tuổi là một “lính mới” vừa xong tu nghiệp, song Lưu Bị đã nhất nhất nghe theo “Long Trung Sách”, kế sách quan trọng của Gia Cát Lượng.

Long Trung Sách được đưa ra khi hai người vừa mới biết nhau, hoạch định được kế hoạch lâu dài cho Lưu Bị. Hôm ấy, Gia Cát Lượng và Lưu Bị cùng đàm đạo rất tâm đắc, bản Long Trung Sách hiện còn lại là bản viết giản đơn do người đời sau chỉnh lý, song qua đó ta có thể thấy được ý tứ của nhà chiến lược trẻ tuổi là “giữ toàn tính mệnh ở đời loạn, chẳng cần nổi tiếng với chư hầu”, để mưu sự nghiệp to lớn về sau. Ông đã phân tích sáng suốt thời cục hiện tại với một nhãn quan thấu đáo, đề ra kế sách từng bước đi từ nhỏ đến lớn, trách chi mà Lưu Bị mừng như cá gặp nước vậy. Xem xét những cố gắng và việc làm của Gia Cát Lượng sau khi hạ sơn, có thể chia làm ba giai đoạn, mỗi lúc nổi trội khác nhau, để thấy những phong cách và kế sách không giống nhau.

Giai đoạn thứ nhất kể về một “Quân sư” nổi tiếng từ trụ quân ở Tân Dã, rồi đến cuộc chiến ở Tương Dương, đại chiến ở Xích Bích, có được Kinh Châu, Hán Trung đều thấy vai trò phụ tá quan trọng của Gia Cát Lượng bên cạnh chủ tướng Lưu Bị, cho thấy rõ tính nổi trội ở những kế sách của ông.

Giai đoạn thứ hai kể về nhà “Chính trị gia” nổi tiếng: kể từ Lưu Bị tự phong là Hán Trung Vương, cho đến giai đoạn thành Bạch Đế gửi con. Đoạn này bề ngoài là Lưu Bị nắm quyền, song bên trong Gia Cát Lượng điều hành, tỏ rõ vai trò một người tổng quản lý tài giỏi kiến tạo cơ cấu phụ trách, chi viện hậu cần đưa mọi việc vào quỹ đạo, thành vai chính trên sàn diễn.

Giai đoạn thứ ba kể về một “Tổng tư lệnh” viễn chinh nổi tiếng, kể từ bắt đầu chiến dịch nam chinh tháng 5 vượt qua Lô Giang, đến bắc phạt Trung Nguyên, đến gò Ngũ Trượng mắc trọng bệnh từ trần ở giữa doanh trại. Gia Cát Lượng đã trở thành người tổng quản lý khai sáng cơ nghiệp, điều hành mọi việc trong nước.

Tác giả của Tam Quốc Diễn Nghĩa đã miêu tả Gia Cát Lượng trong một luồng sáng rực rỡ, với nhiều tình tiết như nhờ sương mù mượn tên, mượn gió đông hỏa thiêu Xích Bích, sáu lần ra Kỳ Sơn, hỏa thiêu Cơ Cốc, bát trận đồ gây khốn Lục Tốn, Gia Cát Lượng đã chết mà đuổi được Trọng Đạt sống v.v..., cơ hồ như Gia Cát Lượng là một thiên tài quân sự siêu năng xưa nay chưa có, xuất quỷ nhập thần; song theo ghi chép của cuốn sử “Tam Quốc Chí” của tác giả Trần Thọ, thì Gia Cát Lượng được thể hiện rất thực qua ba giai đoạn, nhất là qua giai đoạn hai.

Bình phẩm về Gia Cát Lượng, tác giả Trần Thọ viết:

“Gia Cát Lượng giữ chức tướng quốc, võ yên bách tính, tỏ rõ nghi thức, sắp xếp quan chức, điều hành chính sự, khai sáng dân tâm cùng là ban bố pháp luật... Có thể nói ông là bậc hiền tài trị quốc, sánh được với các năng thần như Quản Trọng, Tiêu Hà, song liên tục nhiều năm huy động sức dân đánh mãi không thắng nói về tháo vát ứng biến, có thể đó chẳng phải là sở trường vậy”.

Cứ như sử liệu mà xem, xét lời bình của Trần Thọ, đối chiếu với sự miêu tả của La Quán Trung, nghĩ rằng cũng nên tìm hiểu con người Gia Cát Lượng một cách chân thực.

3. Quân sự trẻ tuổi với ngoại giao con thoi và sách lược rõ ràng.

Kể từ Tào Tháo mang đại quân xâm nhập Kinh Châu cho đến cuộc chiến ở Xích Bích, thấy sự nghiệp của Lưu Bị ở vào vị trí rất chông chênh. Ở giai đoạn này, Gia Cát Lượng đã phát huy mưu lược và tài cán ngoại giao, giúp đỡ rất nhiều cho Lưu Bị. Tam Quốc Diễn Nghĩa đã miêu tả thiên tài quân sự tuyệt vời của ông, ví như trận hỏa thiêu gò Bắc Vọng và đại chiến Xích Bích thiêu hủy đoàn thuyền liên hoàn đều quy tụ ở công lao của ông, câu chuyện mượn gió đông mang đầy màu sắc thần thoại. Kỳ thực Gia Cát Lượng lúc đó còn ít tuổi, lại thiếu kinh nghiệm chiến đấu, được lưu ở tuyến sau, cống hiến thực sự của ông chỉ là lo liệu việc hậu cần.

Sau chiến dịch Tương Dương, Trường Bản, đội quân của Lưu Bị tan tác cả. Trong vạn phần nguy cấp, cũng nhờ Lỗ Túc dẫn lối Gia Cát Lượng, phục mệnh sang Giang Đông thuyết phục Tôn Quyền, để ông ta xuất binh cùng với Lưu Bị liên hợp chống trả Tào Tháo. Đây chẳng những phải thuyết phục Tôn Quyền, mà phải chinh phục được cả quần thần văn võ của Đông Ngô, có thể nói là một nhiệm vụ rất khó khăn.

Đảm nhiệm việc mưu tầm tình báo đưa ra phán đoán tổng hợp, Gia Cát Lượng đã thành công trong việc triển khai ngoại giao con thoi. Nhờ được sự giúp đỡ của Lỗ Túc, Gia Cát Lượng đã có biểu hiện kiệt suất, ông trù liệu chính xác, phân tích rõ ràng, khi cứng, khi mềm, khi thuận theo, khi khích tướng, cuối cùng hiệp trợ Tôn Quyền thắng được phái chủ hòa trong nước, xuất binh tiến hành một trận quyết chiến với Tào Tháo ở Xích Bích, có thể nói đã trao chiếc chìa khóa mở cửa cho sự nghiệp của Lưu Bị được tiến triển.

Trong cuộc chiến ở Xích Bích, thực tế là cuộc đối đầu giữa tập đoàn quân do Tào Tháo chỉ huy với thủy lục quân Đông Ngô do Chu Du chỉ huy. Đội quân của Tào Tháo bị chết trận và tan rã hơn mười vạn người mà bản thân Chu Du trong chiến dịch Giang Lăng sau đó cũng bị thương nặng, dẫn đến phải chết trong doanh trại, hai bên Tào Tháo và Tôn Quyền đều bị bại hoại, rốt cục người thu lợi chủ yếu lại là Lưu Bị. Tuy vậy Tào Nhân vẫn còn hùng cứ ở Tương Dương, Kinh Châu; Chu Du vẫn nắm giữ Giang Lăng, một vị trí quân sự quan trọng bên sông Trường Giang. Xong ở phía tây nam, một nửa phần Kinh Châu là ba quận Linh Lăng, Quế Dương, Trường Sa đã bị quân của Lưu Bị thừa cơ chiếm lấy, tạo ra đất sáng nghiệp trọng yếu của Lưu Bị, kế hoạch trên giấy “Long Trung Sách” của Gia Cát Lượng đã tiến được một bước có thể nói đã thành công được một nửa.

Tuy ở giai đoạn này Gia Cát Lượng chưa tác động nhiều lắm đến sự sáng nghiệp của Lưu Bị, song việc phát triển sự nghiệp của Lưu Bị vẫn nằm trong quy hoạch phát triển của Gia Cát Lượng. Bước thứ hai của “Long Trung Sách” nhằm vào Ích Châu ở phía tây không lâu nữa cơ hội lại đến.

Lưu Chương chiếm cứ Ích Châu, do nhiều năm bị quân Trương Lỗ ở Hán Trung phương bắc quấy nhiễu, thể theo những đề nghị của các trung thần Trương Tùng và Pháp Chính, đã chủ động mời quân của Lưu Bị đến giúp.

Lưu Bị để Gia Cát Lượng hiệp trợ với Quan Vũ và Trương Phi trấn thủ Kinh Châu, tự mình dẫn theo Hoàng Trung tiến vào Ích Châu, còn có tổng tham mưu trứ danh Phụng Sồ tiên sinh. Trong đoàn xuất quân này, có thể thấy Lưu Bị rất xem trọng Gia Cát Lượng quân sự, tuy không xếp vào hàng mưu lược quân sự, song lại đặt ở vị trí điều hành hậu cần, giống như Tiêu Hà với Lưu Bang.

Không bao lâu, các cánh quân của Lưu Bị tiến vào Ích Châu gặp phải sự cản trở của quân Lưu Chương, đội quân của Hoàng Trung tuy dũng mãnh thiện chiến, song lẽ thế đơn lực mỏng khó địch lại được đại quân bên Thục. Lưu Bị vội hạ lệnh Quan Vũ trấn thủ Kinh Châu, hai đội quân của Trương Phi và Triệu Vân theo hướng sông Nghi cùng tiến vào Ích Châu, hẹn hợp với quân Hoàng Trung cùng đánh Thành Đô.

Tổng tham mưu trưởng của Trương Phi và Triệu Vân là Gia Cát Lượng, đây cũng là lần thứ nhất Gia Cát Lượng chủ động lãnh đạo việc quân. Do hai hộ tướng Trương Phi, Triệu Vân dốc lực phối hợp, khiến cuộc tấn công lần này gần như nắm chắc phần thắng.

Không lâu, trong lần tiến đánh Thành Đô, Bàng Thống không may tử nạn, công việc tổng tham mưu chính phạt đất Thục lại ở cả trong tay Gia Cát Lượng.

Do thanh thế đội quân Lưu Bị rất lớn, lại có Pháp Chính trong đất Thục làm nội ứng, Lưu Chương thấy đại thế đã vỡ, bèn xin đầu hàng Lưu Bị. Bước thứ hai rất quan trọng mà “Long Trung Sách” đã hoạch định cũng là công việc khuếch triển rất khó khăn đã đạt được thành công thuận lợi.

Sau khi chiếm được Ích Châu, không lâu Lưu Bị lại dẫn đội quân của Hoàng Trung và Triệu Vân, đánh vào đội quân Hạ Hầu Uyên được Tào Tháo phái đến Hán Trung, lấy sách lược đánh lâu dài, khiến đội quân viễn chinh của Tào Tháo không được viện trợ phải rút lui. Lưu Bị đã dần dần từng bước đi từ nhỏ đến lớn, sau tám năm Gia Cát Lượng hạ sơn giúp đỡ, đã tạo nên một kỳ tích là lập nên thế chân vạc chia ba thiên hạ (từ năm 207 đến 215). Trần Thọ trong Tam Quốc Chí viết rằng:

“Lưu Bị sau khi bình định được Thành Đô, phong Gia Cát Lượng là Quân sư tướng quân, chức Tả tướng quân (đây là chức quan quan trọng của Lưu Bị) để trông coi việc lớn. Lưu Bị thường dẫn quân đội đi chinh chiến bên ngoài để Gia Cát Lượng ở Thành Đô trông coi triều chính, chẳng bao lâu khắp vùng Ích Châu đều dự thực dự binh”.

Từ đó có thể thấy Gia Cát Lượng có tài điều hành và lập kế sách là một trợ thủ rất lớn bên cạnh Lưu Bị.

2. Q.1 - Chương 2

4. Đời loạn trọng khoan dung, đời bình trọng sách vở.

Cứ theo bình luận của Trần Thọ, Gia Cát Lượng đã có những thành công rất lớn, đáng kể là giai đoạn thứ hai, với vai trò một chính trị gia nổi tiếng. Khi đã có địa bàn của mình (ba quận Kinh Châu mượn của Tôn Quyền) Gia Cát Lượng đã dốc tâm điều hành công việc quản lý. Sách Tư trị thông giám có ghi rằng: “Gia Cát Lượng phụ tá Lưu Bị cai quản đất Thục pháp lệnh rất nghiêm, tầng lớp thế gia quan liêu đặc quyền ở Ích Châu chịu không nổi thường vẫn oán thán”.

Một nhân vật tiêu biểu cho giới quyền quý cũng là một công thần của Lưu Bị khi vào Thục là Pháp Chính bèn khuyên Gia Cát Lượng rằng: “Cứ như Lưu Bang - Hán cao tổ xưa sau khi vào được Quan Trung phế bỏ pháp lệnh của đời Tần chỉ còn giữ lại ba chương quy định khiến cho dân Tần rất cảm kích bởi đức độ khoan dung. Nay tướng quân được ủy thác cai quản cả Ích Châu, trông coi quốc sự nên vỗ yên dân chúng, thi hành pháp luật nghiêm minh, theo kế phản khách vi chủ tướng chẳng nên làm ư? Hi vọng ông sẽ khoan dung hình phạt, nhẹ bớt lệnh cấm, để hợp với mong mỏi của dân đất Thục”.

Gia Cát Lượng đáp rằng: “Tiên sinh chỉ biết một mà không biết hai, nước Tần thi hành chế độ hà khắc dẫn đến dân tình oán hận, nơi nơi phản loạn, thiên hạ bởi thế đất lở ngôi vỡ. Lưu Chương vốn nhu nhược lại cố chấp nên chính trị ở đất Thục không phát huy được, chẳng nêu đức độ, hình phạt chẳng đủ, tầng lớp quan liêu thế tộc thừa cơ giành độc quyền, đạo quân - thần chẳng rõ ràng, nền luân lý xã hội cũng tan mất cả. Thực ra, đối với những kẻ quan liêu có đặc quyền này, nếu được sủng ái thái quá, lại làm cho họ không nghĩ đến trọng danh vị, lời là trách nhiệm. Nếu ban ơn cho họ sau này ân huệ ít đi, họ sẽ oán thán, lại làm khó cho việc thực thi pháp lệnh của chính phủ. Nay ở đất Thục chứng bệnh lớn là ở đây, nên ta mới nêu cao chánh pháp, để pháp lệnh có thể phát huy hiệu quả khiến nhân dân được bảo vệ chu đáo. Nếu hạn chế quyền thế của bọn quan liêu thế tộc, khiến họ phải gìn giữ tốt vị trí của mình. Như thế, làm quân, làm thần, làm dân đều phải có bổn phận, trên dưới có tiếp chế mới có thể khiến được người, cảm thụ được ân huệ của chính phủ”.

Những lời này đã phân tích thấu triệt về việc vận dụng quyền lực trong xã hội. Vấn đề của nước Tần là pháp lệnh hà khắc, không hợp với hoàn cảnh hiện tại, nếu không nhận thức đúng, vấn đề quyền lực xã hội sẽ hỗn loạn trật tự. Vấn đề điều hành quốc gia, một điều rất quan trọng là sự nhận thức chung, để mọi người cùng thừa nhận vai trò quyền lực, vậy nên chính sách bao dung của Lưu Bang lại không phù hợp ở chỗ này hay chỗ khác.

Với tình hình ở Ích Châu lúc ấy, Lưu Chương làm đổ vỡ chính sự, quyền lực không được tôn trọng, bọn quan liêu chấp pháp lười nhác hoành hành đặc quyền, pháp lệnh rối ren. Ở đây Gia Cát Lượng tất nhiên sẽ chú trọng sự nghiêm minh của hình pháp, đây là nguyên nhân chủ yếu để đề cao uy tín của quyền lực.

Nghiêm chỉnh mà nói xã hội đời Tần là loạn lạc, còn đất Thục mà Lưu Chương cai quản là một xã hội bê trễ. Loạn lạc thì quyền lực không được nhận thức đúng, đây đó tranh chấp liên tục không thôi, lúc này tự nhiên rất cần một chính sách bao dung. Còn xã hội bê trễ thì quyền lực không được coi trọng, thấy rõ mà làm trái, quan liêu lười nhác, dân chúng làm liều, như thế ắt phải chỉnh đốn lại bằng pháp luật nghiêm

minh. Bởi vậy, nguyên tắc để vận dụng quyền lực một cách chính xác, đó là: “đời loạn trọng khoan dung, bề bề trọng điều luật”.

Thực ra, không thừa nhận và không tôn trọng quyền lực là vấn đề thường tồn tại. Đối với người cầm quyền, rất nên hiểu rõ chỗ nào thì cần khoan dung, chỗ nào thì cần dùng luật. Về phương diện này mà nói, Gia Cát Lượng đã lý giải rõ ràng với Pháp Chính vậy.

5. Thành Bạch Đế gửi con, bày tỏ đạo quân thần

Sau khi Tào Tháo tự phong làm Ngụy Vương, Lưu Bị cũng tự phong là Hán Trung Vương. Đến khi Tào Phi cướp ngôi nhà Hán, Lưu Bị nghe theo lời đề nghị của Gia Cát Lượng lập ra nhà Thục Hán lên ngôi đế vị, lấy kế tục nhà Hán làm lễ chánh thống. Năm Chương Vũ thứ 2 (Niên hiệu của Lưu Bị), Lưu Bị lấy cơ báo thù cho Quan Vũ, cử binh đánh Đông Ngô, song bị tướng Ngô là Lục Tồn đánh bại ở Tỉ Qui, bị phần mà chết (tháng 4 năm Chương Vũ thứ 3). Trước lúc lâm chung, có cho gọi Gia Cát Lượng đến Bạch Đế thành dặn dò việc mai sau.

“Khanh mới thực gấp mười Tào Phi, tất có thể giữ yên được nước, ổn định đại sự, nếu có thể phụ giúp cô tử thì giúp, nếu như nó bất tài, khanh hãy tự nắm lấy cả quyền hành”.

Gia Cát Lượng nghe vậy thất kinh, dầm giữa nước mắt quì xuống mà tâu rằng: “Thần xin dốc sức làm tay chân, theo đúng lễ trung trinh nguyện chết không đổi vậy”.

Lưu Bị liền cho gọi Thái tử Lưu Thiện, dạy rằng: “Người phải cùng với tể tướng (chỉ Gia Cát Lượng) điều hành công việc quốc gia này, phải tôn trọng tể tướng cũng như cha, cha phải đạo làm con”.

Không ít sử gia cho rằng, Lưu Bị khi ở cung Vĩnh An, Thành Bạch Đế ủy thác con cho Khổng Minh, nói về đoạn đối thoại này, ít nhiều cho rằng đó là phép “khích tướng” của người làm chính trị, lại cũng nói rằng, cốt để cho Gia Cát Lượng không dám lộng quyền, mà phải dốc lòng phụ chánh Lưu Thiện. Xét ra, đoạn này nói về đạo lý, nếu xét kỹ tình thế nước Thục lúc bấy giờ, sự đồng nhất giữa Lưu Bị và Gia Cát Lượng, thấy rõ được là, nếu có ý ngờ, tức là lấy bụng tiểu nhân đo lòng quân tử mà thôi.

Lưu Bị trước lúc lâm chung, với Gia Cát Lượng đã có mười sáu năm tình nghĩa thâm thiết, con người Gia Cát Lượng ra sao ông đã quá rõ ràng. Huống như các quan văn võ nước Thục bấy giờ, đều tôn sùng Lưu Bị, nếu như không được Lưu Bị ủy thác, Gia Cát Lượng muốn làm tới cũng không nhận được ủng hộ của số đông. Lưu Bị đối với việc này cũng chẳng bận tâm lắm. Hơn nữa, lúc đó lại có cả đại thần Lý Nghiêm và Triệu Vân bên cạnh; nếu như Gia Cát Lượng có muốn tiếm quyền chẳng phải đã có một “cây gậy pháp lý” trong tay ư?

Trái lại, Lưu Bị đã quá hiểu rõ con mình một cách tường tận. Chúng ta có thể tin được rằng khi ông bảo Gia Cát Lượng tùy nghi đoạt quyền, ít nhiều đã thấy trước vấn đề, muốn để Gia Cát Lượng có đủ cơ sở pháp lý, để có thể ứng biến tùy thời. Trần Thọ trong Tam quốc chí đoạn nói về tiên chủ có bình rằng: “Tiên chủ là người khoan dung đại độ, trọng hiền đãi sĩ, có phong độ như Hán cao tổ Lưu Bang”.

Người có khí chất anh hùng, khi gửi con cho Gia Cát Lượng lòng thanh thản không ngờ vực tỏ rõ đạo quân thần xưa nay hiếm vậy!

Xét thấy, sự bận tâm của Lưu Bị chẳng phải Gia Cát Lượng có đoạt quyền hay không, mà là Lưu Thiện có đảm đương được việc nước hay không. Sau này Gia Cát Lượng có viết trong Xuất Sư Biểu rằng:

“Tiên đế biết thần cẩn thận, trước lúc lâm chung có ủy thác việc đại sự, kể từ lúc phụng mệnh đến nay, sớm tối lo lắng, sợ không xứng được sự ủy thác, phụ lòng mong mỏi của Tiên đế vậy”.

Thật là câu nói từ gan ruột! Giữa hai vị quân thần cách nhau hai mươi tuổi này, đã để lại một hình ảnh đẹp trong sử sách Trung Quốc. Lưu Bị mừng như cá gặp nước, khi gặp Gia Cát Lượng, đây không phải là một câu sáo ngữ mà là sự tán thưởng tri âm tri kỉ.

Song, Gia Cát Lượng đơn độc một mình nắm trọn quyền điều hành nước Thục, rất cần một tiếng nói ủng hộ mạnh mẽ. Sự ủy thác của Lưu Bị trước lúc lâm chung là một tiếng nói như thế.

6. “Tác phẩm” của tổng tư lệnh quân viễn chinh: Bình loạn Nam phương.

Sau khi Lưu Bị từ trần, hoàng thái tử Lưu Thiện mười bảy tuổi lên kế vị đổi niên hiệu là Kiến Hưng. Năm Kiến Hưng nguyên niên (là năm 223 sau Công Nguyên) phong Gia Cát Lượng là Vũ hươg hầu, khai phủ trị sự không lâu lại phong thêm chức Ích Châu mục, trở thành người nắm quyền hành tối cao về hành chính ở nước Thục. Tam quốc chí có ghi: “Mọi việc chánh sự lớn bé đều ở tay Gia Cát Lượng”. Lưu Thiện còn trẻ tuổi thiếu năng lực và kinh nghiệm nên mọi việc đều phó thác cho quan tể tướng. Năm đó, Gia Cát Lượng bốn mươi ba tuổi.

Sau khi nắm được thực quyền, Gia Cát Lượng chú trọng việc điều hành chính sự, nỗ lực đề bạt nhân tài, tạo ra những quan chức ưu tú. Mặt khác, khuyến khích phát triển nông nghiệp cùng nuôi tằm dệt vải, thúc đẩy kinh tế dân sinh và chuẩn bị thực lực chiến đấu.

Về ngoại giao ông vẫn thực hiện theo phương châm quy hoạch của “Long Trung Sách”, liên kết Đông Ngô để cùng chống lại Tào Ngụy. Lưu Bị sau khi bị bại trận ở Tỉ Qui, cũng hiểu ra rằng mình đã mắc một sai lầm chiến lược quan trọng, bèn chủ động với Đông Ngô cùng hòa đàm. Sau khi Gia Cát Lượng nắm chính sự, lại phái nhà ngoại giao kiệt xuất là Đặng Chi, đến nước Ngô ký kết hòa ước tạo ra khối đồng minh lâu dài. Suốt thời gian Gia Cát Lượng còn hiện diện, Thục Ngô tuy khi nóng khi lạnh, song nhìn chung không phát sinh xung đột quân sự nữa, để Gia Cát Lượng có chỗ dựa, thực hiện mục tiêu quan trọng của “Long Trung Sách” là: Đánh bại Tào Ngụy, khôi phục nhà Hán. Song, vừa tránh khỏi một cuộc chiến, nguy cơ lại đến từ các quận miền nam Ích Châu. Sau khi Lưu Bị từ trần không lâu, các quận phía nam thừa cơ làm phản loạn, Gia Cát Lượng đang khi quốc tang không tiện xuất binh đành tạm cho qua.

Năm Kiến Hưng thứ 3, quan hệ với Đông Ngô sớm được ổn định, Gia Cát Lượng lệnh cho các đạo quân chủ lực của Mã Siêu, Triệu Vân, nghiêm cẩn đề phòng sự quấy rối của quân đội phía bắc, quyết định rằng: muốn vững ngoài trước phải yên trong, tự mình thống lĩnh đại quân nam chinh để bình định lại phía nam Ích Châu đang phản loạn.

Dẫu rằng có rất nhiều bá quan văn võ đã can gián Gia Cát Lượng thân chinh đánh dẹp, bởi phương nam địa thế rất hiểm trở, lắm nguy cơ, chẳng bằng phái một viên đại tướng đi trấn áp là đủ. Song, Gia Cát Lượng kiên quyết tự mình xuất chinh, kết hợp nhân tố chính trị và quân sự nếu không có mặt trực tiếp giải quyết sẽ ít kết quả.

Trước lúc nam chinh Gia Cát Lượng từng hỏi viên tổng tham mưu Mã Tắc về sách lược chủ yếu trong việc bình định phương nam. Mã Tắc thưa rằng: “Cần lấy công tâm làm đầu”. Gia Cát Lượng rất tán thưởng, do đấy có thể thấy rằng lần này trong quan điểm quân sự của Gia Cát Lượng nổi lên vấn đề chính trị kết hợp với quân sự, có thể không đánh mà kẻ địch cũng tan vỡ. Những quan điểm này cùng đồng nhất với chủ nghĩa hoàn mỹ và nguyên tắc giao chiến cẩn thận mà ông sẽ vận dụng trong chiến tranh bắc phạt sau này. Tháng ba năm thứ 3 niên hiệu Kiến Hưng, Gia Cát Lượng tự mình dẫn đại quân vượt qua Trường Giang xuống miền nam Tứ Xuyên, thâm nhập vào vùng Vân Nam. Tháng Năm, vượt qua sông Lô Thủy đánh thẳng vào đại bản doanh của phản quân; bởi đã phát huy tốt nguyên tắc chính trị tác chiến, Gia Cát Lượng không thực hiện sự nghiêm khắc luật pháp như trước, trái lại vận dụng một chính sách khoan dung vô tiền khoáng hậu trong lịch sử Trung Quốc.

Sau khi đã bắt được nhân vật chính của quân phản loạn là Mạnh Hoạch, ông lại dẫn hân tham quan trận địa quân Thục để thấy thế nào là lực lượng hùng hậu, rồi lập tức trả tự do cho hắn, hẹn sẽ giao đầu nữa để phân rõ thắng bại.

Cuộc chiến này cho thấy những hành vi chiến tranh vốn tàn khốc có thể chuyển hóa thành một cuộc giao đấu trí tuệ chẳng những có thể giải tỏa được tâm lý thù hận của đối phương, lại khiến kẻ địch qua cuộc đấu trí ấy mà sợ hãi, dẫn đến sự đầu hàng triệt để. Có thể nói nghệ thuật chính trị tác chiến cao độ của Gia Cát Lượng ở đây đã biểu lộ một cách hoàn hảo; dựa vào truyền thuyết lịch sử, Gia Cát Lượng từng bảy lần bắt được Mạnh Hoạch lại phóng thích cả bảy lần. Hình thái chiến tranh thuyết pháp này, khiến người ta khó hình dung nổi, song cuối cùng Mạnh Hoạch tâm phục, khẩu phục, phải quỳ lạy giữa trận, cất lời thề rằng không bao giờ dám làm phản nữa, hoàn toàn chịu thần phục dưới sức mạnh của nước Thục.

Sau khi bình định phản loạn phương Nam, Gia Cát Lượng lại rút toàn bộ quân đội trở về, lệnh cho Mạnh Hoạch cùng gia tộc tiếp tục điều hành phương Nam, rồi toàn quân ca khúc khải hoàn trở về kinh thành. Đây là thái độ khoan dung và tin cậy khiến cho các dân tộc dị chủng văn hóa phương Nam đã triệt để phục tùng. Suốt thời thuộc Hán, các quận miền Nam chẳng những không dám tạo phản, lại còn cung ứng nhiều

vật tư lương thực giúp Gia Cát Lượng có thêm lực lượng đầy đủ tiến hành cuộc chiến trường kỳ với phương Bắc. Mạnh Hoạch sau này còn giúp nhà Thục Hán rất nhiều công việc khác.

Gia Cát Lượng ở đây đã thấy rất rõ quyền lực chung không được thừa nhận và không được tôn trọng, có chính sách khoan dung hoặc nghiêm khắc để giải quyết vấn đề rõ ràng là một người điều hành chính sự rất có trí tuệ trong lịch sử Trung Quốc.

7. Theo đuổi đến cùng nguyên tắc quân sự cẩn thận

Ở đoạn văn cuối cùng của bản viết “Long Trung Sách” Gia Cát Lượng muốn bày tỏ cùng với Lưu Bị rằng: “Một khi đại thế thiên hạ có biến nên sai một viên thượng tướng dẫn binh mã Kinh Châu tiến lên phía Bắc trực tiếp đánh vào Lạc Dương, tướng quân lại dẫn đạo quân Ích Châu theo đường Tần Xuyên tiến đánh Quan Trung, thì còn sợ gì trăm họ chẳng mang giỏ cơm bầu nước ra nghênh đón tướng quân? Nếu như cứ theo kế hoạch này mà làm, tướng quân sẽ tạo dựng được nghiệp bá, nhà Hán nhất định sẽ trung hưng được”.

Trong “Xuất Sư Biếu” Gia Cát Lượng lại trình bày rõ ý kiến của mình với Lưu Thiện:

“Nay phương Nam đã bình định, binh giáp đã đầy đủ đáng khích lệ ba quân; bắc định Trung Nguyên xin đem hết lòng khuyến khích trừ sạch gian ác phục hưng triều Hán về lại cố đô, như vậy là thần báo đáp được tiên đế, mà trúng với chức phận dưới bề rồng vậy”.

Từ đó thấy rằng Bắc phạt Trung Nguyên phục hưng triều Hán là một chí hướng đeo đẳng Gia Cát Lượng suốt một đời. Khéo thu thập chính lý tin tức tình báo; Gia Cát Lượng đã dày công chuẩn bị, mải mê với khôi phục “khí độ vương triều”, đây cũng là vấn đề quan tâm của nhiều người có tâm huyết. Đến cả những nhân vật thường gần gũi với Tào Tháo như Tuân Úc, Thôi Diễm, Mao Giới cũng đều bởi muốn gìn giữ nhà Hán, cùng với Tào Tháo đối đầu mà dẫn đến bỏ mình hoặc chịu một số mệnh không sáng sủa. (Hai bên ở hai đầu trận tuyến mà đều vì nhà Hán vậy).

Trong cuốn Tư Mạc, Chuyên Chương cho chúng ta thấy nguồn gốc loại tư tưởng này, bao quát Gia Cát Lượng và những người cùng thời. Gia Cát Lượng kiên trì chiến lược liên Ngô chống Tào mà không lượng sức mình Bắc phạt Trung Nguyên, cuối cùng phải lâm bệnh bỏ mình giữa quân doanh ở gò Ngũ Trượng, đây cũng là lý tưởng thời đại của những phần tử trí thức lúc đó.

Song Gia Cát Lượng vốn là người theo đuổi chủ nghĩa thực tế, trong cuộc chiến có thể nói lấy trúng trọng với đá này, ông giữ một thái độ luôn luôn thận trọng.

Năm Kiến Hưng thứ 5, Gia Cát Lượng nhân khi Ngụy chủ Tào Phi vừa từ trần, Tào Duệ vừa mới lên ngôi, tình hình chính trị nước Ngụy đang rối ren quyết định tiến hành Bắc phạt để mở rộng địa bàn nước Thục, giúp cuộc chiến tranh trường kỳ có thêm uy thế. Sau khi đề xuất tờ sớ “Xuất Sư Biếu” với hậu chủ Lưu Thiện, Gia Cát Lượng dẫn đại quân tiến hành cuộc Bắc phạt lần thứ nhất.

Từ năm thứ 5 Kiến Hưng đến năm thứ 12, suốt thời gian bảy năm chính sử còn ghi lại, Gia Cát Lượng trước sau tiến hành bốn cuộc chiến Bắc phạt. Tuy trong thời gian này có thu được một số thành công đáng kể, song cuối cùng đành phải rút về, ở đây có sự chênh lệch thực lực rất lớn, song Gia Cát Lượng lại là người quá thận trọng không dám mạo hiểm, mà trong binh pháp đôi khi mạo hiểm lại là cần thiết. Trần Thọ khi bình phẩm phần Gia Cát Lượng truyện có viết: “Nhiều năm huy động sức dân luôn đánh không thắng, nói về sự tháo vát ứng biến, đó chẳng phải là sở trường của ông vậy”. Điều đó có thể có lý.

Trong cuộc Bắc phạt lần thứ nhất, tại hội nghị quân sự trước trận đánh, hủ tướng Ngụy Diên có đề xuất một chiến thuật đột kích táo bạo, dẫn đại quân ra Tà Cốc, trực tiếp đánh thẳng vào Trường An tranh thủ khi Ngụy quốc còn chưa kịp phản ứng, nhanh chóng chiếm lấy Quan Trung.

Lúc đó quan trấn thủ Trường An là Hạ Hầu Mậu, con rể của Tào Tháo, thuộc loại con ông cháu cha thiếu kinh nghiệm tác chiến, nếu đột nhiên tiến đánh, có thể y sẽ kinh hoàng tháo chạy, bởi vậy kế hoạch này rất có khả năng thực hiện.

Song, chiến cuộc này cũng không khác gì người dùng sức để thi vút bóng gậy vào đích, tuy có khả năng song cũng chỉ là phỏng chừng. Đội quân đơn lẻ thâm nhập vào Quan Trung, nếu gặp phải đại quân Ngụy quốc triệt lộ ở tuyến sau sẽ bị khốn đốn. Bởi vậy với Gia Cát Lượng là một người theo nguyên tắc cẩn trọng, chẳng thể chấp thuận chiến thuật bạo phổi này.

Chiến thuật mà Gia Cát Lượng tâm đắc, là vận dụng sách lược đánh ngán ngày giành thắng lợi nhanh, hi vọng đánh dần dần để thắng lợi, tuy phải trả giá đắt và tốn thời gian song có thể tránh được mạo hiểm cùng thất bại.

Mùa xuân năm thứ 6 Kiến Hưng, Gia Cát Lượng lại dẫn đại quân từ đường Tam Cốc đánh chiếm Mi Quận, ông phái lão tướng Triệu Vân có nhiều kinh nghiệm đánh nghi binh ở Cơ Cốc để dụ đạo quân của Tào Chân. Tào Chân quả nhiên trúng kế mang toàn lực bao vây quân Triệu Vân. Gia Cát Lượng bèn dẫn quân chủ lực vượt qua Kỳ Sơn, tập kích bất ngờ, một mạch đánh phá liền ba quận Nam An, Thiên Thủy, An Định, làm chấn động cả Quan Trung, khiến hạ Hầu Mậu hoảng hốt có ý vứt bỏ Tràng An mà chạy. Ngụy chủ Tào Duệ tuy còn trẻ tuổi, song cá tính rất ôn hòa khoan dung, rất có tinh thần trách nhiệm lại có tinh thần dũng cảm của tổ tiên Tào Tháo. Ông ta được tin cấp báo, lập tức ngự giá thân chinh, rất nhanh chóng đốc chiến ở Trường An, lại giao lão tướng trí dũng song toàn là Trương Cáp giữ cửa thành chuẩn bị quyết một trận sống mái với đội quân Bắc chinh của Gia Cát Lượng.

Gia Cát Lượng cũng phái một tướng tài là Mã Tắc làm tiên phong, tại Nhai Đình đã cùng với Trương Cáp tiến hành hỗn chiến. Chẳng may Mã Tắc cậy tài mà kiêu ngạo, thiếu kinh nghiệm thực tế chiến đấu lại không nghe lời dặn dò trước đó của Gia Cát Lượng, phạm sai lầm nghiêm trọng về đóng quân, bị Trương Cáp khoét sâu nhược điểm, khiến đội tiên phong của Mã Tắc bị tan vỡ cả, sau đó bắt đắc dĩ Gia Cát Lượng phải rút về Hán Trung.

Đến mùa đông, Gia Cát Lượng lại dẫn quân ra ngoài quan ải bao vây Trần Thương, Tào Chân cũng dẫn quân chủ lực ra kháng cự, hai bên cùng đối trận với nhau. Gia Cát Lượng bởi thời tiết quá giá rét, lương thảo cung cấp lại không đủ phải đành rút quân. Mạnh tướng Ngụy quốc là Vương Song dẫn kỵ binh đuổi theo, lại vấp ngay phải mai phục của Gia Cát Lượng, binh tan, tướng chết, may mà Tào Chân doanh trại giữ nghiêm. Gia Cát Lượng vô kế khả thi đành dẫn quân rút về đất Thục chỉnh đốn lại đội ngũ, kết thúc cuộc Bắc phạt lần thứ nhất.

8. Hiến thân báo quốc, tổng tư lệnh liều mình

Năm thứ 7 Kiến Hưng, Gia Cát Lượng tiến hành cuộc Bắc phạt lần thứ hai. Lần này ông dẫn quân từ Vũ Đô, Âm Bình đánh vào Ung Châu, thử sử Quách Hoài anh dũng kháng cự, song chẳng thể ngăn chặn được thế công của quân Thục. Chiến sự kéo dài mãi, Ngụy chủ Tào Duệ chỉ biết hạ lệnh cố thủ, rồi phái Tào Chân từ phía Tà Cốc, Trương Cáp từ phía hang Tý Ngọ, Tư Mã Ý từ phía tây thành đồng thời đánh giáp công. Gia Cát Lượng phái Lý Nghiêm ở Hán Trung phòng ngự quân Ngụy song Lý Nghiêm lấy có lương thực không đủ đã kháng lệnh, Gia Cát Lượng chỉ còn biết rút quân về phòng giữ. Song tướng Thục Ngụy Diên vẫn ở lại Dương Khê hội chiến, đánh phá quân Hắc Chiêu tan tác mà lão tướng Tào Chân cũng không may ngã bệnh từ trần, hai bên đều cùng lui quân.

Năm thứ Chín Kiến Hưng, Gia Cát Lượng lại ra Kỳ Sơn. Để khắc phục khó khăn vận chuyển lương thực, Gia Cát Lượng phát minh ra trâu gỗ để vận chuyển. Do công năng của khí cụ mới còn hạn chế khiến vấn đề vận chuyển chưa tháo gỡ được, Gia Cát Lượng trong tình hình lương thực vận chuyển không đủ lại phải lui quân. Song trong cuộc rút binh lần này, Gia Cát Lượng dùng kỳ binh mai phục tại Kiếm Các giết được danh tướng Ngụy quốc là Trương Cáp rửa được mối nhục Nhai Đình, có thể kể là thu hoạch rất lớn trong cuộc Bắc phạt lần này.

Năm thứ 12 Kiến Hưng, đang mùa xuân Gia Cát Lượng lại dẫn đại quân từ Tà Cốc đánh vào nước Ngụy. Ông lấy khí cụ mới phát minh là ngựa máy để đảm nhiệm việc vận chuyển, hiệu quả cũng khá tốt. Không lâu quân Bắc phạt đánh chiếm quận Vũ Công của Ung Châu, để quân lính đóng ở vùng Ngũ Trượng, chuẩn bị một trận quyết chiến với quân Ngụy. Thống soái của quân Ngụy lần này là đại danh tướng Tư Mã Ý, ông ta cũng theo phương thức tác chiến thận trọng đóng trại ở Vị Nam với quân Thục đối trận. Quân Thục là đội quân viễn chinh, vấn đề lương thực rất khó giải quyết, thường là nguyên nhân chủ yếu của những cuộc rút lui. Để triệt để giải quyết vấn đề này, Gia Cát Lượng chia quân làm đồn điền, lệnh cho quân sĩ khai khẩn bên sông Vị Thủy, hợp tác chặt chẽ với dân địa phương, hiệu quả cũng khá tốt, song do việc trong doanh trại rất nhiều lại thêm Gia Cát Lượng dốc sức lo lắng đảm đang, không lâu, lao lực mà thành bệnh.

Tư Mã Ý dò thám thấy tình hình, đề phòng Gia Cát Lượng lăm mưu mẹo bèn hạ lệnh phòng thủ nghiêm ngặt, lấy cầm giữ lâu dài mà tiêu hao lực lượng. Hơn nữa, ông ta được biết Gia Cát Lượng ăn ít, việc nhiều, đoán rằng chẳng thể ở lâu, bèn hạ lệnh mặc quân Thục khiêu chiến ra sao cũng làm ngơ, đợi Gia Cát Lượng

bệnh tình xấu đi, quân Thục sẽ bị khó khăn. Quả nhiên, sau hơn một trăm ngày, Gia Cát Lượng bị thổ máu do bệnh dạ dày biến hóa, trung tuần tháng tám vì bệnh nặng mất ở doanh trại hưởng thọ năm tư tuổi. Quân Thục đành phải rút quân, Tư Mã Ý thấy doanh trại trống trải của quân Thục đã rút, quan sát cách sắp xếp doanh trại, phải cảm thán rằng: “Thục thiên hạ kỳ tài vậy”.

Khi quân Thục rút lui, Tư Mã Ý nghe mang máng rằng Gia Cát Lượng đã mất bèn thân tự xuất binh truy kích, không ngờ Gia Cát Lượng đã sớm lệnh cho Khương Duy, tạo ra một hình người gỗ, ăn vận quần áo giả làm Khổng Minh, đánh trống thúc quân phản kích lại. Bởi Gia Cát Lượng khéo dùng kỳ binh, Tư Mã Ý không dám cả quyết, bèn hạ lệnh rút quân về, quân Thục an toàn trở về nước, sau khi qua cửa Tà Cốc mới chính thức phát tang. Người đương thời vẫn nói rằng: “Gia Cát Lượng chết còn đuổi được Trọng Đạt sống”. Tư Mã Ý cũng chỉ tự mình bào chữa rằng: “Ta chỉ lo việc sống, chẳng lo việc chết vậy”.

Sau khi Gia Cát Lượng từ trần, Khương Duy kế tục làm chủ soái quân Thục, cũng đã nhiều lần dẫn quân Thục Bắc phạt, song do thực lực trong nước không đủ mạnh, quy mô chiến dịch vẫn không khác gì với thời Gia Cát Lượng còn sống. Nước Thục bởi nhiều năm chinh chiến, quốc lực suy vong, cuối cùng bị nước Ngụy tiêu diệt.

9. Chủ nghĩa hoàn mỹ tích thắng lợi nhỏ chẳng thành đại sự.

Tuy Gia Cát Lượng cao lớn khác người, song ông chẳng hề biết một chút võ nghệ. Văn nhân cầm quân, lại thường dẫn thân ở tuyến đầu, thực đáng để kính phục. Thời đại Tam quốc nhiều danh tướng, song cùng dạng với Gia Cát Lượng, tại chiến trường chỉ “động khẩu bất động thủ”, có lẽ chỉ có Lục Tốn danh tướng Đông Ngô từng đánh bại Lưu Bị trong cuộc đông chinh ở Tỉ Qui.

Vốn không xuất thân từ binh nghiệp, Gia Cát Lượng chẳng có kinh nghiệm tác chiến phong phú, đây cũng là nguyên nhân chủ yếu khiến ông không có năng lực ứng biến linh hoạt ở chiến trường. Bởi vậy, những hành động quân sự của Gia Cát Lượng nặng về sự sắp đặt cẩn thận từ trước, có thể thấy rõ ở mấy lần đánh bại những danh tướng nước Ngụy như Tư Mã Ý, Tào Chân và Trương Cáp, thể hiện tài năng quân sự lỗi lạc của Gia Cát Lượng. Trần Bình lấy “kết quả luận”, phê bình ông không khéo tháo vát, để đến nỗi chinh chiến mãi không thành công, thật cũng không công bằng cho lắm!

Chiến lược định ra sáng suốt, song trong vận dụng chiến thuật, Gia Cát Lượng lại quá đổi cẩn thận. Ông tư lự chu tất, có nhiều điểm sáng tạo, hành động thường nặng về chủ nghĩa hoàn mỹ, điều đó đã có lần Ngụy Diên góp ý với ông, thiếu tinh thần quyết đoán để nắm những thời khắc then chốt, bởi vậy tuy thường tích thắng lợi nhỏ lại không thể tạo thành đại sự mỹ mãn.

Tương phản với Gia Cát Lượng, Tào Tháo hành động lại quá liều lĩnh, lấy tùy cơ ứng biến để thực hiện chiến thuật, song lại thường bị đánh cho đại bại. Có thể nói, sự hăng hái kiên cường của Tào Tháo, những hành động mạnh mẽ, có thể tạo ra sự phát huy thực lực, dè bẹp được kẻ địch dữ tợn, cuối cùng tạo thành đại sự.

Thiên tài quân sự ở hai con người đối chọi này trong lịch sử Trung Quốc. “ Binh pháp Tôn Tử ” đã có nghiên cứu và kiến giải độc đáo, song trong thực tế ứng dụng lại có những khác biệt tương đối lớn, vấn đề này thật vi diệu vô cùng, triết học quân sự có nhận xét khác nhau đáng để cho chúng ta nghiên cứu. Cuốn sách này cũng sẽ bàn sâu về vấn đề đó.

Gia Cát Lượng rất nghiêm túc, tính tình kín đáo, chẳng giống như sự khoáng đạt biến hóa của Tào Tháo. Song Gia Cát Lượng tâm tư tư lự, có nhiều tính sáng tạo, thích tự mình nghiên cứu phát minh. Ví như những lần Bắc phạt thứ ba thứ tư đã vận dụng những xe vận chuyển nhẹ gọi là trâu gỗ, ngựa máy, trong trận Kiếm Các, lại dùng nỗ liên châu bắn hai mươi mũi tên tự động cùng lúc giết được danh tướng Trương Cáp, đều xuất phát từ những thiết kế của ông.

Cũng bởi luôn trực tiếp dẫn mình vào mọi việc như thế, một áp lực lớn đè nặng lên thân thể và tinh thần Gia Cát Lượng dẫn đến những tổn hao nghiêm trọng cho sức khỏe. Sử liệu chép rằng, phạm xét tội phạt từ hai mươi roi trở lên đều do ông trực tiếp phê duyệt. Ông vốn yêu mến tướng sĩ như thế, xử phạt tuy hơi nghiêm khắc song rất được chúng yêu quý. Lấy cá tính như thế xử lý mọi việc quân sự thường ngày thiên biến vạn hóa, trách chi tì vị của ông chịu không nổi. Khi đối trận ở Ngũ Trượng Nguyên, Tư Mã Ý biết rõ Gia Cát Lượng ăn uống ngày mỗi suy giảm lại nhiều phiền nhiễu, rõ ràng là trường kỳ tư lự dẫn đến bệnh tì vị nghiêm trọng, bèn phán đoán Gia Cát Lượng sẽ không lâu tạ thế, bởi vậy lợi dụng đánh cầm giữ lâu dài

để làm chứng bệnh kia thêm trầm trọng, mới hay một đại sư bình pháp cũng không khắc phục nổi những nhược điểm tâm lý của mình!

3. Q.1 - Chương 3

10. Giữ mình thanh liêm, cách tân chánh sự ở đất Thục

Giáo sư Lâm Điền, một chuyên gia Trung Quốc học của Nhật Bản trong cuốn “Một đời thăng hoa” đã có miêu tả về đời sống của Gia Cát Lượng, ví như đời sống một loài hoa là hoa anh đào, sự rực rỡ gắn với tàn tạ, bỗng khiến người đọc không khỏi xúc động. Ông chỉ ra rằng Gia Cát Lượng sinh phải thời loạn lạc, vất vả lam lũ, nếm trải nhiều cay đắng như mọi người bấy giờ chỉ bởi ôm ấp một hoài bão lớn, dẫn thân vào con đường hành động, tạo dựng nên cái đẹp trong suốt. Có thể nói bởi một tấm lòng chân thành nhiệt tình như thế, ông đã trở thành một nhân vật chính trị thiên thu vạn đại vẫn khiến người ta hâm mộ và thương nhớ.

Trần Thọ cũng cho rằng Gia Cát Lượng có một đời cống hiến rất lớn, thể hiện ở cách tân phong khí chính trị. Ông vốn thanh liêm cao khiết lại nghiêm túc có tác dụng lãnh đạo to lớn. Xã hội nước Thục lúc bấy giờ nhiều loạn trị trệ, cần những tác động mạnh của điều lệ pháp luật, có thể di phong dịch tục, ông đã phát huy được vai trò tể tướng điều hành.

Tầng lớp quan liêu thế gia ở Thành Đô lúc ấy, thích hưởng thụ lối sống kim tiền phù hoa, khiến xã hội băng hoại đến cực điểm - Gia Cát Lượng quyết tâm ngăn chặn, ông lấy mình làm gương, đặt ra điều luật để trói buộc. Trong “Giới tử thư”, quan niệm của ông rất rõ ràng khi nhắc nhở con cái trong nhà:

“Ta làm theo đạo của kẻ quân tử, tu thân thanh tịnh, cần kiệm dưỡng đức, đạm bạc để nuôi chí, tĩnh lặng để nghĩ xa. Ta học lấy sự thanh tịnh, tài do học mà có, chẳng học chẳng rộng tài, chẳng có chí thì chẳng thành công, buông thả hại cho tinh thần, mạo hiểm khó thuận được tính”.

Trong “Giới ngoại sanh thư”, ông lại nói rõ trí ở nơi cao viễn dứt bỏ những dục vọng tầm thường, nhấn nại khi co duỗi.

Trong tờ biểu gửi cho Lưu Thiện, Gia Cát Lượng công bố tài sản của mình:

“Thần sống theo tiên đế, một đời chỉ biết theo quan gia, tuyệt không vun vén gì cho bản thân, nay ở Thành Đô bãi dâu có tám trăm gốc, ruộng bãi có năm mươi khoảnh, con cái quần áo cũng tạm đủ dùng, đời sống của thần thường ở ngoài cõi xa ăn mặc hoàn toàn do quốc gia cung cấp; bởi vậy mà cũng chẳng có thu nhập riêng hoặc tích góp tài sản gì. Sở dĩ kiên trì như thế, chủ yếu là nghĩ đến ngày mà thần không còn nữa, không để trong nhà thì có lắm tiền, ngoài ấp có lắm trang trại, phụ lại sự trông giữ của bộ hạ”.

Sau ngày Gia Cát Lượng từ trần, Lưu Thiện cho người đến xem xét phủ thừa tướng, quả đúng như vậy. Trong thư ông viết trả lời Lý Nghiêm:

“Nay tôi tài sản tư dinh chẳng có nhiều, vợ con còn chưa đủ áo mặc”.

Qua đó cho thấy gia cảnh thanh đạm của ông. Là một vị tể tướng chỉ dưới một người, trên cả vạn người, thanh liêm như thế trách chi chẳng để lại bao nhiêu hoài niệm.

Gia Cát Lượng một đời chí công vô tư vì nước, tuyệt không có một chút riêng tư, thực đã khiến không ít những đại thần nước Thục chịu ảnh hưởng. Ví như Trương Uyển với con cái cũng rất nghiêm: “Thường nhắc nhở trong nhà nên ăn chay, mặc áo vải thô, ra ngoài không dùng xe ngựa”. Ấy là chịu ảnh hưởng của phong cách Gia Cát Lượng. Khương Duy là tổng chỉ huy quân đội, là người ở ngôi cao thượng tướng, có vị trí đáng kể với các quân thần, nhà cửa cũng rất giản đơn, thậm chí có chỗ xiêu đổ, trong nhà không có thiếp hầu, sau sân chẳng hề nghe thấy tiếng đàn hát”. Còn Đặng Chi là nhà ngoại giao xuất sắc cũng chịu ảnh hưởng phong cách của Gia Cát Lượng, sử sách có ghi ông ấy làm quan hơn hai mươi năm thường phạt nghiêm mình, gần gũi chu cấp cho binh sĩ có khó khăn, sinh hoạt thường cần kiệm không lo riêng tư, đến cả vợ con cũng không thoát cơ hàn, khi ông ta mất gia cảnh quá đổi thanh bần.

Qua đây có thể thấy tấm gương thanh liêm của Gia Cát Lượng rất có ảnh hưởng đối với đương thời.

11. Khai sáng dân tâm, ban bố điều luật, đề cao uy tín của quyền lực.

Ví như kể về tài hoa cá nhân với năng lực dùng binh của Gia Cát Lượng, ít nhiều có sự bình giá khác nhau, song về tầm trung trình và tài trị quốc của ông thì chưa hề có sự hoài nghi nào. Trần Thọ trong Tam quốc chí có bình phẩm như sau:

“Gia Cát Lượng làm tướng quốc rất đổi quan tâm đến đời sống trăm họ, lấy mình làm gương về luân lý, điều hành chánh sự. Ông thanh trừ quan lại tham nhũng, giảm bớt các khoản chi quốc gia không cần thiết, tăng thêm hiệu suất bộ máy hành chính khai sáng dân tâm, ban bố điều luật, xây dựng được niềm tin của dân chúng toàn quốc với quyền lực của vương triều”.

“Người tận trung với nước hoặc tận trung với xã hội, tuy là ở phía đối địch với mình cũng đều đáng khen, kẻ phạm pháp lười nhác dẫu là chiến hữu của mình cũng phải xử phạt, tuyệt đối không thể bao che. Kẻ phạm lỗi mà biết hối cải tuy mắc trọng tội cũng có thể chiếu cố một chút, kẻ quanh co che giấu, tuy tội nhẹ cũng nên phạt thêm....

Cuối cùng, khắp trong lãnh thổ đều kính trọng mà nể sợ, hình phạt tuy nghiêm khắc song dân gian không oán thán, lấy chánh tâm công bằng mà khuyên thiện trừ ác vậy; thực là người hiền tài đại độ trong điều hành chánh sự, có thể nói ví như Quản Trọng và Tiêu Hà cũng chẳng thể hơn”.

Có một số sử học gia lấy việc Gia Cát Lượng ném mình vào công việc, lao lực quá độ, dẫn đến tổn hại sức khoẻ, phê bình Gia Cát Lượng chẳng khéo dùng người lại không tích cực bồi dưỡng nhân tài kế cận, kỳ thực đây là những lời rất không công bằng vậy.

Trái lại, Gia Cát Lượng với việc đề bạt nhân tài rất đổi quan trọng trong “Cử thố thiên” có viết: “Xét về đạo trị quốc, cần chú trọng ở việc đề cử hiền tài”. Lại nói: “Đề cử hiền tài có thể đem lại sự yên định”. Bởi đề cử hiền tài gắn liền với trị quốc, Gia Cát Lượng đã cho xây một cái đài cao ở phía Nam Thành Đô, để tiếp đón kẻ sĩ bốn phương, thường xuyên lại thiết lập một cơ cấu gọi là “Tham thự” để thu thập đóng góp ý kiến xây dựng của dân chúng.

Trong “Thị thính thiên” ông lại nêu rõ: “Đã là người cầm quyền phải biết lắng nghe, thu nạp tiếng nói phải của dân chúng, cùng những mưu kế của kẻ trí giả, mắt thấy đủ vạn vật, tai nghe khắp xa gần”. Trong “Xuất Sư Biếu” ông đã tiến cử với Lưu Thiện những người như Tưởng Uyển, Phí Vỹ, Đổng Doãn, Hứa Sùng đó đều là những nhân tài ưu tú. Ông cũng rất chú ý đến Khương Duy, Đặng Chi đều là những người chọn từ thực tế mà ra.

Trong lời chú giải Tam quốc chí có dẫn lời Quách Ban trong “Thế ngữ” bàn về nhân tài trong thiên hạ, họ muốn đến nước Thục hơn là Ngụy, Ngô, vậy nên quan lại đất Thục phần đông là những người tài giỏi trong thiên hạ. Ví như Ngụy tướng Chung Hội sau khi đánh chiếm được nước Thục đối với tình cảnh nước Thục đã mất, dân tâm sĩ khí vẫn kiên quyết chống Ngụy cũng phải thực sự cảm động cho rằng Gia Cát Lượng rất giỏi giáo hóa dân chúng. Triệu Dực trong cuốn “Sử trát kỷ” có một đoạn luận thuật như sau: “Tào Tháo dùng người lấy quyền lực mà chế ngự, Lưu Bị thì lấy tính tình làm trọng còn Tôn Quyền thì lấy ý khí làm đầu. Lấy quyền thuật chế ngự thì trọng ở cái cốt yếu, lấy tính tình đề mà tụ họp thì trọng ở chữ chân thành, Gia Cát Lượng thì dùng người, trên tinh thần vận dụng sở trường của cả ba nhà đó”.

Đường Thái Tông cũng rất tôn sùng Gia Cát Lượng, như khi ông nói chuyện với Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối, công nhiên tán thưởng Gia Cát Lượng làm “đệ nhất thừa tướng”, rất đổi tán dương tinh thần “chí công vô tư” của ông ta. Ông cũng chỉ ra rằng, Gia Cát Lượng đã từng rất nghiêm khắc trừng phạt những quyền thần nước Thục như Lý Nghiêm và Liêu Lập song hai người này nghe tin Gia Cát Lượng mất đều khốc lóc thống thiết, Lý Nghiêm vì thế mà âu sầu đến chết. Đường Thái Tông cảm khái mà nói: “Nếu chẳng phải là bậc chí công thì sao có thể như vậy được”. Ông đã có những lời đánh giá cao nhất dành cho Gia Cát Lượng.

Gia Cát Lượng quả là con người đúng với những lời tán thưởng của Đường Thái Tông như “đại công vô tư”, “cao vời và sáng rực”, điều này qua thư tín mà Gia Cát Lượng trả lời Lý Nghiêm cũng thấy rõ. Sau khi bình định được phương Nam, danh tiếng của Gia Cát Lượng ở nước Thục đạt đến đỉnh tối cao. Lý Nghiêm bèn viết thư khuyến khích ông: “Nên nhận lễ phong cửu Tích đối tước hiệu và xưng vương”. Gia Cát Lượng chẳng những không nghe theo mà trả lời rất thẳng thắn rằng:

“Tôi với túc hạ tương tri đã lâu há chẳng hiểu nhau ư... Tôi vốn là kẻ sĩ quê mùa ở phương Đông tiên đế làm dùng được đặt ở vị trí cao sang hưởng lộc trọng, nay trừ giặc chưa mấy hiệu quả, biết rằng chưa đền đáp

được bao nhiêu, mà được tôn sùng thái quá, cho ngồi ở những vị trí quan trọng hơn thực hỏ thẹn vậy!”.

Nếu so với Tào Tháo tự phong lễ cửu Tích xưng làm Ngụy Vương, Gia Cát Lượng quả thật khả ái và đáng kính hơn nhiều lắm!

12. Bát trận đồ - mê cung thiên cổ

Trần Thọ trong Tam quốc chí có viết: “Gia Cát Lượng thường hay tư lự hao tổn bởi nỗ liên châu, trâu gỗ, ngựa máy đều là những ý nghĩ kỳ lạ; suy diễn binh pháp làm ra bát trận đồ thật là huyền bí vậy”.

Có thể là những năm tuổi trẻ còn cày bừa gặt hái, Gia Cát Lượng đã thích tự tay mình làm lụng, có năng lực sáng tạo phát minh, dẫn đến những phát minh mới sau này như việc cải tiến nỗ liên châu lợi hại, và chế ra trâu gỗ, ngựa máy để vận chuyển lương thực.

Sách “Ngụy thị Xuân Thu” có ghi: “Gia Cát Lượng dùng nỗ liên châu để tập kích giết được danh tướng Trương Cáp, gọi nỗ ấy là “nguyên nhung”, lấy sắt làm tên, mỗi mũi tên dài tám tấc, mỗi nỗ bắn ra mười tên, thực là một vũ khí sát thương mãnh liệt”.

Trâu gỗ, ngựa máy là công cụ vận chuyển ứng dụng phát minh mới bởi nước Thục không đủ ngựa thồ, đường núi lại rất hiểm trở, ngựa không dễ qua lại, bởi vậy Gia Cát Lượng dùng nhân lực vận chuyển để khắc phục khó khăn này. Trâu gỗ là loại xe bốn bánh, còn ngựa máy là loại xe hai bánh. Cứ như sử kiện ghi chép, ngựa máy là loại trâu gỗ cải tiến, dùng trong cuộc Bắc phạt thứ 4, hiệu quả khá tốt đẹp. Trâu gỗ, ngựa máy đều là những loại xe thích hợp với việc vận chuyển. Cuốn truyện “Vũ Hầu” của Trương Chú viết: Trong Thục có xe nhỏ một người đẩy tải được tám thạch phía trước như đầu trâu, lại có xe lớn dùng bốn người đẩy tải được hàng chục thạch gọi là ngựa máy.

Cũng có không ít người cho rằng xe một bánh đã có ở Thục trước thời Gia Cát Lượng, vậy nên trâu gỗ chỉ là công cụ cải tiến còn ngựa máy thì cải tiến từ trâu gỗ.

Trong rất nhiều phát minh, “Bát trận đồ” khiến người đời sau còn cảm thấy rất chi thần kỳ. Cũng bởi sự tô vẽ của La Quán Trung, “Bát trận đồ” cũng như việc mượn gió đông, đều thuộc về pháp thuật siêu năng kỳ môn độn giáp.

Đỗ Phủ, thánh thơ đời Đường đứng trước di chỉ bát trận đồ, có những câu thơ dâng tràn cảm xúc:

Công vạch thế chân vạc

Danh bày bát trận đồ

Sống trôi đá thì đứng

Hận không bình được Ngô.

Năm ấy, đánh nhau lớn ở Tỉ Qui, Lục Tồn đuổi theo Lưu Bị vào trong đất Thục, bị khốn bởi “trận Thạch Đầu” do Gia Cát Lượng dự liệu trước, lấy các khối đá xếp lẫn lộn thành từng đông dựa theo sự sắp xếp kỳ môn độn giáp, y theo tám cửa Hưu, Sinh, Thương, Đỗ, Cảnh, Tư, Kinh, Khai, vào mỗi giờ mỗi ngày biến hóa khôn lường, khá so với mười vạn tinh binh. Đại quân Lục Tồn bị khốn ở trong trận, loanh quanh mãi sau nhờ có nhạc phụ của Gia Cát Lượng là Hoàng Thừa Ngạn giúp mới qua được. Đây đương nhiên là một tiểu thuyết gia không hiểu quân sự, nảy sinh từ trí tưởng tượng ra những hư cấu nghệ thuật.

Song, trong sự tích lịch sử “Bát trận đồ” tồn tại như một thực tế, vậy tác dụng của trận Thạch Đầu là như thế nào? “Bát trận đồ” là một di tích lịch sử ở huyện Phụng Tiết, tỉnh Tứ Xuyên, nơi giao lưu sông Cù đường và sông Trường Giang, trước mắt thấy không còn nguyên trạng song “Thái bình hoàn vũ ký” có ghi rằng:

Bát trận đồ chu vi bốn trăm tám mươi trượng do các khối đá bị vận chuyển tụ tập mà thành, cao năm thước, như được xếp đặt xúm xít bốn phía giống như một bàn cờ, mùa hạ thì nước dâng cao phủ lấp cả, mùa đông lại lộ ra.

Kỳ thực “Bát trận đồ” không chỉ thiết lập xếp đặt ở đây, có thể thấy ở Thiểm Tây, Hán Trung, dọc đường Gia Cát Lượng Bắc phạt đều có những di tích ấy, tác dụng của nó ở chỗ nào? Có phải như trong tiểu thuyết đã nói là lũy thành phòng ngự ư?

Theo như “Gia Cát Lượng tập” ghi chép, bát trận đồ ứng tới tám mươi chín trận là Đông Dương, Trung Hoàn, Long Đằng, Điều Phi, Hổ Dực, Triết Hàn, Liên Hoàn, Ác Cơ, cứ theo tên gọi mà thấy bố cục trận doanh, mỗi bát trận đồ là một doanh trại nhỏ mà không phải là đầu não quân đoàn tác chiến, bởi vậy nó không giống với các trận như Trường Xà trận, Ngư Lân trận, Điều Hành trận có tác dụng tác chiến, nó chỉ là nơi trận địa đóng quân mà thôi, là một hành doanh tiện cho việc tổ chức chỉ huy, mà không nặng ở tính công kích và phòng thủ.

Một học giả đời Hán là Trịnh Huyền có viết: có bát trận thập trận của Tôn Vũ, Tôn Tẫn, Đẩu Hiến khi chinh phạt Hung Nô cũng có lợi dụng bát trận.

Có thể thấy bát trận đã được Gia Cát Lượng sử dụng chỉ là sự bổ sung thêm, làm thành phương pháp cơ bản trong hành quân và đóng trại.

Lịch sử có khen ngợi việc đóng quân của Gia Cát Lượng, có doanh lũy, bếp giếng, nhà xí, rào tre, chòi canh gắn liền với nhau, rất thuận lợi. Ở gò Ngũ Trượng, Tư Mã Ý đã nhìn thấy doanh lũy và công sự của quân Thục còn lưu lại, phải thốt lên rằng: “Thật thiên hạ kỳ tài vậy”. Có thể đây là quân danh “bát trận đồ” mà Gia Cát Lượng cải biến ra.

Xem xét di tích Thạch Đầu của bát trận đồ, thấy đó là sa bàn mà Gia Cát Lượng luyện binh mà thôi, chẳng phải là Thạch Đầu trận có siêu năng kỳ môn độn giáp. Để có thể hiểu được tường tận “Bát trận đồ” chúng tôi sẽ xin trình bày trong phần sau, để bạn đọc có thể hiểu sự thực đầy đủ hơn.

13. Đi tìm sự thực của lịch sử

Người Trung Quốc là những người thích tô điểm, phần nhiều đam mê với tiểu thuyết chương hồi dạng võ đài tình tứ mà rất ít người thích tìm sự thực lịch sử.

Tiểu thuyết chương hồi của Trung Quốc tuy có không ít giá trị nghệ thuật song đa số lại là những sáng tác của văn nhân thất ý, đề tài câu chuyện thường lấy nội dung giảng tích cũ của các thầy đồ giảng sách.

Thực không may, những sách ấy chỉ là những ghi chép cửa miệng, lời lẽ dung dị, câu cú khoa trương để cảm động người ta, chỉ muốn bày tỏ những tình cảm chủ quan, không để ý đến thời gian, không gian, nhân tích và tính chất hợp lý.

Đã có không ít văn nhân cổ đại một đời chưa đến chiến trường, lại nữa thuở đó chưa có các máy ghi hình ghi lại thực cảnh của chiến tranh. Do hạn chế không nắm chắc được thực tế chiến trường, những tác giả ấy vung bút tô vẽ, cũng miêu tả chiến tranh nên cho thấy nhiều nét ấu trĩ. Bởi sự tưởng tượng của họ, sự kiện lịch sử trở thành ba phần là thực, bốn phần khoa trương, ba phần suy diễn thêm.

Những văn nhân ấy luôn theo quan điểm chính nghĩa biến nhân vật lịch sử thành ra người tốt và xấu kiểu võ đài. Song họ thiếu độc lập suy nghĩ thấu đáo nên những hình tượng nghệ thuật đưa ra không ít chỗ bất cập. Nhiều người đã quen hình dung theo những hình tượng nghệ thuật cũ, có rất ít người đi tìm sự thực để đính chính lại. Trong khi đó, những nhà viết lịch sử Âu, Mỹ, Nhật Bản đang cố gắng theo các góc độ tìm hiểu, chỉnh lý lại lịch sử của họ, bối tìm những tư liệu mới, xây dựng quan niệm mới, nhằm mục đích giảm cổ tri kim.

Tam quốc diễn nghĩa của La Quán Trung, có sắc thái truyền kỳ lịch sử dân gian, nó xây dựng nhân vật lịch sử theo chủ quan tô vẽ làm mất đi tính khách quan, làm méo mó sự thực lịch sử, bôi đen tô hồng hoặc thần hóa nhân vật.

Có một câu chuyện vui, một ông kia mê Tam quốc diễn nghĩa, ngày nọ uống rượu đã có phần lơ mơ cố cãi rằng trận Xích Bích, Tào quân có một trăm vạn, bạn ông bảo chỉ có sáu mươi vạn, hai bên cãi vã đang hăng, vì mê tam quốc trong lúc hứng bèn chạy ngay về nhà lấy cuốn Tam quốc diễn nghĩa yêu quý kia để chứng minh. Đang lúc rượu say lại thêm vội vàng không chú ý đập chét thẳng cẳng đứa bé mới sinh cạnh giá sách, vợ ông ta vội la lớn rằng: “Thế là ông giết mất bé gái rồi”. Ông ta nghĩ đến đoạn Tam quốc kia gất lên rằng: “Bốn mươi vạn đại quân của người ta còn bị nó xóa bỏ, một đứa bé gái thì đáng kể gì”.

Tuy chỉ là một câu chuyện vui bịa đặt, song cũng được miêu tả khá chân thực; dưới chính sách ngu dân trường kỳ, người Trung Quốc chẳng có cách gì biện giải đâu là thật, đâu là giả.

“Tam quốc diễn nghĩa”, “Thủy hử truyện”, “Kim bình mai”, “Tây du ký” được gọi là tứ đại kỳ thư của Trung Quốc song xét về giá trị nghệ thuật “Tam quốc diễn nghĩa” cũng có ba bản khá khác nhau. Thủy hử, Kim bình, Tây du, tuy cũng đề cập được một số nhân vật chân thực, song ở góc độ chủ quan cơ hồ đều từ sáng tạo mà ra khiến Tam Tạng Pháp Sư với Huyền Trang của thế giới thực hoàn toàn bất tương đồng, bởi thế không nói được nhân tính chân thực của họ Tam quốc diễn nghĩa có nhiều chỗ tương phản, tác giả cơ hồ đã vũ đài hóa nhân vật, giá trị nghệ thuật thấp, song đối với người Trung Quốc, nó lại càng có sức hấp dẫn hơn bởi phù hợp với tâm lý của họ.

Lịch sử Trung Quốc tuy có phong phú song tương đối đơn điệu cơ hồ chỉ có chính sử “Quan phương thuyết Pháp”, tiểu thuyết của văn nhân thất ý, thiếu đi những góc độ đi tìm sự thực lịch sử. Thời Xuân Thu chiến quốc bách gia chinh binh với sự ganh đua của các môn phái, từng biểu hiện những góc nhìn khác nhau về thời đại, lịch sử sau đó được ghi chép cơ hồ chỉ có “Hắc Bạch” hai bên rõ ràng.

Đành rằng sự thực của lịch sử cũng không phải là chân tướng dễ thấy, song nó có phần đúng với nhân vật và hợp lý đôi chút. Có nhiều góc độ khác nhau, phương pháp khác nhau làm lộ ra sự thực lịch sử, để chúng ta có cơ hội tiếp cận với chân tướng của lịch sử, cũng nhờ đó chúng ta có thể hiểu quá khứ của Trung Quốc, để quan sát được rõ ràng hiện trạng Trung Quốc hiện tại, có thể từ những phát hiện ở đây, giúp chúng ta tiến đến tương lai một cách hợp lý.

Với quan điểm như vậy, bút giả không nghĩ mình tài sơ học thiển, dám bạo gan đổi mới góc độ để xem xét các nhân vật lịch sử quen biết, hi vọng rằng việc ném gạch này có thể dẫn lại được ngọc quý ngày mỗi nhiều, để các sử học gia dân gian mở rộng tầm nhìn, khiến sự thực lịch sử của nước ta được chỉnh lý tốt hơn, làm sự thực lịch sử năm nghìn năm xa vời có thể sống lại, cũng để cuộc đời của bút giả còn lưu một nét khắc bé nhỏ. Đây cũng là tấm lòng của bút giả, chẳng ngại tận tâm tư lực lăm lăm trải qua những đêm dài, nỗ lực tìm tòi bởi muốn sáng tác một chút gì đó để lưu cùng bút mực trăm năm.

TRẦN VĂN ĐỨC

4. Q.1 - Chương 4: Quyền Thượng: Ngọa Long Xuất Sơn

LỜI GIÁO ĐẦU

Dòng trong dòng đục

Tây An loạn lạc không nhà

Sói hùm lăm trồn gần xa bạo tàn

Trung châu lạc bước lang thang

Chiếc thân giạt đến Kinh Man chẳng ngờ

Bà con như thể lạng tờ

Bạn bè như chứa bao giờ biết nhau

Ra đường nào biết về đâu

Quạ kêu xương trắng dải dầu bình nguyên

Có người thiếu phụ đôi mèm

Đem con đặt giữa cỏ mèm quay đi

Tai nghe trẻ khóc tí ti

Cũng đành gạt lệ mà đi cho rồi

Thân ta như cánh bèo trôi

Lấy chi an ủi kiếp người lao đao

Quất roi, cho ngựa phóng ào

Cho quên những tiếng rào rào bi ai
Bá Lăng dừng mé thành ngoài
Ngỏanh đầu nhìn lại xa vời Tràng An.
Với người gặp bước gian nan
Muốn quên chẳng được lại tràn thương tâm
Thơ Vương Sán

Gia Cát Lượng sinh năm thứ 4 Hán Ninh Đế Quang Hòa đời Đông Hán (năm 181 sau Công Nguyên), ba năm sau, Ninh Đế cải niên hiệu làm Trung Bình nguyên niên. Song cũng ở năm đó, đã nổ ra một cuộc khởi nghĩa Hoàng Cân làm lung lay cả cơ đồ nhà Đông Hán. Trong Tam Quốc Diễn Nghĩa của La Quán Trung, Lưu Bị là người bán dếp cỏ, gặp được Quan Vũ và Trương Phi ở Trác Quận, sau kết nghĩa ba anh em ở Vườn đào, triển khai việc sáng nghiệp lớn lao rất được lòng người.

1. Vương triều tan vỡ

Từ Quang Vũ đế nhà Đông Hán thay Vương Mãng lên ngôi vua đến Hán Hiến đế nhường ngôi cho Tào Phi, cả thấy là một trăm năm mươi năm, sử gọi đó là vương triều Hậu Hán. Thống kê lại có mười bốn vị hoàng đế, bình quân mỗi vị ở ngôi hơn mười năm một chút, vương triều này các hoàng đế ở ngôi tương đối ngắn, bởi hoàng đế sớm mất thái tử tức vị tuổi còn nhỏ, hoàng hậu lên làm thái hậu mà tuổi vẫn còn trẻ, có ảnh hưởng rất lớn với chính trị, phụ thân, huynh đệ của thái hậu đều nhân cơ hội ấy mà nhảy lên làm đại quan, thế lực lớn, đây là ngoại thích can dự vào chánh sự. Ngoại thích nhà Đông Hán, phần lớn là những nhà thế tộc ở Nam Dương, nối nhau đời đời, rất có thế lực, khiến ngoại thích trở thành những đại biểu đặc quyền hàng đầu trong triều đình.

Hoàng đế đời thứ ba nhà Đông Hán là Chương Đế vốn bị mất sớm, khi Hòa Đế lên ngôi thay cho vua vẫn còn ít tuổi, Đậu thái hậu nắm mọi quyền bính, người anh là đại tướng quân Đậu Hiến nắm đại quyền quân chánh. Họ Đậu đều ai nấy nắm những vị trí trọng yếu. Tiếp đến An Đế lên ngôi khi mười ba tuổi, người anh của Đậu thái hậu là Đậu Chất, cơ hồ độc quyền thao túng triều đình. Sau khi An Đế mất, người anh của Diêm thái hậu là Diêm Hiến cũng lập tức trở thành ông vua thứ hai. Song, đáng kể phải nói đến Lương Ký vốn xưng là “Bạt Hồ tướng quân”, ông là anh Lương hoàng hậu Thuận Đế, sau khi Thuận Đế mất, ông ấy nắm triều chính suốt hai mươi năm. Lương Ký dung mạo xấu xí, hiếu sắc và lộng hành, lại rất tinh khôn, vợ là Tôn Thọ thì rất diễm lệ mà tham lam, họ Lương hoành hành trong triều đình, bách quan đều nể sợ. Vốn trước đó Lương Ký đã ủng hộ việc lập Sung Đế mới hai tuổi lên ngôi vua, sau đó Sung Đế chết không biết nguyên nhân vì sao, ngôi báu lại chuyển đến Chất Đế mới tám tuổi.

Sử sách ghi rằng: “Chất Đế ít tuổi mà thông minh” sớm có khí chất, ông bất mãn với sự chuyên quyền và hung bạo của Lương Ký, Bạt Hồ tướng quân bất hòa với Chất Đế. Lương Ký vẫn ngoan cố như cũ, ngầm cho người đầu độc sát hại Chất Đế, lập Hoàng Đế mới mười lăm tuổi lên ngôi, Lương Ký vẫn nắm đại quyền thao túng triều đình.

Thời Hoàng Đế, họ Lương chẳng những chiếm lấy các chức quan cao và bổng lộc của triều đình, người nhà Lương Ký cũng lợi dụng hoành hành hung bạo. Bất luận trong triều ngoài nội, nếu có ai nói năng đụng chạm đến họ Lương đều gặp phải cảnh tan nhà nát cửa. Cho nên muốn làm quan ở triều, đều phải hối lộ họ Lương, xây dựng quan hệ thầy trò. Các quan chức địa phương muốn triều cống lễ vật lên thiên tử cũng phải qua tay Lương Ký, nghiêm nhiên đã thành “Thái thượng hoàng”. Tôn Thọ, người vợ xinh đẹp của họ Lương, quần áo trang sức đều mô phỏng nghi thức của công chúa, tỏ ra công nhiên lộng hành. Một cửa Lương Ký thụ phong liệt hầu bảy người, ba người làm bà hoàng, sáu người làm quý nhân, hai người làm đại tướng, khiến cho quyền thế ngoại thích tại triều đình được đề cao đến mức chưa từng thấy.

Nói về sự can dự triều chánh của ngoại thích, duy nhất khả dĩ ăn chia với họ là bọn hoạn quan. Hoàng đế nhỏ tuổi mới lên ngôi, tất cả mọi việc lớn đều ở mấu hậu, ngoại thích nhân đó mà nắm đại quyền. Song sau khi hoàng đế dần dần lớn lên, những ngoại thích nắm quyền ấy nảy sinh những mâu thuẫn trực tiếp với hoàng đế. Bởi muốn đoạt quyền không chỉ dựa vào một người mà ngoại thích lại là số đông, hoàng đế tự nhiên phải nỗ lực kết hợp các lực lượng trong cung, những người ấy vẫn ở bên hoàng đế lâu ngày, để giúp ông ta tiến hành kế hoạch đoạt quyền thường là những hoạn quan.

Hoạn quan vốn là những người đàn ông ở trong cung đình phục vụ hoàng đế và hậu phi, bởi ở hậu cung ngoài hoàng đế ra, cái thế giới ấy chẳng thể có người đàn ông khác, cho nên những hoạn quan này ắt phải cắt sinh thực khí nam tính trở thành người trung tính gọi là “khứ thể”.

Nói chung chịu “khứ thể” để làm hoạn quan phần đông là con cái những người lao khổ. Song để có thể vào cung, ắt phải mi thanh mục tú diện mạo ưa nhìn. Ngoại diện của họ phần lớn khiến hoàng đế có thiện cảm, mà thành ra gần gũi, lại thêm họ xuất thân ti tiện không dám vượt mặt quyền uy của hoàng đế bởi vậy rất dễ được hoàng đế tín nhiệm.

Do hoàng đế thường ngày truyền lệnh hoặc thảo văn thư, đều nhờ hoạn quan, khiến hoạn quan có cơ hội thâm nhập vào công việc chính trị. Họ đa phần thuận theo hoàng đế trẻ tuổi, cũng đau đớn với việc ngoại thích chuyên quyền hung bạo. Với lập trường như vậy, họ tự nhiên kết hợp với quan lại cấp dưới bị ngoại thích bài xích, đại biểu cho tầng lớp sĩ tộc được hình thành dần dần trong triều, cùng ủng hộ hoàng đế trẻ tuổi đấu tranh đoạt quyền của ngoại thích.

2. Ngoại thích, hoạn quan, luân phiên đoạt quyền chém giết lẫn nhau

Cuộc đấu tranh lần thứ nhất vào năm thứ 4 Vĩnh Nguyên đời Hòa Đế, ngoại thích có thanh thế hiển hách, hơn nữa trong cuộc chinh phạt Hung Nô lập được công lớn, đó là đại tướng quân Đậu Hiến. Hòa Đế kết hợp với hoạn quan Trịnh Chúng, lấy quân cấm vệ phát động chánh biến cung đình, bao vây phủ đại tướng, Đậu Hiến bị bức phải tự sát, tất cả họ Đậu đều bị bãi truất. Trịnh Chúng được thăng chức quan cao là Đại trưởng thu, bắt đầu thời kỳ hoạn quan trực tiếp can dự việc triều chính. Sách “Hậu Hán thư” chép rằng: “Hoạn quan rất được trọng dụng bắt đầu từ Trịnh Chúng”.

Lần thứ hai, phát sinh ở thời kỳ An Đế, lợi dụng cơ hội Trịnh thái hậu từ trần, nhũ mẫu Vương Thánh của An Đế, liên hợp với hoạn quan Lý Nhuận, Giang Kinh phát động vũ trang làm chánh biến, tiêu diệt đại tướng quân Đặng Chất và cả họ.

Bốn năm sau An Đế từ trần, Diêm hoàng hậu kết hợp với người anh Diêm Hiến, lập Bắc hươu hầu làm hoàng đế, bắt giết cả các hoạn quan. Đây cũng là bắt đầu sự phản kích mãnh liệt, uy hiếp lại các hoạn quan vốn có một lực lượng không nhỏ bên cạnh hoàng đế. Sau đó mấy năm Bắc hươu hầu lại từ trần, Tôn Trình đứng đầu tập đoàn hoạn quan, phối hợp với tầng lớp quan lại thấp lập ra Thuận Đế lúc ấy mười một tuổi, dùng cấm vệ quân phản kích, giết Diêm Hiến cùng gia tộc, mười chín vị lãnh tụ hoạn quan có công làm chánh biến, đều được phong quan tước cao.

Năm thứ 4 Dương Gia đời Thuận Đế (là năm 135 sau Công Nguyên), ban bố quy định tước vị của hoạn quan có thể được truyền tử cho con nuôi cũng được hưởng thừa kế gia sản. Kể như Tào Tháo nổi trội ở đầu thời Tam Quốc, phụ thân là Tào Tung vốn là đường tử của hoạn quan Tào Đẳng.

Ngoại thích và hoạn quan luân phiên nhau tranh giành quyền bính, khiến không ngừng xảy ra tranh đoạt, chém giết, chánh biến đổ máu, song hai thực lực này qua đó cũng trưởng thành hơn. Đặc biệt là phái hoạn quan càng phong quan tiến tước chủ trì triều chính, tranh đoạt với người khác, trở thành một tầng lớp gồm Sĩ đại phu và các quan lại cấp thấp.

Thời Thuận Đế đương triều lực lượng của hoạn quan đã bành trướng rất lớn, cho đến năm thứ ba Hán An, Thuận Đế từ trần sau khi ở ngôi được mười chín năm. Sung Đế lên ngôi mới hai tuổi, được Lương thái hậu và người anh là Lương Ký lập ra, lại xảy ra thanh trừng các hoạn quan nắm thực quyền, khiến thế lực ngoại thích nắm quyền lại trở thành rất mạnh.

Không lâu, Sung Đế từ trần, Chất Đế mới tám tuổi lại được đặt lên ngôi; Chất Đế trưởng thành lên, tuy tuổi trẻ nhưng rất quan tâm đến việc triều chính, có ý định tập hợp các hoạn quan bên cạnh đợi thời mà hành động.

Quan hệ vua tôi trong triều trở nên căng thẳng, Lương Ký phải sớm hành động trước, hạ độc Chất Đế, lại lập ra Hoàn Đế mới mười lăm tuổi. Song lần này được sự trợ giúp của Tào Đẳng, thuộc lãnh tụ phái hoạn quan ôn hòa mà không xảy ra tranh giành lưu huyết, Lương Ký tiếp thu đề nghị của Tào Đẳng, cùng lập ra Hoàn đế.

Trong thời gian hai mươi năm, Lương Ký cơ hồ một mình thao túng triều chánh, chẳng có ai dám đối kháng với ông ta. Tháng bảy năm thứ hai Diên Hy, Lương thái hậu từ trần, Hoàn đế lập tức cùng với hoạn quan

Đan Siêu đồng mưu, phát động chánh biến võ trang, Lương Ký bị bức phải tự sát, cả gia tộc họ Lương đều bị tàn sát và lưu đày. Từ đó về sau lực lượng hoạn quan dần dần lấn lướt ngoại thích, một mình lộng hành ở triều chánh suốt ba mươi năm (từ năm 159 đến 189) năm Vĩnh Khang nguyên niên Hoàn Đế từ trần, Ninh Đế mới mười hai tuổi lên ngôi, Đậu Vũ là anh của Đậu Thái hậu kết hợp Thái phó Trần Phiên, âm mưu trừ diệt hoạn quan cơ sự bị bại lộ mà hai bên đều bị hại, lại xảy ra tám bi kịch của những phần tử trí thức - “Cái họa bè đảng lần thứ hai”. Trong thời kỳ Ninh Đế ở ngôi quyền lực của hoạn quan cũng đạt đến đỉnh tối cao, lại trở thành kẻ địch của những phần tử trí thức quan tâm quốc sự.

Năm thứ sáu Trung Bình, là năm 189 sau Công Nguyên, Ninh Đế từ trần, Thiệu Đế mới mười bốn tuổi lên ngôi, Hà thái hậu nắm chánh sự, người anh của thái hậu là đại tướng quân Hà Tiến ngầm mưu liên kết với quân Tây Lương do Đổng Trác cầm đầu, trừ diệt hoạn quan, song âm mưu bị tiết lộ, Hà Tiến bị dụ vào cung rồi bị giết, quan Tư lệ hiệu úy Viên Thiệu nhân thời cơ dẫn quân đánh vào cấm cung trừ sạch hoạn quan, sử sách gọi là “sự biến nội cung đời Trung Bình”. Trải suốt mười năm tranh giành quyền lợi giữa ngoại thích và hoạn quan đến đây hai bên đều bị tổn thương lớn dẫn đến đại loạn quân phiệt cát cứ, vương triều đại Hán cũng bởi thế mà diệt vong.

3. Bi kịch của phần tử trí thức: cấm ngặt bè đảng.

Trong khi ngoại thích và hoạn quan luân phiên nhau đoạt quyền, đến cuối đời Đông Hán, những phần tử trí thức tận trung báo quốc, cũng bị cuốn vào vòng xoáy tranh quyền khiến cho tình hình lại càng phức tạp.

Giai tầng sĩ đại phu của Đông Hán vốn dĩ lấy Khổng giáo làm cơ sở (chỉ nhân cách kẻ sĩ), họ được các trưởng quan địa phương tiến cử với triều đình. Danh mục tiến cử gồm có “Hiên Lương”, “Phượng Chánh”, “Mậu Tài”, kể từ Hán Quang Vũ đế, người khai sáng vương triều Đông Hán đã coi trọng khí tiết kẻ sĩ, bởi vậy ông ấy lấy học thuyết nho gia làm cơ sở, “Đức Hành” là điều kiện hàng đầu của kẻ làm quan.

Bởi sự tranh quyền giữa ngoại thích và hoạn quan ngày mỗi kịch liệt thành ra lôi kéo nhân mã, họ đều muốn độc chiếm nhân tài để tăng thanh thế mình, khiến các phần tử trí thức càng bị lâm vào ngõ cụt, bởi vậy tạo thành ý thức chống đối phổ biến của tầng lớp kẻ sĩ với ngoại thích và hoạn quan.

Chế độ suy tiến người tài cũng khiến cho tầng lớp sĩ đại phu trở thành những người giỏi nghị luận chính trị và có tài phê bình. Những phần tử trí thức bất khuất ấy gọi sự phê bình của họ là “Thanh nghị”. Còn một số a dua với ngoại thích và hoạn quan theo đuổi quyền lợi gọi là “Trọc lưu”. Đối lại là những phần tử trí thức nho học chân chính “Thanh lưu”. Có lúc, học sinh ở Lạc Dương và các nơi, đến hơn hai ngàn người tràn vào kinh thành, tôn Quách Thái và Giả Bư làm thủ lĩnh, nghiêm khắc phê bình sự lộng hành triều chính của bọn hoạn quan.

Trong triều đình, trái lại những bậc quan cao của phái hoạn quan như Lý Ứng, Trần Phiên, Vương Sướng lại thành ra lãnh tụ của phái Thanh lưu rất được ủng hộ, trong đám học sinh vẫn lưu truyền câu nói: “Khuôn mẫu thiên hạ là ‘Lý Nguyên Lễ (Lý Hưng)’, chẳng sợ cường quyền là Trần Trọng Cử (Trần Phiên), tuân kiệt thiên hạ là ‘Vương Thúc Mậu’ (Vương Sướng).”

Lý Ứng “Khuôn mẫu thiên hạ” đương thời làm quan Tư lệnh úy (cai quản cấm vệ ở kinh đô), khi làm trưởng quan, công chính nghiêm minh, rất nổi tiếng, phạm những người được gặp Lý Ứng đều có địa vị rất cao ở “Thanh lưu”, cũng có rất nhiều đệ tử theo học ông, bởi vậy người đương thời đều gọi là “Đẳng long môn” (Cửa rồng). Trần Phiên làm quan Thái úy (đứng đầu về quân sự) Vương Sướng từng làm Tư không (làm giám sát), họ đều ở trong triều, là lực lượng rất quan trọng đối trọng với phái hoạn quan tham chánh bấy giờ.

Cuối đời Hoàn Đế, người đứng đầu Trung thường thị trong cung (nhóm hầu cận cạnh vua), có người em trai là Trương Sóc, giữ chức huyện trưởng huyện Mỗ trực thuộc kinh thành, ý thể người anh, tác oai tác quái tham dự vô đạo. Nghe nói hần vì muốn xem thai nhi trong bụng người phụ nữ có chứa, đã mổ bụng người phụ nữ đó. Lý Ứng lấy trách nhiệm sở tại hạ lệnh truy bắt Trương Sóc, Trương Sóc chạy đến trốn trong biệt thự của anh là Trương Nhượng. Bởi Lý Ứng tìm bắt rất dữ, Trương Nhượng phải giấu Trương Sóc trong nhà kín. Song Lý Ứng sau khi thu được tin tình báo đích xác, đã tự dẫn quân xông vào nhà Trương Nhượng, phá ván ngăn bắt được Trương Sóc, y phấp xử tội chết.

Trương Nhượng lập tức cầu xin Hoàn Đế đặc xá, Hoàn Đế cho vời Lý Ứng trao đổi lại, song trước áp lực lớn của Hoàn Đế, Lý Ứng vẫn cự tuyệt việc xá tội cho Trương Sóc, vẫn xử chém theo hình phạt. Trương

Nhượng rất bức bối trước việc ấy mà Hoàn Đế cũng chẳng ra mặt. Song các Thái học sinh tụ tập ở kinh thành, lại rất cao hứng cho rằng đây là thắng lợi lớn chưa từng có của phái “Thanh lưu”, bởi vậy khắp nơi tán thưởng, cùng ăn mừng, khiến cho quan hệ giữa hai bên lại càng căng thẳng.

Quả nhiên năm thứ 9 Diêm Hy đời Hoàn Đế (năm 166 sau Công Nguyên), hoạn quan Giáo Thành của Phái Trương Nhượng dâng thư lên Hoàn Đế, chỉ trách Lý Ưng xúi giục Thái học sinh, âm mưu kết đảng phỉ báng triều đình, phá hoại phong tục. Hoàn Đế hạ lệnh trị tội Lý Ưng, khi lệnh đến phủ Tam Công thái úy Trần Phiên rất phản đối thậm chí trả lại thánh chỉ của Hoàn Đế, song Hoàn Đế vẫn không nghĩ đến thể chế quốc gia trực tiếp hạ lệnh cho cấm vệ bắt Lý Ưng cùng hơn hai trăm người theo phái “Thanh lưu”, sách sử gọi là “tai họa cấm đảng lần thứ nhất”. Những người theo phái Thanh lưu bị bắt lần này đa số bị phán giam cầm chung thân song nửa năm sau đa số chỉ bị triệt miên chức quan và được thả cả, hiển nhiên thấy rõ phái Thanh lưu vẫn có thực lực khiến triều đình e ngại. Đáng chú ý, phái Thanh lưu trong hành động bất bớ này chẳng những không có ai chạy trốn, lại không có ít người tự nhận là người trong đảng, hơn nữa lại rất cao hứng cùng chịu án với Lý Ưng. Danh tiếng của Lý Ưng cũng bởi sự kiện này lại càng lan tỏa hơn.

Quách Thái là một lãnh tụ rất nổi tiếng, tên chữ là Lâm Tông người huyện Giới Hưu, quận Thái Nguyên. Tuổi nhỏ cảnh nhà bần hàn song vẫn một mực theo học danh sư Bá Ngạn suốt ba năm, tinh thông các sách cổ kim, lại học được tài ăn nói, khi Quách Thái lần đầu đến bái yết Lý Ưng, Lý Ưng rất cảm mến nhân phẩm của Quách Thái, khiến Quách Thái rất nhanh chóng trở thành nhân vật lãnh đạo Thái học sinh trong phái Thanh lưu. Khi xảy ra chuyện Trương Sóc, Quách Thái rất hăng hái càng thêm thân thiết với Lý Ưng, đến mức rất tuyên dương việc làm này của Lý Ưng, tư đồ Hoàng Quỳnh từng khuyến khích Quách Thái ra làm quan song cũng nói: “Tôi đêm xem thiên tượng, xét nhân sự khí tượng bằng hoại, chẳng nên chèo chống mà làm gì”. Câu nói này lập tức trở thành danh ngôn của phái Thanh lưu, Quách Thái khi lữ hành qua Trần Lương, đội một chiếc khăn xếp, và mau chóng kiểu đó được lưu hành, các phần tử tri thức đều tranh nhau mô phỏng, gọi đó là “khăn xếp Lâm Tông” khiến cho danh tiếng cá nhân Quách Thái lại càng thêm cao. Thái độ cứng rắn của Lý Ưng cũng làm cho thanh thế của “Thanh lưu” càng thêm tăng, đương thời đã được gọi là thiên hạ danh sĩ, gồm có những nhóm “Tam quân”, “Bát tuần”, “Bát cổ”, “Bát cập”, Lý Ưng được tôn làm người đứng đầu của Bát tuần, còn Quách Thái thì nổi tiếng trong phái Bát cổ.

4. Bi kịch đã qua, ý thức đổi mới của giới học thuật.

Một năm sau “tai họa bè đảng” lần thứ nhất, Hoàn Đế từ trần, Lưu Hoàn mới mười hai tuổi lên kế vị gọi là Ninh Đế, cải niên hiệu là Kiến Ninh. Ninh Đế còn quá nhỏ, phái hoạn quan nhân cơ hội đó lại hoành hành bá đạo. Những phần tử tri thức phái “Thanh lưu” lại tranh đấu ác liệt với phái hoạn quan, cuối cùng sự việc lại càng nghiêm trọng.

Một danh sĩ của phái “Thanh lưu”, Trương Kiệm đứng đầu nhóm Bát cập, lúc đó đang làm quan tuần sát ở quận Sơn Dương. Trong quận có người nhà của quan Trương Thị Hưu Lâm, thường ý thể khinh thường người hoặc ngược đãi quá đáng - Trương Kiệm sau khi sụt sầm sự thực tội lỗi của người nhà Hưu Lâm, lập tức dâng thư lên Ninh Đế xem xét. Song tờ tấu lại bị hoạn quan ỉm đi, gửi cho Hưu Lâm, Hưu Lâm bởi vậy rất cảm giận Trương Kiệm, bèn ngầm mưu với Quan trưởng Trung Thường Thị, muốn cùng với phái “Thanh lưu” quyết một trận sống mái.

Cuối đời Hoàn Đế, có việc phế bỏ hoàng hậu họ Đặng, do đề nghị của Trần Phiên, đưa Đậu quý phi xuất thân thế tộc làm hoàng hậu. Bởi vậy sau khi Ninh Đế lên ngôi, người anh của Đậu thái hậu là Đậu Vũ với Trần Phiên của phái Thanh lưu có quan hệ rất thân thiết, đây cũng là sau gần một trăm năm giữa phái Thanh lưu và hào tộc ngoại thích, lần đầu có sự kết hợp. Thời xảy ra tai họa lần thứ nhất, Trần Phiên toàn tâm ủng hộ phái ấy, Đậu Vũ và Trần Phiên đứng cùng một trận tuyên đối đầu với hoạn quan, cố gắng thuyết phục Hoàn Đế, để nhóm Lý Ưng được xuất ngục phục chức, giữ được ảnh hưởng tốt của “Thanh lưu phái” với triều chánh. Đây cũng là sự thay đổi của ngoại thích, kết hợp với phần tử tri thức, bắt đầu cùng với nhau chống lại hoạn quan.

Lợi dụng quyền lực chính trị trống vắng khi Hoàn Đế từ trần, Đậu Vũ và Trần Phiên kết hợp những người trong phái Thanh lưu ngầm mưu phát động chánh biến vô trang để thanh trừ hoạn quan. Trần Phiên chủ trương lợi dụng khi toàn thể hoạn quan đến cung đình mừng thọ thái hậu, để bức bách hoạn quan phải chuyển giao đại quyền, không may do việc ấy bị hoàng đế trẻ tuổi vô ý tiết lộ với Tào Tiết, một hoạn quan ở trong cung, nên hoạn quan bèn ra tay trước, lấy cấm vệ quân đàn áp, dẹp được quân của Trần Phiên và

Đậu Vũ, tăng cường bắt bớ, sát hại, lại phát sinh tai họa bè đảng lần thứ hai.

Lợi dụng sự kiện Trần Phiên và Đậu Vũ, Hầu Lâm và Tào Tiết cũng nhân cơ hội đó vu cáo Trương Kiệm đã tham dự việc chánh biến, Ninh Đế hạ lệnh, bắt tất cả những người theo phái Thanh lưu, khép vào tội phản nghịch mà trừ đi.

Lúc Trương Kiệm bị bắt, Lý Ứng đang lữ du ở xa, có người nhà vội báo cho ông rõ, khuyên ông hãy lập tức trốn đi. Song Lý Ứng cho rằng mình đã ngoài sáu mươi tuổi, quốc gia hữu nạn, sao có thể lánh đi, huống như “sinh tử có mệnh, chẳng thể làm khác”. Bèn chủ động nhận án, bị tra khảo nặng nề, bất khuất chịu chết. Tai họa bè đảng lần này có đến hơn trăm danh sĩ phái Thanh lưu bị giết, những nhà nho học nổi danh thiên hạ, tuy không tham dự sự kiện ấy song bị vu cáo hãm hại cũng đến sáu trăm người, làm chấn động trong triều ngoài nội, tiếng ác của hoạn quan càng lan tỏa, trở thành đối tượng căm giận của những nhân sĩ trong toàn quốc.

Phạm Bàng là người đứng đầu nhóm “Bát cổ”, sau khi triều đình truy bắt những người bè đảng, tự động gặp tri huyện chịu án, song tri huyện Quách Ấp vốn quý mến Phạm Bàng có ý che giấu.

Phạm Bàng khẳng khái nói: “Tôi có chết, thì mọi hoạn nạn mới chấm dứt, tôi trốn thì lụy đến cả nhà, hơn nữa mẹ già cũng phải trăm bề khổ nỗi nữa!”

Tuy Quách Ấp vẫn có ý muốn cứu, song lão mẫu của Phạm Bàng cũng đến mà bảo rằng: “Lý Ứng và Đỗ Mật đều biết đã cùng đường, con ta sao nỡ một mình trốn tránh? - Như vậy thì một đời còn được giá trị gì?”.

Người nghe đều không cầm được nước mắt, Phạm Bàng lâm nạn khi mới ba mươi ba tuổi.

Sau tai họa bè đảng lần thứ Hai, những người phái Thanh lưu còn sót lại, phải lánh mình trong rừng rú, họ không xuất đầu lộ diện, mà lấy giữ mình làm trọng, tu dưỡng tính tình làm kẻ ẩn sĩ, cuối đời Đông Hán thấy không ít những người ở ẩn như vậy, họ nhận được sự kính trọng của dân gian.

Chuyện Viên Hoàn trong “Hậu Hán thư” có ghi, Viên Hoàn là một người theo bè đảng Thanh lưu, có tiếng tăm, gặp tai họa bè đảng, ẩn cư ở làng xóm, được sự che chở của địa phương suốt mười tám năm, khi Hoàng Cân khởi nghĩa, bởi biểu thị sự tôn trọng với Viên Hoàn, làng xóm mà ông ta ẩn cư chưa từng bị quấy nhiễu.

Chuyện ẩn sĩ trong “Hậu Hán thư” có ghi, Bàng Đức Công là một ẩn sĩ cư trú ở Hiên Sơn, gần miền Tương Dương Kinh Châu. Nghe nói thứ sử Kinh Châu là Lưu Biểu từng nhiều lần mời ông ta ra làm việc, song đều bị thoái thác. Bàng Đức Công được Gia Cát Lượng rất kính trọng. Tư Mã Huy là bạn vong niên của Gia Cát Lượng, ông thường được gọi là “Thủy kính tiên sinh”, cũng là người có quan hệ với Bàng Đức Công. Tư Mã Huy giỏi quan sát nhân phẩm và khí chất, danh hiệu “Thủy kính tiên sinh” từ đó mà ra. Theo sử liệu hiện có Gia Cát Lượng từng đến học Bàng Đức Công và Tư Mã Huy, chịu ảnh hưởng sâu sắc về suy nghĩ và cử chỉ của họ. Dựa vào niên kỉ của Gia Cát Lượng, thấy ông không tham gia vào cuộc đấu tranh kịch liệt giữa “Thanh lưu” và “Trọc lưu”, song ông cũng có tinh thần và tiết tháo của những phần tử tri thức phái “Thanh lưu” điều này không phải hoài nghi. Gia Cát Lượng lúc tuổi trẻ thích đọc Lương Phụ Ngâm, cũng thấy rõ ông tuy chưa làm quan song đối với thời cục và tình thế chính trị vẫn ôm ấp một sự quan tâm và một sứ mệnh lớn lao.

Điều này khả dĩ giải thích tâm nguyện của Gia Cát Lượng một đời kiên trì “khôi phục nhà Hán”, “Xuất Sư Biểu” đã mở đầu bằng câu: “Hán tặc không ít kẻ”. Tuy đã có nhiều chứng cứ rõ ràng, Xuất Sư Biểu chẳng phải do chính Gia Cát Lượng viết ra mà do người cháu ở Đông Ngô, là đại tướng Gia Cát Khác viết ra, song có thể thấy ở đó ngôn hành thái độ thường ngày của Gia Cát Lượng, phù hợp với sự thể lúc đó. Thực ra tính hợp pháp của vương triều Đông Hán, trải qua khởi nghĩa Hoàng Cân và loạn Đổng Trác tiếp đó đã sớm bị phá sản. Song những phần tử tri thức từng đấu tranh dẫn đến bị kịch nghiêm trọng, vẫn giữ quan niệm phái “Thanh lưu” của họ, có thể nói là rất cố chấp. Với hình thái ý thức này đeo đẳng, họ gắng gỏi thực hiện suốt một đời. Gia Cát Lượng tuy là một nhà chiến lược thực tế, song vẫn không nghĩ đúng về bản thân thực lực, thời vận, thực hiện cuộc chiến tranh Bắc phạt chống Tào Ngụy, cuối cùng dẫn đến “Kỳ Sơn giữa trận từ trần, khách anh hùng để tằm ngàn lệ rơi”, để lại một bi kịch cá nhân, đây là ảnh hưởng của phái Thanh lưu, vẫn còn hướng về nhà Đông Hán.

Sau tai họa bè đảng lần thứ Hai, Ninh Đế tuổi còn nhỏ, bị phái hoạn quan thao túng, triều chính Đông Hán suy vong đến cực điểm.

Ninh Đế đầu óc không sáng suốt, thường rất thích những thứ xa hoa. Năm Quang Hoà nguyên niên, ông hạ lệnh xây ở phía tây Ly Cung một cung thất mỹ lệ. Do dự toán không đủ, Ninh Đế phải nghe theo hoạn quan, công khai bán quan tước, tước quan bốn trăm thạch giá bốn trăm vạn đồng, tước quan hai ngàn thạch thì giá hai ngàn vạn đồng. Việc làm này đã vơ vét được không ít vàng bạc. Ninh Đế suốt ngày ở Ly Cung, chăm chút mấy con chó cảnh, lại phong cho quan chức cao, cùng chơi đùa vui vẻ. Quan lại triều đình cũng tranh nhau phong theo, thân phận của chó một thời có giá cao hơn con người nhiều lần. Tình thế chính trị như thế nếu không dẫn đến đại loạn nghiêm trọng có thể xem là chuyện lạ.

Gia Cát Lượng sinh vào năm thứ Tư Quang Hòa đời Ninh Đế nhà Đông Hán, khi mới bốn tuổi, khởi nghĩa Hoàng Cân lan tràn khắp nửa phần Trung Quốc. Hán Ninh Đế tuy đã ân xá cho những người theo phái Thanh lưu, hiệu triệu khắp toàn quốc, những ai có ý chí cùng hợp sức để trấn áp, song thời cục đã chuyển hóa nghiêm trọng đến mức chẳng thể cứu vãn.

TRẦN VĂN ĐỨC

5. Q.2 - Chương 1: Tuổi Thơ Loạn Lạc

Tề thành bên cửa dừng chân

Trông vời có phải Đãng m phía này

Phải rằng ba mộ còn đây

Rừng rưng chợt hiện chuyện ngày xa xưa

Hỏi quanh:

- Ai đó bấy giờ?

- Điền Cương, Cổ Dã sức dư muôn người!

Nam sơn đủ sức chuyển dời

Ngờ đâu tuyết địa, ngậm ngùi tài trai.

Giữa triều quĩ kế đặt bày,

Hai đào, ba mạng sự này lạ sao!

Hỏi ai bày vẽ mưu sâu?

- Án Anh Tướng quốc đứng đầu Tề quan

“Lương Phụ Ngâm”

Chiến tranh liên miên, ruộng đồng hoang phế.

Nhân dân cửa nhà tan tác, nông thôn chịu cảnh phá sản, dân lành trăm họ bị đẩy đến chỗ tuốt kiếm đứng dậy.

Tình huống nhiều bi thảm đó, đã ảnh hưởng sâu sắc đến nhân sinh quan của Gia Cát Lượng.

1. Tức nước vỡ bờ, nông dân khởi nghĩa

Trong thời gian gần trăm năm cuối đời Đông Hán, ngoại thích và hoạn quan trong triều thi nhau đoạt quyền, bọn quyền thế ở địa phương vội vàng chiếm đoạt đất đai tích lũy tài sản. Sự phân biệt giàu nghèo quá chênh lệch, nông dân bị phá sản lưu lạc bốn phương, cảnh đói kém và khốn khó lan tràn khắp nơi, trong xã hội cổ đại ở Trung Quốc lấy nông nghiệp làm trọng, nông dân mất đi ruộng đất, trở thành người bơ vơ, ắt phải dẫn đến bạo loạn xã hội nghiêm trọng.

Khoảng hai mươi năm dưới thời Thuận Đế, những người dân nghèo không còn cách gì sinh sống phải lưu lạc khắp nơi, không thể không vung gậy đứng lên, giành lấy sự sống. Song sử sách truyền thống, ví như “Hậu Hán thư”, “Tư Trị thông giám”, đều gọi là “yêu tặc” hoặc “đạo tặc”, thực ra rất không công bằng. Gia Cát Lượng sau này theo giúp Lưu Bị chống lại Tào Tháo, sau khi bình định Cổn Châu, từng coi hơn ba mươi vạn quân “Hoàng Cân” là quân “Thanh Châu”, có thể nói là lần đầu tiên cùng đồng tình với lập trường của các lãnh tụ khởi nghĩa nông dân.

Những người khởi nghĩa nông dân này, đa số nhuộm màu sắc tôn giáo, họ thường xưng là Vô Thượng Tướng quân, hoàng đế hoặc hắc đế, tổ chức rộng lớn mà lỏng lẻo, toàn dựa vào các lực lượng tôn giáo kết hợp lại. Trong những cuộc khởi nghĩa như thế, cuộc khởi nghĩa Hoàng Cân vào năm Trung Bình nguyên niên đời Ninh Đế (là năm 184 sau Công Nguyên), có qui mô lớn, ảnh hưởng cũng sâu sắc nhất, lãnh tụ của Hoàng Cân là người Cự Lộc (tỉnh Hà Bắc), tên là Trương Giác là một người thầy thuốc rất nổi danh trong dân gian, lấy y thuật thần bí để chữa cho những người nông dân bị bệnh. Phép chữa bệnh của Trương Giác là để người bệnh trước tiên tự xưng tội rồi mới cho uống bùa ngải. Chẳng biết hiệu quả ra sao, song có thể nói việc chữa bệnh của Trương Giác mang màu sắc thần bí tôn giáo. Phép trị bệnh như vậy ngày nay ở vào cuối thế kỷ XX vẫn thấy lưu hành, đương thời y học còn chưa phát triển tự nhiên có ảnh hưởng rất lớn. Các đệ tử của Trương Giác tỏa khắp chốn trong nước và đều giỏi thuật thần bí liệu, gặp những năm không khó triển miên, tín ngưỡng bành trướng rất lớn, gọi chung là “Thái Bình đạo”.

Cứ như Trương Giác tự thuyết pháp ở trong thâm sơn, từng được một tiên nhân truyền cho cuốn “Thái Bình thanh lãnh thư”, dặn dò ông ta triển khai đạo Thái Bình để cứu thế. Trong mười năm lấy Thanh Châu (ở tỉnh Sơn Đông ngày nay) làm trung tâm, rồi lan ra các châu Ký, Từ, Kinh, Dương, Cổn, Dự, Để có đến mấy chục vạn tín đồ, chiếm cứ hai phần ba giang sơn khắp mười ba châu.

Đến năm Quang Hòa, ảnh hưởng của đạo Thái Bình đã không dừng ở tầng lớp nông dân, không ít địa chủ phú hào, thậm chí cả quan lại cũng bị kéo theo. Sách “Hậu Hán Thư” có chép, ngay cả đến Trương Nhượng, một hoạn quan, cũng thường có quan hệ mật thiết với Trương Giác.

Thấy đạo Thái Bình phát triển nhanh chóng, những kẻ thúc thời trong triều tự nhiên thấy trước nguy cơ. Diêm Tứ thuộc phái Thanh Lưu, vội dâng thư đề nghị một mặt chiêu dụ dân lưu vong, cấp cho họ đất canh tác, để ổn định đời sống; một mặt tìm bắt lãnh tụ đạo Thái Bình ở khắp nơi, để làm suy yếu lực lượng của họ. Lưu Đào, Lạc Tùng, Viên Quý cũng liên danh dâng thư lên Ninh Đế, chủ trương truy bắt Trương Giác, để chấm dứt sự mở rộng của phong trào ấy. Song bởi hoạn quan thân với đạo Thái Bình cản trở, Ninh Đế không có chính sách dứt khoát, cuối cùng tin tức bị tiết lộ ra ngoài khiến cho Trương Giác càng chuẩn bị kỹ hơn. Không lâu, Trương Giác lại chia các tín đồ làm ba mươi sáu “phương”, mỗi phương lớn có hơn vạn người, mỗi phương bé cũng có sáu hoặc bảy nghìn người, mỗi phương này đều do những người thân tín thống lĩnh chỉ huy. Trương Giác tự xưng “Thiên Công tướng quân”, lại phong em trai là Trương Bảo làm “Địa Công tướng quân”, Trương Lương làm “Nhân công tướng quân” cùng thống lĩnh ba mươi sáu vạn nhân mã.

Năm Ninh Đế Trung Bình, Trương Giác nói với các tín đồ rằng: “Trời xanh đã chết, trời vàng đã thay, đến năm Giáp Tý thiên hạ đại cát”, đến năm Giáp Tý, là bắt vòng quay can chi sáu mươi năm đổi mới. Trương Giác quyết định ngày 5 tháng 3 năm đó ban bố cho các tín đồ ba mươi sáu phương khắp nơi cùng khởi nghĩa. Cứ theo tư tưởng ngũ hành của Trung Quốc cũ, lý luận tuần hoàn về Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ, vương triều nhà Hán thuộc hỏa đức, khắc hỏa ấy là thổ, bởi vậy người thay thế vương triều nhà Hán phải ứng với thổ đức. Đất của cao nguyên hoàng thổ và bình nguyên hoàng thổ đều có sắc vàng, cho nên các tín đồ đạo Thái Bình đều lấy khăn đầu sắc vàng làm hiệu, đây là lý do gọi bè đảng Hoàng Cân.

Mã Nguyên Nghĩa là trưởng phương phụ trách việc đánh Lạc Dương, hành động không được cẩn thận lắm, ngày mồng 3 tháng 3 sự việc tiết lộ đã bị bắt, mấy nghìn tín đồ đều bị hại. Ninh Đế đến bấy giờ mới hoảng hốt chợt tỉnh và vội ra lệnh truy bắt Trương Giác.

Bất đắc dĩ Trương Giác cùng với hai người em, phải phát động khởi nghĩa sớm. Tuy chuẩn bị không chu đáo vẫn có bảy châu hai mươi tám quận hưởng ứng, bè đảng đều quần khăn đầu màu vàng, đánh phá phủ quan, chiếm lĩnh vườn ruộng không ít quan lại quận huyện mới nghe tin đã chạy trốn, truyện Hoàng Phủ Tung trong “Hậu Hán Thư” có ghi: “Suốt mười ngày liền, thiên hạ đều hưởng ứng chấn động cả kinh thành”.

Chiến trường chủ yếu của Hoàng Cân ở Dĩnh Châu gần Lạc Dương, phía bắc đến Kí Châu, phía nam đến

tận Nam Dương, Triều đình cử Hà Tiến là anh của Hà hoàng hậu làm Hà Nam phủ doãn, phụ trách tổng chỉ huy chinh phạt, thực chất là phụ trách tác chiến một đạo quân tinh nhuệ, sắp đặt Hoàng Phủ Tung làm Tả trung nam, Chu Tuấn làm Hữu Trung nam, Lô Thực làm Bắc Trung nam cùng cầm quân.

Trong “Tam quốc diễn nghĩa” của La Quán Trung chương thứ nhất có chép tình tiết Lưu Bị khi ấy ở Trác Quận, hưởng ứng hiệu triệu của triều đình cùng đứng ra chống lại quân Hoàng Cân. Lưu Bị ở đó gặp được Quan Vũ và Trương Phi để lại một câu chuyện đào tiên kết nghĩa nghìn năm sáng mãi.

Lúc bắt đầu cuộc chiến tranh, thanh thế quân Hoàng Cân rất lớn, Trương Giác đánh nhau to với Lô Thực ở Kí Châu, quân Lô Thực không địch nổi phải rút về Kiến An, quân Chu Tuấn phòng giữ gần Dĩnh Châu cũng rút theo, thái thú Nam Dương giữa trận phải bỏ mạng.

Để giữ cho Lạc Dương được an toàn, Hoàng Phủ Tung đưa quân chủ lực bố phòng ở gần Dĩnh Châu. Trương Giác đem vài vạn binh mã trùng trùng bao vây, Hoàng Phủ Tung đích thân đến tuyến đầu thị sát, ông ta thấy quân Hoàng Cân đóng trong trại cỏ, nhân đêm tối lấy hỏa công đột kích, quân Trương Giác đại loạn, quân Chu Tuấn đang bố phòng tại bờ nam Dĩnh Châu cũng nhân cơ hội đó mà phản công, Tào Tháo làm Điển quân hiệu úy cũng dẫn quân đến Cứu Lạc Dương, kỵ binh đến rất kịp thời, ba mặt cùng giáp công, quân Hoàng Cân đại bại, chết mấy vạn người; đây cũng là kỉ lục quân sĩ triều đình lần đầu ngăn chặn được quân Hoàng Cân.

Tháng 8 năm Trung Bình đời Ninh Đế, Trương Giác ngã bệnh chết; tháng 10, quân của Nhân công tướng quân Trương Lương bị quân Hoàng Phủ Tung mai phục ở Dĩnh Châu, diệt hơn ba vạn người, bản thân Trương Lương cũng bị chết trong số đó; tháng 11 Địa công tướng quân Trương Bảo cũng bị chết trận ở Nam Dương, quân lính chủ lực của quân Hoàng Cân đến đó hoàn toàn bị tiêu diệt, song quân Hoàng Cân còn ở các nơi vẫn còn khá quấy nhiễu. Quân Bạch Ba ở Tinh Châu, quân Hắc Sơn ở Kí Châu, quân Hoàng Cân ở Ích Châu và Thanh Châu thanh thế rất lớn, khiến các quan phủ địa phương, không ngớt đau đầu. Hoàng Phủ Tung tuy giành được thắng lợi ở gần Lạc Dương, song sau mấy lần giao chiến quân chủ lực cũng bị trọng thương, về căn bản chẳng giúp được các địa phương việc trấn áp, triều đình muốn củng cố địa phương trấn áp nhân dân, cũng chẳng thể không tăng cường hành chính việc quân ở đầu não phương bắc.

Tháng ba năm thứ 5 Trung Bình (năm 188 sau Công Nguyên), triều đình tiếp thu đề nghị của Lưu Yên, thái thú Giang Lăng, khuyếch đại quyền hạn cho thứ sử địa khu đang loạn lạc, đổi gọi là “Chức mục”, Lưu Yên làm Ích Châu mục, Hoàng Uyển làm Dự châu mục, Lưu Ngự làm U châu mục. Sách “Tư trị thông giám” có chép “coi trọng chức quan Châu, từ đây mới được đặt ra”.

Chức Châu mục ở những nơi đó, có quyền hạn ngày mỗi lớn hơn, dần dần hình thành một lực lượng độc lập, triều đình cũng bắt đầu mất đi quyền chỉ huy và sức khống chế, cuối cùng trở thành cục diện quần hùng cát cứ cuối đời Hán, vương triều Đông Hán cũng rơi vào tình cảnh hữu danh vô thực.

2. Xã hội loạn lạc, lưu lạc cô nhi.

Đúng tháng 2 năm Giáp Tí khởi nghĩa Hoàng Cân đó, Gia Cát Lượng vừa tròn bốn tuổi.

Phụ thân của Gia Cát Lượng là Gia Cát Khuê, đương thời làm quận thừa ở quận Thái Sơn, núi Thái Sơn ở Thái Sơn quận là ngọn núi kỳ vĩ nổi tiếng khắp Trung Quốc từ cổ chí kim, Gia Cát Lượng đã ở nơi đó suốt những năm đầu thời thơ ấu của mình.

Gia Cát Lượng vốn quê ở quận Lang Nha, đương thời gọi là huyện Dương Đô, ở giữa huyện Lâm Nghi và huyện Nghi Nam tỉnh Sơn Đông, cũng thuộc khu Tây Bắc tỉnh Sơn Đông. Tư Mã Thiên trong “Hóa thực liệt truyện có chép”:

“Phía nam núi Thái Sơn có nước Lỗ, phía bắc thì có nước Tề, giữa vùng Tần Sơn Lâm Hải có một bình nguyên phì nhiêu, có nhiều sản phẩm nổi tiếng về Dâu Gai. Đô thành là Lâm Chuy, ở giữa Bột Hải và Thái Sơn, người vùng này tư lự sâu xa lại giỏi nghị luận, làm việc không cầu thả, một số người ở đây có năng lực đặc biệt, song phần đông không giỏi võ nghệ, là một xã hội công thương điển hình, kinh tế ở đây thịnh vượng mà linh hoạt, người dân ở đây được phân làm năm chức nghiệp là sĩ, nông, công, thương và tọa thương”.

Những đức tính như tư lự chu tất, giỏi nghị luận không khinh cử vọng động, đều có thể thấy rõ ở con người Gia Cát Lượng.

Kể từ đời Khương Thái Công dựng nước cho tới giờ, nơi này là trọng tâm của mậu dịch bắc nam, kinh tế giàu có, bởi vậy trình độ văn minh cũng rất cao so với nơi khác; từ thời Đông Hán đến thời Lục Triều, có không ít danh nhân xuất thân ở đây, ví như Phù Kiên nổi tiếng với Vương Đại đời tiền Tần, nhà thư pháp bất hủ Vương Hy Chi, Vương Hiến Chi là hai cha con, đến Nha Chi Thôi tác giả sách “Nhan thị tri huấn”, cùng nhà văn nổi tiếng đời Đường là Nhan Châu Khanh đều là những danh gia hào tộc của vùng này. Song cũng phải nói đến tư tưởng binh pháp đặc sắc của Tề quốc. Quân Tề vốn từ chiến trận mà ra, bởi vậy rất dụng tâm nghiên cứu kĩ xảo và phương pháp chiến tranh. Binh pháp của Khương Thái Công cũng là nguyên tắc chiến tranh, và là sách lược nổi tiếng. Đến như nhà binh pháp học lớn Tôn Vũ cũng là người nước Tề, sự chuẩn bị và ứng biến công phu của binh pháp Tôn Tử, có thể thấy sự tương quan triết học xử thế truyền thống của nước Tề. Quỷ Cốc Tử binh pháp cũng khởi nguyên từ nước Tề, Tôn Tẫn, Bàn Quyền thậm chí Tô Tẫn, Trương Nghi đều học thành tài ở đây.

Trừ thời kỳ sống ở Tương Dương với các học giả danh sĩ ở đó dùi mài nghiên cứu, có thể nói tư tưởng ngôn hành, nhân sinh quan của Gia Cát Lượng rõ là chịu ảnh hưởng mật thiết văn hóa truyền thống nước Tề.

Sách “Ngô thư” của Vi Chiêu có chép: Tổ tiên của Gia Cát Lượng vốn họ Cát ở huyện Gia, quận Lang Nha lúc đó không biết vì sao, lại rời đến huyện Dương Đô. Bởi huyện Dương Đô cũng có nhiều người họ Cát khác, để phân biệt, họ Cát huyện Gia cũ gọi là họ Gia Cát.

Tổ phụ của Gia Cát Lượng là Gia Cát Phong từng giữ chức Tư lệ hiệu úy ở Vương triều Đông Hán (là chức trưởng quân cảnh bị kinh thành) ông là một viên quan hết lòng về trách nhiệm, cá tính rất chính trực, giữ đúng phép tắc, không hề biết né tránh cường quyền.

Có một kẻ ngoại thích làm quan lớn trong triều là Hứa Trương, vẫn mượn oai vua làm nhiều chuyện ngang trái, Gia Cát Phong hạ lệnh bắt giữ, Hứa Trương phải trốn ở cung cấm, yêu cầu hoàng đế bảo trợ. Gia Cát Phong dâng thư lên kể tội Hứa Trương, yêu cầu phân xử nghiêm minh để hoàng gia khỏi mang tiếng xấu. Tuy hoàng đế có ý giảng hòa giữa hai người, song Gia Cát Phong rất cương quyết, nhà vua bởi bất đắc dĩ đành phải bắt tội Hứa Trương. Không lâu Gia Cát Phong cũng bị cách chức Tư lệ hiệu úy còn bị phế làm dân thường, chẳng qua bởi Gia Cát Phong đã giữ đúng khí tiết chấp pháp nghiêm minh, hiển nhiên cũng có di truyền đến phẩm chất của Gia Cát Lượng. Ông bố của Gia Cát Lượng là Gia Cát Khuê từng làm quận thừa ở quận Thái Sơn (thư ký), mẹ là Chương Thị. Hai người có bốn người con, Gia Cát Lượng là thứ ba, người anh cả là Gia Cát Cẩn, em trai là Gia Cát Quân ngoài ra còn có một chị gái nữa. Khi ông chín tuổi thì bà mẹ qua đời, bởi nghĩ đến con cái còn nhỏ, ông bố lại lấy thêm bà nữa, song ba năm sau, ông bố cũng qua đời. Thế là anh em Gia Cát mất cả song thân, bởi người mẹ kế chẳng thể nuôi dưỡng được họ, phải nhờ ở sự tiếp tế của ông chú là Gia Cát Huyền. Anh cả Gia Cát Cẩn hơn Gia Cát Lượng bảy tuổi, khi mẹ từ trần, đã đi du học ở phủ Thái Học thành Lạc Dương, chuyên tâm với những “Mao thi” “Kinh thư”, Tả truyện Xuân thu, học vào loại giỏi, khi mẫu thân từ trần, anh ta phải chịu tang chăm lo các em đành vứt bỏ việc học và trở lại quê nhà.

Quận Lang Nha thuộc Từ Châu vào thời kỳ đầu khởi nghĩa Hoàng Cân, ở đây cũng bị quấy nhiễu, song được triều đình phái một người là Đào Khiêm vốn xuất thân võ nghệ là Thứ sử Từ Châu nên tình thế nói chung là được bình an. Kế đó đến loạn Đồng Trắc, xảy ra chiến tranh bởi các chư hầu Quan Đông khởi binh cần vương, Đào Khiêm ở Từ Châu theo chính sách trung lập kể như không dính dáng đến. Cho nên khi Lạc Dương bị loạn lạc, không ít người chạy ra phía đông nương náu ở đất Từ Châu, song kể từ năm thứ 4 đời Hiến Đế (năm 193 sau Công Nguyên) Tào Tháo hùng cứ ở Cỗn Châu, người cha là Tào Tung bắt ngờ bị sát hại ở Từ Châu, Tào Tháo bèn khởi binh đánh Từ Châu, Đào Khiêm tuy hăng hái đề kháng song khắp Từ Châu lập tức bị rơi vào cảnh hỗn loạn, Lang Nha quận ở phía bắc Từ Châu cũng bị cuốn theo. Có một số nơi thậm chí “không tiếng gà gáy chó sủa, đường xá không người qua lại”. Gia Cát Huyền phải gánh vác sự an nguy của cả nhà, chẳng thể không nghĩ đến việc chuyển nhà đi nơi khác, tạm tránh loạn lạc.

Năm sau, khi Gia Cát Lượng mười bốn tuổi, Gia Cát Huyền được Viên Thuật đứng đầu giới quân phiệt ở Dương Châu, lãnh tụ phía nam chống Đồng Trắc cử làm Thái thú quận Dự Chương (vùng Nam Xương - Giang Tây ngày nay) Gia Cát Huyền dẫn chị em Gia Cát Lượng còn đang nhỏ tuổi đến nơi ở mới. Cũng nhân đó mà tạm tránh loạn lạc. Song Gia Cát Cẩn đã hai một tuổi phải gánh vác trách nhiệm gia đình, bởi vậy anh ta quyết định tìm đường kiếm sống ở nơi khác, tìm cách xé rào, sau khi suy nghĩ kĩ, bèn theo người mẹ kế tìm đến tận Giang Đông làm ăn. Một nhà từ đấy ly tán cách biệt tây - đông.

Nếu kể như ở Từ Châu, ngược lên bắc là Dự Châu xuống phía nam là Dự Chương mấy năm liền loạn lạc nghiêm trọng, Tào Tháo với Đào Khiêm đã mấy lần giao chiến dữ dội, không ít cuộc khởi nghĩa của nông dân nổi lên ở vùng này. Gia Cát Lượng khi mới bước vào tuổi thanh niên đã tự mắt thấy những hậu quả của chiến tranh gây ra, đất đai hoang phế, người dân chịu cảnh thê li tứ tán, kinh tế nông thôn bị phá sản nghiêm trọng, dân tình trăm họ phải bức cầm dao kiếm đứng lên tìm đường sống, tình cảnh bi thảm như vậy đối với nhân sinh quan của Gia Cát Lượng nghĩ rằng ắt phải có ảnh hưởng sâu sắc.

Thực không may, Gia Cát Huyền được bổ nhiệm không lâu, triều đình Đông Hán lại phái Chu Hạo đến làm Thái thú Dự Chương. Khiến cho ngôi vị thái thú Dự Chương không biết đâu mà phân biệt. Khi Chu Hạo đến nhậm chức, được thứ sử Dương Châu là Lưu Phiền uợn một đội quân lớn, trực tiếp gây áp lực với Gia Cát Huyền được xem là không chính đáng. Xét về phía Gia Cát Huyền, Viên Thuật tuy có thanh thế lớn, song đang phải chuẩn bị giao chiến với Tào Tháo, chưa lo nổi mình, căn bản chẳng thể giúp đỡ Gia Cát Huyền được việc gì, huống chi tự mình chẳng phải làm mệnh quan của triều đình, danh bất chính, ngôn bất thuận, thế cô, lực mỏng, tự nhiên chẳng thể dễ kháng, bởi lo đến sự an toàn trong nhà, chỉ còn biết rút chạy cho nhanh. Lúc này chẳng thể trở về quê cũ, Gia Cát Huyền chỉ còn biết dẫn anh em Gia Cát Lượng đến thành Tương Dương ở Kinh Châu, dựa vào sự che chở của người bạn cũ là Lưu Biểu đang làm thứ sử Kinh Châu. Lưu Biểu cũng là người nổi tiếng trong “Bát tuần” năm xưa, là một lãnh tụ chủ yếu của phái Thanh Lưu ở quan trường. Ông không tán thành cuộc tranh chấp không đáng có, cho nên bế quan tự thủ, không tham gia vào bên này hay bên kia, đối với việc tranh chấp giữa anh em Viên Thiệu và Viên Thuật, ông cũng đứng trung lập, cho nên Kinh Châu cũng kể như yên ổn, không chịu ảnh hưởng của chiến loạn nhiều lắm, hơn nữa là nơi văn phong thịnh vượng có thể coi là “cảng lánh nạn” cũng chẳng sai.

Song bởi từ Sơn Đông đến Giang Tây lại từ Giang Tây đến Hồ Bắc, di chuyển nghìn dặm đường xa, thấv rõ quang cảnh ngược Trường Giang lên Kinh Châu, có đến mười mấy ngày chèo thuyền vất vả, đối với Gia Cát Lượng ở độ tuổi mới lớn mà nói đã tăng trưởng không ít kiến thức, những cảnh lưu ly cơ khổ cũng thể hiện sự cần thiết, hòa bình đến mọi gia đình.

Tuy Lưu Biểu rất cao hứng, cũng rất nhiệt thành tiếp đãi Gia Cát Huyền, song ông đâu hợp với quan chức, chỉ nhờ Lưu Biểu cho được sống nhờ ở đấy. Đối với một phần tử tri thức cao ngạo lại có nguyên tắc, việc này như một đòn đánh vào sự khốn khó của đời sống, bởi vậy một năm sau, Gia Cát Huyền sầu não thành bệnh, không dậy được may mà Lưu Biểu vẫn nghĩ tình cũ lo lắng sinh hoạt vật chất cho gia đình Gia Cát Lượng; trong một năm Gia Cát Huyền ở đấy, một số văn sĩ ở gần đó cũng kết thân, mang đến cho gia đình lắm tang tóc đó không ít sự khích lệ tinh thần và mọi sự giúp đỡ khác.

Do quan hệ với Lưu Biểu, người chị của Gia Cát Lượng được gả cho Bàng Sơn Dân là cháu của Bàng Đức Công nổi danh ở Kinh Tương, nói chung là được như nguyện. Gia Cát Lượng năm mười sáu tuổi quyết định dẫn em trai ra sống độc lập, không nhận viện trợ nhân đạo của phủ Tương Dương nữa. Ông bán đi một số tài sản của ông chú còn lại, trực tiếp đến trình kiến Lưu Biểu, biểu lộ ý nguyện tự lập cánh sinh, Lưu Biểu rất vui mừng bèn giúp đỡ cho họ chút ít, ở cách thành Tương Dương hơn hai mươi dặm, có một nơi gọi là Long Trung, để hai anh em họ Gia ở đấy, hai người tự mình cày bừa; năm đó chính là năm Kiến An đời Hán Hiến Đế (năm 197 sau Công Nguyên), thế là hai anh em lưu lạc tìm được quê hương thứ hai của họ, bắt đầu một đời sông ẩn cư nửa cày bừa nửa đọc sách.

Lời bàn của Trần Văn Đức

Quan lại và nhà văn của Trung Quốc, mỗi khi nói đến pháp trị đều thích nêu khẩu hiệu “loạn thế dùng điều luật”; không hiểu rõ người Trung Quốc ở bản chất, chỉ thấy hiện tượng pháp luật không được xem trọng, chỉ thấy kết quả mà không thấy nguyên nhân.

Người Trung Quốc thiếu quan niệm pháp trị, chủ yếu bởi chế độ pháp lệnh chưa hữu hiệu, đấy chẳng phải luật lệ ở Trung Quốc thiếu giấy trắng mực đen, song vấn đề là ở chỗ pháp chế liên quan với con người, nếu chỉ thích những quy định nghiêm khắc; thậm chí đến tàn bạo để biểu thị “chính nghĩa” và “quyền uy” của mình, khi chấp pháp lại có thái độ tùy tiện, biểu đạt một thái độ chưa thấu đáo nhân tình, bởi vậy pháp lệnh tuy rõ ràng song khi chấp pháp thì thiên biến vạn hóa hoặc lại theo “nhân trị”, đâu có thể xây dựng được tinh thần pháp trị.

Pháp luật nghiêm khắc, chấp hành tùy tiện, thiếu chuẩn mực, lẽ tự nhiên đặc quyền sẽ hoành hành, những kẻ quyền thế, công khai dùng sức mạnh làm trái pháp luật luồn lút cửa sau để được việc, trong tình thế ấy

sao có thể xây dựng tinh thần pháp trị cho dân chúng được? Sách “Pháp Y” của Mạnh Đức Tư Cửu, chủ yếu hạn chế việc lạm quyền của kẻ có quyền lực, mục đích chế độ không ở chỗ thống trị trăm họ mà là ngăn chặn lạm quyền. Tiên sinh Châu Văn Hải từng nói: “Pháp trị không ở chỗ bắt nhân dân phải răm rắp tuân thủ mà ở chỗ chánh quyền phải giữ nguyên pháp trị bởi vậy bất luận pháp trị hay nhân trị, mọi người dân đều tuân thủ theo pháp luật”.

6. Q.2 - Chương 2: Ngày Nắng Cày Bừa, Ngày Mưa Đọc “lương Phụ Ngâm”

Thời kỳ Quan độ đại chiến bắt đầu.

Giai đoạn thế lực họ Viên bị suy giảm, Gia Cát Lượng đang ở Long Trung ngoài thành Kinh Tương hai mươi dặm.

Thường ngày nắng cày mưa đọc sách.

1. Loạn thế anh hùng: tranh xuất đầu

Tai họa bề đấng lần thứ hai sau khởi nghĩa Hoàng Cân, đã dẫn vương triều Đông Hán đến chỗ suy vong. Song năm thứ 6 Trung Bình (năm 189 sau Công Nguyên) Hán Ninh Đế đang khi trai tráng đột ngột ngã bệnh, từ trần ở cung Vĩnh An. Thiếu Đế mới mười bốn tuổi lên kế vị, Hà Tiến là anh Hà thái hậu, là người phái Thanh lưu kết hợp phái ngoại thích, có ý diệt hoạn quan lại một lần nữa mắc sai lầm, dẫn đến sự kiện dẫn quân đốt phá cung Lạc Dương, chìm hoàng cung vào trong biển lửa và thảm kịch chém giết. Cùng với quân Hoàng Phủ Tung bao vây phía ngoài, quân Viên Thiệu và Tào Tháo tràn vào nội cung, hoạn quan bị tóm gọn, song kết quả cuối cùng là cô và trai tranh giành nhau mà ngư ông thì được lợi. Lãnh tụ quân Tây Lương là Đồng Trác, một thế lực rất lớn ở ngoài biên chớp thời cơ dẫn quân vào Lạc Dương, mau chóng độc chiếm chính quyền nhà Hán, phế trừ Thiếu Đế, lập Hiến Đế làm tượng gỗ, dẫn vương triều Đại Hán đã có hơn bốn trăm năm đến chỗ hữu danh vô thực.

Trong thời kỳ Hán Vũ đế trị vì bởi muốn để quốc Đại Hán cai trị được hữu hiệu đã chia toàn quốc thành mười ba châu, đặt ra chức thứ sử, thay hoàng đế giám sát các quận huyện, bởi không có binh quyền nữa, các châu này không tách được ra khỏi cơ cấu chung. Song theo diễn biến thời gian lực lượng của các thứ sử ngày mỗi lớn, chẳng những nắm chính quyền còn nắm binh quyền địa phương. Đặc biệt là sau khởi nghĩa Hoàng Cân, ở các nơi dân không ngừng sinh biến, để tăng thêm phương tiện chiêu dụ và trừng phạt, năm thứ 5 Trung Bình, chính quyền Đông Hán lần đầu phong các thứ sử ở châu trọng yếu chức Mục, chính thức giao cho quân quyền và quyền hành chính. Không lâu những thứ sử chưa được phong chức Mục cũng tự mình bắt chước nắm lấy quân quyền và hành chính, khiến châu trở thành một cơ cấu địa phương có quyền hành rất lớn, hơn nữa trong tình thế trung ương dần dần không đủ sức khống chế, Châu mục và Thứ sử trở thành “hoàng đế địa phương độc chiếm một vùng”.

Đồng Trác vốn là Thứ sử Ung Châu, là người đứng đầu trong số những Châu Mục rất hùng mạnh, ông ta cầm đầu quân Tây Lương (gồm quân Ung Châu, Lương Châu) bởi nhu cầu phòng ngự dị tộc tây bắc, cho nên rất có thế lực, thành ra một đại quân lớn. Song các đại quân khác lắm bề phái, không mạnh bằng quân Tây Lương đã được rèn giũa, bởi vậy Đồng Trác rất lạm quyền, có ý tiếm quyền. Tuy có người nói với Hoàng Phủ Tung về dã tâm của Đồng Trác, song với Hoàng Phủ Tung rất có thanh thế, có thể nhắc nhở các quân khu, việc này cũng thật nan giải. Sau sự biến ở cấm cung, Đồng Trác ý thể binh hùng tướng mạnh, nhân lúc loạn mà nắm lấy quyền chánh, hơn nữa lại phế bỏ Thiếu Đế, lập ra Hiến Đế, tự nhiên dẫn đến sự tức tối của các Châu Mục có uy quyền ở các địa phương, được sự thúc đẩy của Viên Thiệu, Viên Thuật và Tào Tháo, các thứ sử châu và thái thú quận huyện, tại Hàm Cốc quân cùng liên minh chống Đồng Trác, tuy họ nêu lá cờ Cần Vương, thực ra chẳng ưa gì chính quyền Trung ương ở Lạc Dương. Quân đoàn này bao gồm Thái thú Bột Hải là Viên Thiệu, tướng quân Viên Thuật là em khác mẹ với Viên Thiệu, Thái thú Hà Bắc là Vương Khuông, Thái thú Trần Lưu là Trương Hùng, Thái thú Đông Quận là Kiều Mạo, Thái thú Sơn Dương là Viên Đại, tướng Tế Bắc là Bào Tín, Thứ sử Dự Châu là Khổng Dữu, Thứ sử Cỗ Châu là Lưu Đại. Sau khi Kiều Mạo, Viên Đại và Tào Tháo trốn chạy cũng lập ra đạo quân riêng, tự xưng là Phấn vũ tướng quân, cũng tham dự liên minh quân sự này.

Song thanh thế của liên minh chống Đồng Trác tuy rất lớn, mà không cùng một bụng, không gắn bó với nhau; lại ngần ngại chờ đợi, bởi vậy tuy họ có mặt ở khắp nơi, có thể thấy ngoài quân của Tào Tháo và quân

của Tôn Kiên thái thú Trường Sa từng đã giao chiến với quân của Đổng Trác, liên quân Quan Đông cơ hồ chỉ là tiếng sấm của một cơn mưa bóng mây mà thôi.

Đổng Trác thấy các Châu Mục công khai phản loạn, lại thêm việc Hoàng Phủ Tung, Chu Tuất bất mãn ra mặt, trong ngoài gây áp lực, khiến ông ta có một quyết sách sai lầm nghiêm trọng, vứt bỏ Lạc Dương, rời đô về Tràn An. Nói cách khác ông ấy đã chủ động vứt bỏ nửa phần giang san.

Song đạo quân Quan Đông liên minh chống Đổng Trác cũng chẳng truy đuổi mà lại tranh nhau chiếm đất dẫn đến đấu đá nội bộ, Tôn Kiên là người có công lớn trong việc chống Đổng Trác thậm chí chết trong cuộc giao tranh với Lưu Biểu thứ sử Kinh Châu, dẫn đến mối quan hệ thù địch sâu sắc giữa hai bên sau này.

Đổng Trác ẩn thân ở Tràn An hưởng thụ cuộc sống một hoàng đế không ngại vàng, lại gặp phải họa chẳng ngờ bị Vương Tư Đồ và người con nuôi là Lã Bố liên hợp mưu sát. Song dư đảng của quân Tây Lương lại tràn vào Tràn An, sát hại Vương Tư Đồ đánh đuổi Lã Bố. Khiến cho Hán Ninh đế, hoàng đế cuối triều Đông Hán cũng chịu cảnh lưu ly diên đảo.

Quyền lực vương triều chính thức không còn nữa, các đạo quân cát cứ từng vùng sớm muộn mất khẩu hiệu cần vương năm nào lại công nhiên lấy lớn nạt bé, lấy mạnh nuốt yếu khắp nơi, đặc biệt là hai thế lực lớn của anh em Viên Thiệu, Viên Thuật tranh giành rất dữ.

Hán Hiến đế cải niên hiệu thành Kiến An (năm 196 sau Công Nguyên), lúc đó, các châu quận thôn tính lẫn nhau, kết quả là suốt từ bắc đến nam, Trung Quốc bị phân thành mười mấy quân khu, các thủ lĩnh quan trọng gồm có:

Công Tôn Độ chiếm cứ Lưu Đông (nay là Lưu Ninh).

Lưu Ngu, Công Tôn Tảo chiếm cứ U Châu (nay là Hà Bắc).

Viên Thiệu chiếm cứ Kì Châu, Thanh Châu, Tinh Châu (nay thuộc các tỉnh Hà Bắc, Sơn Đông, Sơn Tây).

Tào Tháo, chiếm cứ Cỗ Châu (nay thuộc Sơn Đông).

Viên Thuật, chiếm cứ Dương Châu (nay thuộc hạ du sông Hoàng Hà)

Trương Tú, chiếm cứ Nam Dương (nay thuộc tỉnh Hà Nam).

Đào Khiêm, Lưu Bị, Lã Bố trước sau chiếm cứ Từ Châu (nay là tỉnh Giang Tô).

Tôn Sách, chiếm cứ Giang Đông (nay thuộc hạ du sông Trường Giang).

Lưu Biểu, chiếm cứ Kinh Châu (nay là các tỉnh Hồ Bắc, Hồ Nam).

Trương Lỗ, chiếm cứ Hán Trung (nay thuộc Thiểm Tây).

Đổng Trác, Lý Xác, Quách Phạm trước sau chiếm cứ Tư lệ quân khu (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây).

Mã Đằng, Hàn Toại chiếm cứ Lương Châu (nay thuộc Cam Túc, Linh Hạ, Thanh Hải).

Bởi những cuộc đao binh tranh giành đất đai, dân cư và tài vật liên tiếp xảy ra, thiên hạ không lúc nào được yên những cuộc sát phạt này khiến những người dân gắn liền với ruộng đất, bị chết hoặc lưu lạc không ít, ruộng vườn hoang phế, sức sản xuất cũng bởi vậy mà bị phá hoại nghiêm trọng. Đúng như Vương Sấn, một trong bảy người được gọi là thất hiền có miêu tả trong “Thất ai thi”: “Ra đường nào biết về đâu, quạ kêu, xương trắng dãi dẫu bình nguyên”, thật đúng với tình cảnh bi thảm chẳng khác gì địa ngục nhân gian.

Bá chủ Hoa Bắc là Viên Thiệu; trong đám quân hùng cát cứ, thấy nổi trội lên ở hàng đầu là Viên Thiệu và Tào Tháo.

Viên Thiệu tên chữ là Bản Sơ, người vùng Nhữ Nam thuộc Dự Châu, tổ phụ là Viên An từng giữ chức Tư Đồ, thứ tử Viên Sưởng của Viên An cũng làm quan đến Tư không. Con cả Viên An là Viên Kinh làm Thái thú Thục quận, con của Viên Kinh là Viên Thang từng giữ chức Thái úy. Viên Thang có bốn người con là Viên Bình, Viên Thành, Viên Phùng, Viên Khôi. Viên Bình và Viên Thành sớm mất, song Viên Phùng và Viên Khôi đều làm đến chức Tam công, người đời gọi là “bốn đời Tam công” để hình dung quyền thế gia tộc họ Viên. Thân thích, môn sinh của họ Viên đầy cả triều đình, có ảnh hưởng lớn với quyết sách chính trị.

Viên Thiệu là con thứ của Viên Bình, do hình vóc cao lớn tuấn kiệt, khoẻ mạnh lại có uy vũ, trong xã hội thượng lưu vốn trọng hình thức, nên rất được trọng thị. Lại nữa bản thân Viên Thiệu cũng xem trọng kẻ sĩ, bởi vậy nhiều phần tử tri thức về hùa với ông ta, danh tiếng vượt hẳn. Danh tiếng còn vượt hơn cả người em khác mẹ là Viên Thuật, khiến Viên Thuật có vẻ rất tầm tụt. Sau loạn Đổng Trác, hai anh em họ Viên xích mích nghiêm trọng, thậm chí hình thành nam bắc đối kháng, kéo dài thù oán chất chứa, nguyên nhân chủ yếu cũng bởi ở đây.

Do xuất thân từ một gia tộc như thế, con đường công danh của Viên Thiệu rất thuận lợi, mới bước chân vào quan lộ, đã làm bí thư phủ đại tướng, sau khi đã quen với việc quan trường lại được cử làm thị ngự sử (quan kiểm sát). Cuộc đời Hán Ninh đế, để ứng phó với cục diện ngày mỗi không ổn định, đã phải lập ra tám đại quân mới để bảo vệ kinh đô bản thân Viên Thiệu và giới quân sự có quan hệ tốt, được bổ nhiệm làm Trung quân hiệu úy, địa vị gần được như đại hoạn quan Kiển Thạc nổi tiếng vô dũng.

Sau khi Ninh đế tạ thế, các quan viên phái “Thanh lưu” lại đối kháng với nhóm Kiển Thạc ngày mỗi lớn, đại tướng quân Hà Tiến dâng thư đề nghị, đề cử Viên Thiệu làm Tư lệ hiệu úy (tư lệnh quân cấm vệ kinh thành); là một tướng lĩnh có thực lực rất lớn trong thành Lạc Dương, lúc đó Viên Thiệu mới có ba mươi lăm tuổi mà thôi.

Đêm trước chánh biến ở cung đình, đấu tranh với hoạn quan, Viên Thiệu là một viên tướng cứng rắn, muốn trừ diệt hoạn quan, thậm chí ông ta còn ủng hộ dẫn quân Đổng Trác vào thành. Tháng 8 năm thứ 6 Trung Bình, ngày 25 đã xảy ra sự biến ở cung đình, Hà Tiến bị hại, Viên Thiệu được sự giúp đỡ của Tào Tháo, trở thành người chỉ huy tối cao của đạo quân chống hoạn quan.

Trong hành động quân sự trừ diệt hoạn quan, anh em Viên Thiệu và Viên Thuật là những diễn viên chính của vở diễn. Song trong hành động quân sự lần này cũng bộc lộ những khiếm khuyết về kinh nghiệm chỉ huy thực tế, bị Tào Tháo cực lực phản đối, anh em họ Viên vẫn kéo quân vào nội cung, vô luận hoạn quan già trẻ chẳng phân biệt xanh, đỏ, trắng, đen thấy đều giết cả, thậm chí còn giết nhầm nhiều người, có một số người trẻ tuổi, bắt đực dĩ phải lộ quần áo, mới thoát tội chết, khắp vùng giết chóc đưa số người chết đến hai ngàn người.

Sau khi Đổng Trác đoạt quyền, Viên Thiệu công khai đối kháng đã chủ động bỏ quan chức chạy về Kí Châu, kết thành tập đoàn chống Đổng Trác, đã được tôn làm minh chủ. Hành động quân sự này đã không thành công. Song Viên Thiệu đã nhân cơ hội đoạt lấy Kí Châu của Hàn Phúc, đã thu nạp được huyện trưởng các xứ ở Thanh Châu, chống lại Thứ sử Thanh Châu là Điền Khải, lại dẫn quân sang phía tây lấn chiếm Kinh Châu, đánh nhau ác liệt suốt mấy năm, đánh phá đạo quân của Công Tôn Tồn hùng cứ bắc phương, bành trướng thế lực của mình dần dần ra khắp bốn châu Ký, U, Thanh, Tinh trở thành một bá chủ hàng đầu trong đám quần hùng cuối đời Hán.

3. Nhà quân sự cứng cỏi kiêm nhà thơ: Tào Tháo

Tào Tháo tên chữ là Mạnh Đức, người ở đất Bái (nay là tỉnh An Huy), tổ phụ của ông ta là Tào Đằng, một đại hoạn quan, bởi có công lao lớn lập ra Hiến Đế có địa vị rất cao trong nội cung. Song Tào Đằng vốn tính ôn hòa và cẩn thận, vẫn né tránh những hành động tranh quyền trực tiếp, cho nên trong cuộc đấu tranh cung đình nghiêm trọng cuối đời Hán, thái độ của Tào Đằng cũng rất khác thường. Phụ thân của Tào Tháo là Tào Tung là con nuôi của Tào Đằng, vốn là họ Hạ Hầu, xuất thân trong gia đình nghèo khổ, tuy tính tình hiền lành, làm việc chăm chỉ song rất thích tài vận, từng đem số tiền mười vạn đồng để mua chức Thái úy, bởi vậy địa vị trong triều tuy cao song không được tôn trọng. Nghe nói Tào Tháo lúc bé vốn thông minh, dũng cảm, lại rất hiếu động, sách “Thế thuyết tân ngữ” có chép ông ta khi ít tuổi đã là người đáng chú ý. Cuốn chính sử Tam quốc chí có chép: “Thái tổ ít để ý đến cái nhỏ, có quyền uy, thích phóng dăng, lại không lo làm việc gì”. Kỳ thực Tào Tháo bề ngoài có vẻ hiếu động song lại là một học sinh dụng công đọc sách, từ lúc bé đã cực kỳ thích binh pháp. Ông ta học đủ các binh pháp Chư Tử, tự mình phân tích, đặc biệt với “Mười ba thiên binh pháp Tôn Tử”, có thể nói là có nghiên cứu rất sâu xa. Sau này Tào Phi trở thành Ngụy Văn đế có nói: “Cha ta khi còn sống rất thích đọc Thi thư và văn học cổ điển, khi ra ngoài tác chiến, thường không rời quyển sách, khi ở nhà thì quý sách như tính mệnh, ông từng nói: “Phải học ngay từ khi còn trẻ. Khi đã lớn tuổi trí nhớ cũng kém đi, thường chỉ thu được một nửa, dù như thế vẫn cần phải cố gắng đọc sách thêm một chút nữa!”

Kể từ ngày sáng lập thời Quang Vũ Đế trở về sau đã rất xem trọng “khí tiết”, “sĩ phong”, lại lấy tiến cử làm

con đường cát nhắc chủ yếu; bởi vậy người đương thời rất chú trọng “nhân vật phẩm giám”; là một người tuổi trẻ sớm được chú ý đến, chớp cơ hội tiến triển, xem ra ông ta đã là người đáng được kể đến vậy.

Do Tào Tháo có cá tính phóng đãng, “Tam quốc chí” cũng ghi rằng, người ta về căn bản đều không có thiện cảm với ông. Song khi ông mới mười lăm tuổi, lại có hai vị danh sĩ phái Thanh lưu, đã tán thưởng Tào Tháo hết mực.

Hà Ngung người Nam Dương, là bạn thân thiết của Lý Ứng và Trần Phiên, từng ở ngôi Tam công với chức Tư không, là một nhân vật được tôn sùng lúc bấy giờ.

Hà Ngung lần đầu thấy Tào Tháo đã cảm khái nói với một người bạn rằng, nhà Hán ắt sẽ diệt vong, muốn an định được thiên hạ, phải có được một người tài như người trẻ tuổi này.

Kiều Huyền là người Lương Châu, từng có công bình định người Khương, làm đến chức Thái uý, con em của ông ta cũng không ít người giữ các chức quan cao trong triều. Kiêu Huyền là người khiêm nhường chính trực, làm quan thanh liêm, có thể nói là một bậc gương mẫu, bởi vậy mà rất nổi tiếng lúc bấy giờ. Khi đối diện với một kẻ chưa nổi danh, lại đối địch với mình bởi là hậu duệ của hoạn quan, với người thiếu niên mới mười lăm tuổi, Kiêu Huyền vẫn nói với Tào Tháo những lời khích lệ rằng: “Thiên hạ không lâu nữa sẽ nhiễu loạn, chẳng có cái tài như anh thì chẳng thể giúp đời trị loạn, sau này giúp trăm họ có được hòa bình an lạc, ắt phải cần đến những người như anh!”.

Hứa Thiệu là người Nhữ Nam, là một nhà tướng học có tiếng, ông ta cùng với người anh là Hứa Tĩnh mỗi lần gặp đều bình phẩm về những người trong vùng. Bởi Hứa Thiệu nổi danh, có không ít người ở xa xô nghìn dặm xin ông đoán giúp, có thể nói đây là nhà tiên tri nổi tiếng đương thời.

Cuốn “Dị đồng tạp ngữ” của Tôn Thịnh, có chép như sau: “Tào Tháo đến gặp Hứa Thiệu yêu cầu thầy xem tướng ỳnh, Hứa Thiệu đáp rằng: “Anh là người sẽ có tài năng thần trị thế, gian hùng ở đời loạn”, Tào Tháo nghe rồi cả cười mà đi”, (tác giả La Quán Trung trong Tam Quốc Diễn Nghĩa có đưa chuyện này vào trong tiểu thuyết).

Từ những ghi chép này, chúng ta có thể thấy, Tào Tháo khi còn trẻ đã biểu lộ cá tính rất đặc sắc, ông có tính thích ứng với thời đại rất lớn, hơn nữa có tầm nhìn thấu đáo, những điều ấy gắn liền với cá tính hiếu động hoạt bát, lại cần cù đọc sách của ông.

Những nhận xét của Hứa Thiệu, chủ yếu đã dự trắc trước, Tào Tháo chẳng những giỏi ở ứng biến khôn ngoan hợp lý mà lại có năng lực điều hành trị quốc trong thời bình. Trong thời cực rối ren ông cũng có thể vứt bỏ những hạn chế quy phạm truyền thống, lấy thủ đoạn khác thường để ứng phó với cục diện nhiễu loạn. Ở nhà chính trị trẻ tuổi này, có đầy đủ tầm nhìn xa, năng lực thấu thị, hơn nữa lại sẵn có nhiệt tình vô hạn và tính hoạt bát, tự nhiên nhận được cái nhìn ưu ái và sự tiếp đãi của người có tâm với mình.

4. Từ lý tưởng đến hiện thực

Do tổ phụ và thân phụ có quan hệ với quan lại, Tào Tháo khi hai mươi tuổi, được tuyển làm Hiếu Liêm bắt đầu bước vào đường sĩ đồ. Quan chức đầu tiên của ông ta là Đô uý, đứng đầu toán quân cảnh bị bắc kinh thành, đây cũng là một chức quan mà ít người đã có ngay được.

Tào Tháo như con trâu ghé mới vực, có nhiệt tình và dũng khí, chẳng hề nghĩ đến những quan hệ đứt dây động rừng, vị tân quan này như có lửa nóng trong người, quyết làm việc chỉnh đốn đổi mới mà ông ta tâm đắc.

Đầu tiên ông ta đã xử tội chết với người chú của Kiến Thạc, một đại hoạn quan, bởi phạm pháp, khiến cho giới đặc quyền kinh hãi song bởi Tào Tháo là người triệt để đi theo lập trường ủng hộ quyền lực Vương triều, phái đặc quyền cũng không biết làm sao, chỉ điều động ông ta nay đổi chỗ này mai đổi chỗ khác, khi ở trung ương khi ở địa phương, cuối cùng điều làm Nghị Lang một chức không có mấy quyền hành, song Tào Tháo chẳng hề thoái chí, ông lấy thơ ca để thể hiện lý tưởng chính trị của mình ví như hai bài thơ “Đối tửu” và “Độ quan Sơn” khác với những người cho rằng lập trường của ông tất cả vì nhân dân mà chẳng vì quan phủ, thực ra ông cho rằng lấy quyền lực để tạo phúc cho dân, bởi vậy khi ông làm quan đã khích lệ sự tiết kiệm, khuyên dân giữ đúng phép tắc, ông cũng kịch liệt phản đối quan lại nhiễu sách nhân dân, nhằm mục đích là dân được yên vui, với dân cùng hưởng. Để giúp bạn đọc hình dung chân thực về Tào Tháo, xin đưa bài châm sau đây:

“Trong khoảng trời đất, con người là quý. Vua sáng chấn dân, làm ra phép tắc. Xe bon ngựa chạy, bốn hướng rõ ràng. Quét sạch bóng đêm, lê dân hòa lạc. Hậu thế ngợi ca, cải phong dịch tục. Dân vì vua sáng, chẳng tiếc sức lực. Đời vua Nghiêu Thuấn, khắp chốn yên vui. Di Tề ở ẩn, gương sáng còn lưu, chớ bày xa hoa, lấy kiệm cần làm đích...”.

Xã hội nhiễu nhương, thời cực ngày mỗi xấu đi, dẫn đến sự biến cung đình, khiến cho Đồng Trác dẫn quân Tây Lương vào cuộc độc chiếm triều đình đoạt được chính quyền vương thất Đông Hán.

Bởi Tào Tháo làm việc tích cực thanh liêm, danh tiếng rất cao, Đồng Trác có ý mượn tay ông ta để đề cao uy quyền của chính quyền mới, bèn cho Tào Tháo làm Kiêu kỵ hiệu úy (quan tư lệnh kỵ binh ở kinh thành). Song Đồng Trác là người bạo ngược, có lý tưởng chính trị trái ngược, Tào Tháo phải vứt bỏ quan chức chạy trốn, khôn khéo vô cùng không may bị bắt, song lại được người hữu tâm giúp đỡ mới có thể trốn lọt mà trở về quê hương.

Bởi đeo đẳng lý tưởng chính trị Tào Tháo phải tán tận gia tài, được người giàu có ở làng giúp đỡ, chiêu mộ năm ngàn người, lần đầu giương cao cờ nghĩa, công khai trở thành một lực lượng vũ trang chống lại Đồng Trác.

Sau khi bọn Viên Thiệu liên minh Quan Đông Tào Tháo gia nhập với họ, trở thành một trong hai đội quân giao đầu ác liệt với quân Đồng Trác (một đạo quân khác của Tôn Kiên là phụ thân của Tôn Quyền). Bởi vậy ông ta rất thất vọng với đạo quân Quan Đông, lại dẫn quân về Hà Nội chấn chỉnh giáo mách chờ đợi cơ hội.

Khi đó quân Hoàng Cân ở Thanh Châu với mười vạn người đánh vào Cỗ Châu cướp lương, quân trấn thủ Cỗ Châu do Lưu Đại, Bào Tín cầm đầu liên tiếp đại bại, thủ lĩnh đều giữa trận bỏ mạng, Tào Tháo được sự tiến cử của Bào Tín trước đó tạm lãnh Cỗ Châu mục. Bởi Tào Tháo có sự thông cảm với dân biến loạn, chiêu phủ quân Hoàng Cân nhiều lần, ân uy đều có, đã nhanh chóng bình phục được sự kiện này. Tào Tháo phản đối bạo lực mù quáng, lại mở đường cho họ thu nạp ba mươi vạn quân Hoàng Cân đầu hàng vào biên chế, còn những người già yếu, phụ nữ, trẻ em cho về quê cày cấy, những thanh niên trai tráng được huấn luyện quân sự, tạo thành đại quân Thanh Châu. Từ đây Tào Tháo chẳng những có địa bàn lại có quân lính của mình tranh bá quyền bính với thiên hạ.

Sau khi đặt nền tảng ở Cỗ Châu, Tào Tháo quyết định mở rộng địa bàn của mình, mục tiêu của ông ta là Từ Châu ở phía đông, ở đây Đào Khiêm thứ sử Từ Châu đã toàn tâm phòng bị sẵn, bởi Tào Tung thân phụ của Tào Tháo đang bị nạn ở Từ Châu, Đào Khiêm căn cứ vào truyền thống võ trọng đức, phái bộ tướng Trương Khởi hộ tống Tào Tung xuất cảnh. Gia đình Tào Tung mang theo khá nhiều của cải, Trương Khởi nhân đó chiếm đoạt giết hại Tào Tung và đứa con nhỏ Tào Đức. Tào Tháo nghe tin rất đổi bi thống, thề rằng tắm máu rửa thù cho cha ở Từ Châu. Đào Khiêm tuy liệu mình song hiển nhiên không phải là tay đối thủ, sau khi công phá được vị trí quân sự trọng yếu Đàm Thành, Tào Tháo xuống lệnh hủy diệt toàn thành, nghe nói quân dân Từ Châu bị giết cả ở bên sông Tứ Thủy đến vài vạn người, đến nỗi nước Tứ Thủy không chảy được.

May mà có Tôn Tồn một chúa công ở Hoa Bắc, phái Lưu Bị đang làm huyện lệnh Bình Nguyên dẫn quân cứu viện, lại thêm ở bản doanh Cỗ Châu của Tào Tháo, Trương Mạc cầu kết với Lã Bố làm phản, mới bức được Tào Tháo phải rút quân, song Từ Châu trải qua chiến loạn, nhân dân lưu tán, tài vật tổn thất không kể nổi, bị rơi vào cảnh binh hoang mã loạn, cả nhà Gia Cát Lượng, được ông chú Gia Cát Huyền mang theo, phải dời bỏ quê hương trước đến Dự Chương sau chuyển đến Kinh Tương tránh nạn chính là bởi sự kiện này. Kể từ khi rút binh khỏi Từ Châu, ổn định lại Cỗ Châu, Tào Tháo tiếp thu đề nghị của mưu thần Tuân Úc, Trình Dục, thực hiện quyết sách trọng yếu nhất một đời của ông ta là: Nhân Hán Hiến đế đang bị quân Tây Lương bức phải lưu lạc, ngênh tiếp về yên vị ở Hứa Đô, việc làm với ý nghĩa lớn này, sẽ để tiếng lại về sau là uy hiếp thiên tử để sai khiến Chư hầu. Các sử học gia đời sau cho rằng đây là một nước cờ rất thành công trong việc giành bá quyền của Tào Tháo, lại rất ít nhắc đến nỗi đau và hiểm cảnh chẳng mấy ai hay. Lấy cố phụng giá thiên tử, như vậy ông ta đã chiếm được quyền lực tối cao, đối với một thủ lĩnh đại quân mà nói, đó là một sách lược rất mạo hiểm, ít có khả năng trở thành hoàn hảo, mà lại thành đối tượng bao vây của các đại quân, giống như Đồng Trác năm nào.

Trong đại quân Viên Thiệu, binh lực gấp nhiều lần Tào Tháo; tổng tham mưu cũng bàn bạc kéo dài về đối sách với việc này, để chiếm ưu thế hơn. Song cự thần Quách Đồ và đại tướng Thuần Vu Quỳnh kịch liệt

phản đối, ông cho rằng phụng giá thiên tử, nhìn bề ngoài có ưu thế tuyệt đối song thực tế cũng có thể lập tức trở thành cái đích chịu nhiều mũi tên bắn. Hơn nữa thiên tử đang ở trong vòng, hành động ra sao, về nghi lễ đều phải báo cáo để ông ta rõ, sẽ phá hoại đến tính cơ động và tính bảo mật của quân cơ. Đường nhiên, nghiêm trọng hơn là các công khanh đại thần xung quanh hoàng đế lại không dễ qui thuận, rất khách khí, thì phụng giá thiên tử xét về căn bản chẳng phải là việc dễ dàng. Nếu thái độ cứng rắn quá, những đại thần đó tất nhiên sẽ không bằng lòng, tìm mọi cách chống đối, thế không thể tránh khỏi, chẳng khác gì vướng phải một quả mìn nổ chậm ở bên mình.

Trên thực tế Tào Tháo về sau bị chỉ trích là gian hùng ông ta trường kỳ đấu tranh chính trị với các đại thần dẫn đến sự kiện Đông quốc cữu và Phục hoàng hậu, đều bởi từ đó mà ra.

Khi đề xuất sách lược phụng giá thiên tử, các tham mưu và tướng lĩnh trong doanh trại Tào Tháo, cơ hồ toàn bộ đều phản đối sách lược quá mạo hiểm đó, song Tuân Úc lại kiên quyết chủ trương: “Nay thiên tử đang ở giữa vạn nỗi gian khó, tướng quân là nghĩa binh hàng đầu, hợp lẽ phụng giá thiên tử, sẽ rất được lòng dân, như thế ắt thuận lợi vậy”.

Rõ ràng rằng nếu đứng trên lập trường quân phiệt cát cứ tự chủ phụng giá thiên tử hại nhiều hơn lợi. Song nếu như lấy việc phục hồi trật tự trong thiên hạ, tiến đến nắm đại quyền quốc gia, xét ở góc độ sách lược, luân lý chính trị và lợi hại chính trị không thể không đi theo. Bởi vậy Tào Tháo bất chấp dư luận, quyết vận dụng đề nghị của Tuân Úc, lại sai tướng quân Tào Hồng hộ giá Hán Hiến đế từ Lạc Dương về Hứa Đô, điều này cho thấy bản chất tư lự chính trị của Tào Tháo, không đồng nhất với tập đoàn quân phiệt Viên Thiệu.

5. Tự cổ dùng binh không ai như Tào Tháo.

Xét về quân sự, tài năng của Tào Tháo đã được khẳng định rõ ràng.

Tô Đông Pha, một trong bát đại gia Đường Tống, từng biểu thị: “Dùng binh từ thượng cổ, Tào Tháo chẳng ai bằng, một chuyện diệt Viên Thiệu, trí lực rõ tài năng”. Điều này cũng được Gia Cát Lượng nói rõ: “Tào Tháo dụng binh phẳng phất như Tôn Ngộ (chỉ Tôn Vũ và Ngộ Khởi)”. Ngoài thực tế chỉ huy tác chiến, cuốn sách “Ngụy Vũ chú Tôn Tử” do Tào Tháo trước tác, trải qua hai nghìn năm vẫn được các nhà quân sự công nhận là từ xưa đến nay, đây là tác phẩm giải thích rõ nhất về binh pháp Tôn Tử.

Tào Tháo suốt đời cơ hồ không dùng vó ngựa chiến; liên tục Đông chinh, Tây phạt, Nam chinh, Bắc chiến. Ông chẳng những dừng cảm trong hành động, lại có tầm nhìn xa, sách lược thấu thị cùng qui hoạch chiến đấu rõ ràng. Do có một trí lự thiên bẩm, nên suy tư thấu đáo về những nguyên lý nguyên tắc trong binh pháp, ứng dụng dễ dàng, rất kỳ lạ. Trong điều kiện và cục diện ác liệt, cũng thường chuyển bại thành thắng, cuối cùng ông ta trở thành người nổi tiếng nhất giữa đám quần hùng cuối đời Hán.

Trận chiến ở Quan Độ là điểm ngoặt trong sự nghiệp của Tào Tháo. Đối diện với đạo quân của Viên Thiệu hơn hẳn mười lần, với các chiến tướng đông đảo, Tào Tháo đã vận dụng đầy đủ thiên thời, địa lợi của binh pháp; về chiến lược, ông chủ động chọn địa điểm Quan Độ, làm địa điểm quyết chiến triệt để nắm lấy điều kiện địa lợi. Sau đó, ông thực hiện chiến thuật dẫn dụ khiến đạo quân Viên Thiệu không thể không tập trung ở địa khu Quan Độ, gián tiếp tạo thành sự bất lợi cho Viên Thiệu về sự vận chuyển lương thảo.

Sau khi đã bố trí, Tào Tháo dẫn dụ quân Viên Thiệu trúng kế húc vào, quân Nhan Lương và Văn Sứ vốn dũng mãnh, đã vượt qua Hoàng Hà mắc phải chiến trường đợi sẵn. Trước sự quyết chiến lớn, với hai đạo quân đột kích đáng sợ, trận doanh của Viên Thiệu ngay từ lúc đầu đã rơi vào tình thế rất bất lợi.

Tiếp đến là cuộc chiến kéo dài hơn bốn tháng, bất luận Viên Thiệu khiêu chiến ra sao, Tào Tháo đều lợi dụng địa hình để cố thủ. Lúc đó đang là cuối hạ đầu thu, lương thực ở Hoa Trung đã thu hoạch xong, kho lương của quân Tào đầy ắp, song quân Viên Thiệu quá đông, bởi đường xá vận chuyển xa xôi, khiến việc bổ sung lương thực thành ra là một vấn đề nghiêm trọng. Việc đánh kéo dài của Tào Tháo, hiển nhiên này là nhằm vào điểm yếu đó, nhờ được tin tình báo của Hứa Du, một hàng tướng đến từ phái Viên Thiệu biết được lương thảo của quân Viên Thiệu để ở Ô Sào, Tào Tháo nhân đó mà có ý định, tự mình dẫn một đạo quân bé đột kích chớp nhoáng đánh vào Ô Sào, dùng hỏa công thiêu cháy hủy hoàn toàn lương thảo của quân Viên Thiệu. Nghe nói lương thực bị hủy sạch, phần lớn quân Viên Thiệu vô cùng kinh hoảng, chẳng còn bụng dạ nào nghĩ đến đánh đấm, trong quân tan rã, dẫn đến việc Trương Cáp một tướng tài dưới trướng đầu hàng Tào Tháo. Viên Thiệu bất đắc dĩ phải vội vàng rút quân về phía bắc, trong khi qua Hoàng Hà, lại

bị Tào Tháo truy kích dữ dội, Viên Thiệu chẳng kịp đề kháng, số thương vong có đến hơn tám vạn người, quân tinh nhuệ bị tiêu diệt sạch, Viên Thiệu được quân cận vệ liều chết bảo vệ chỉ cốt chạy tháo thân.

Hai năm sau, Viên Thiệu ngã bệnh từ trần, các con Viên Thiệu đấu đá nhau, Tào Tháo dùng “chiến thuật phân biệt đối đãi”. Hai năm như vậy, để họ tự tàn sát lẫn nhau, thực lực đã hoàn toàn suy yếu, mới dễ dàng bẻ gãy dần quân Viên Đàm, Viên Hý và Viên Thượng, từ đấy ngoài đạo quân Tây Lương của Mã Đằng, Hàn Toại còn chiếm cứ Quang Trung, trên thực tế Tào Tháo đã khống chế khắp cả Nam Bắc Hoàng Hà, chiếm nửa phần Trung Quốc. Từ đại chiến Quan Độ, bắt đầu một thời kỳ mới, đến giai đoạn này thế lực của họ Viên đã bị diệt trừ, Gia Cát Lượng đang ở Long Trung, cách thành Kinh Tương hai mươi dặm, hằng ngày vẫnนั่ง cày bừa, mưa đọc sách.

6. Nhà chiến lược trẻ tuổi chưa ai biết đến.

Khoảng mười năm kể từ tuổi mười bảy Gia Cát Lượng vẫn ở Long Trung phía ngoài thành Tương Dương ở Kinh Châu, hằng ngày cày bừa và đọc sách. Ở phía nam Hán Thủy, Long Trung chỉ có một con đường nhỏ hẹp dẫn vào, thôn Long Trung chạy dọc bên đường ước khoảng vài ba dặm. Đó là một thôn nhỏ vùng núi có sơn thủy diễm lệ. Tam quốc chí có chép, Gia Cát Lượng ở đây có một ngôi nhà cỏ, hơn nữa lại tự mình cày ruộng, một người trẻ tuổi chẳng có gia sản và có ít quan hệ, tất cả phải dựa vào chính mình chẳng giống như bọn bạch diện thư sinh vẫn được chiều chuộng. Có thể thấy bởi có một đời sống như vậy, Gia Cát Lượng phải tự tay chế tạo công cụ, từ bé phải tự lực cánh sinh có được sức sáng tạo và trí tưởng tượng phong phú.

Cuốn chính sử “Tam quốc chí” có chép về Gia Cát Lượng khi còn ít tuổi như sau:

“Gia Cát Lượng tự mình cày ruộng, rất thích đọc Lương Phụ Ngâm, thân cao tám thước ta, thường ví mình với Quán Trọng, Nhạc Nghị khi xưa, người bấy giờ chẳng mấy ai biết đến, chỉ có Thôi Châu Bình ở Bắc Lăng, Từ Thứ (Nguyên Trực) ở Dĩnh Xuyên với Gia Cát Lượng kết bạn tri kỷ; quả thực là vậy”.

Độ cao tám thước ta, có nghĩa là cao 1,8 m bây giờ; có thể nói rằng Gia Cát Lượng chẳng phải như có người nói, kẻ sĩ yếu đuối “trời gà không chặt”, trái lại do sớm lao động từ bé, Gia Cát Lượng lớn lên có một cơ thể đại hán Sơn Đông khang kiện, hùng tráng uy vũ. Ông ta thường ví mình với hai vị danh tướng thời Xuân Thu chiến quốc là Quán Trọng và Nhạc Nghị, cho thấy có chí nguyện từ khi còn trẻ, muốn được lập công nơi trận mạc, là một võ tướng giàu mưu lược; cũng cho thấy thời thơ ấu trải qua loạn lạc khiến ông rất quan tâm đến chiến tranh, bởi vậy thời trẻ đã đọc thuộc lầu binh thư, nghiên cứu sâu xa về binh pháp. Song do hạn chế ở hoàn cảnh, khiến ông lúc nhỏ không có cơ hội tập võ, nay xem kỹ sử liệu, Gia Cát Lượng tựa hồ là người chỉ năng động não, mà không thể làm một đại tướng tự tay múa giáo. Trong những ghi chép còn lại, cũng chưa thấy Gia Cát Lượng cầm đao kiếm bao giờ.

Đời sống gian khổ từ bé, đã nuôi dưỡng ông sớm chín chắn, nghiêm túc cẩn thận mà tôn trọng lễ tiết, tư lự chu đáo và cũng rất tự tin ở mình. Bởi vậy, người mà ông kết giao thường hơn tuổi ông rất nhiều. Theo tư liệu lịch sử thì Từ Thứ hơn Gia Cát Lượng khoảng mười lăm, mười sáu tuổi, cơ hồ là đàn anh, còn Thôi Châu Bình, Thạch Quảng Nguyên, Mạnh Công Uy lại hơn tuổi Từ Thứ. Còn về sự qua lại với gia tộc Bàng Đức Công nổi tiếng trong vùng, Gia Cát Lượng lúc đó kém Bàng Đức Công khoảng ba mươi tuổi mà đối với Bàng Thống chỉ hơn ông ta ba tuổi, sự tiếp xúc cũng không nhiều, bởi vậy bạn bè với Gia Cát Lượng không nhiều lại ít qua lại, đối với việc Gia Cát Lượng ví mình với Quán Trọng, Nhạc Nghị, là chuyện khó tin vậy.

Chẳng qua, Gia Cát Lượng với những người bạn chênh lệch tuổi, thường không một chút tự ti, lại rất hòa đồng với họ, thường cùng có chí hướng thảo luận thời sự và tương lai. Bùi Tùng Chi chú giải “Tam quốc chí” có chép như sau: Từ Nguyên Trực, Thôi Châu Bình, Mạnh Công Uy thường thảo luận với Gia Cát Lượng về học vấn, Từ Nguyên Trực về học vấn có tinh thông hơn ba người kia, nghiên cứu sâu xa về kinh điển, có kiến giải rõ ràng, có lòng vì người giúp đời. Song Gia Cát Lượng khi ấy lại không giống như thế, ông thích đại lược, cũng là nói ông thích mở rộng vấn đề, chú trọng ở ứng dụng thực tế, cốt ở thông hiểu nhiều mặt, để có một tri thức toàn diện. Đương nhiên, Gia Cát Lượng có năng lực học tập hơn người, ông tinh thông kinh điển Chư Tử đủ cả nho, pháp, đạo, tạp, đối với thiên tượng địa lý, công trình thổ mộc binh pháp kinh dịch đều có nghiên cứu sâu xa, có thể gọi là một nhà “tạp gia”.

Nói thế để thấy Gia Cát Lượng là người có tâm, chẳng phải như trong “Xuất Sư Biểu” đã nói: “Chỉ lo giữ yên mệnh ở đời loạn chẳng cầu nổi tiếng với chư hầu” phỏng theo các danh sĩ, trái lại ông rất mong đợi ở

con đường làm việc nay mai.”

Bùi Tùng Chi có chép: Có một hôm Gia Cát Lượng nói với Từ Nguyên Trực, các anh nay mai làm quan, xem tài cán chắc sẽ làm đến thứ sử hoặc quận trưởng”. Từ Nguyên Trực đáp rằng: “Còn anh thì sao?” Gia Cát Lượng chỉ cười mà không nói. Từ Nguyên Trực sau này ra làm quan với Tào Ngụy đến chức Trung lang tướng kiêm Ngự sử. Mạnh Công Uy thì làm thứ sử Lương Châu. Thạch Quảng Nguyên cũng làm đến quận trưởng, lại thêm chức Điển Nông hiệu uý. Gia Cát Lượng đã ví mình như Quán Trọng, Nhạc Nghị, cho thấy hoài bão của ông, vẫn nuôi đại chí muốn làm kẻ bầy tôi chỉ dưới một người trên cả vạn người. Bùi Tùng Chi ngợi ca ông là người tài hơn người đời, khí chất nổi trội, ngay từ thời trẻ đã cho thấy ông có những biểu hiện không giống với người khác.

7. “Lương Phụ Ngâm” và nghi án thiên cổ

Trần Thọ trong “Chuyện Gia Cát Lượng” có chép một đoạn văn khiến người đời sau rất hứng thú, kể việc họ Gia rất thích đọc Lương Phụ Ngâm. Lương Phụ Ngâm đã miêu tả cái gì? Vì sao Gia Cát Lượng khi còn trẻ lại đặc biệt thích đọc nó?

Theo ghi chép sử liệu hiện có, Lương Phụ Ngâm là một bài ca dao cổ của quê hương Gia Cát Lượng vẫn được lưu truyền ở nước Tề, nội dung của nó được miêu tả như sau:

Tề thành - bên cửa dừng chân

Trông vời có phải Đãng Âm phía này

Phải rằng ba mộ còn đây

Rừng rưng chợt hiện chuyện ngày xa xưa:

Hỏi quanh:

- Ai đó bấy giờ?

- Điền Cương, Cổ Dã sức dư muôn người

Nam Sơn đủ sức chuyển rời

Ngờ đâu tuyệt địa ngậm ngùi tài trai.

Giữa triều quý kẻ đặt bày,

Hai đào, ba mạng chuyện này lạ sao

Hỏi ai bày vẽ mưu sâu?

- Án Anh tướng quốc đứng đầu Tề quan!

Ý tứ của câu ca dao này là: Nếu có ai đó bước tới Đô thành Lâm Chuy nước Tề, nhìn xa về phía nam mà nhớ đến quá khứ, có một nơi gọi là Đãng Âm trong làng ấy có ba ngôi mộ cổ hình thức kiến tạo cơ hồ giống hệt nhau.

Lại thử hỏi phần mộ ấy là của ai, người trong làng sẽ nói cho ta rõ, đây là mộ phần của các dũng sĩ Điền Cương và Cổ Dã nước Tề đời Xuân Thu (ngoài ra còn có một ngôi mộ nữa là Công Tôn Tiết cũng nổi tiếng lúc bấy giờ). Đây là ba dũng sĩ sức có thể dời đổi núi Nam Sơn, kiếm thuật tinh diệu vô cùng.

Không may ba người cùng bị lời gièm pha hãm hại chỉ có hai quả đào mà giết hại cả ba dũng sĩ, hỏi ai là tay cao thủ xếp đặt âm mưu này? Đó là quan tể tướng lừng danh nước Tề tên là Án Tử! Câu chuyện bi thảm về hai quả đào giết hại ba dũng sĩ này xảy ra vào cuối đời Xuân Thu. Trong “Án Tử Xuân Thu”, có ghi chép tường tận việc ấy đại khái như sau:

Lúc ấy vào cuối đời Xuân Thu, Tề cảnh Công đang ở ngôi báu, nước Tề đang có ba kẻ dũng sĩ nổi danh, họ tên là Điền Cương, Công Tôn Tiết và Cổ Dã võ dũng hơn người, một người đương nổi nghìn người, tiếm nổi cá tính của họ kiêu ngạo mà cuồng vọng, nếu như họ cùng hợp lại, có thể uy hiếp được sự an toàn của vương triều nước Tề.

Tể tướng Ân Anh nước Tề biết rõ về ba người ấy, họ kiêu ngạo mà sĩ diện, bởi vậy khoét sâu vào nhược điểm ấy, bày mưu để Tề cảnh Công trừ khử ba viên dũng sĩ nọ. Có một hôm, Lỗ Chiêu Công lại thăm, có tặng mấy quả đào tiên, Tề Cảnh Công đã ban phát ấy quan đại thần chỉ còn thừa có hai quả đào. Ân Tử nhân đó nói với Tề Cảnh Công, không có gì bằng đem hai quả đào này ấy viên dũng sĩ đó, để biểu dương khả năng của họ. Tề Cảnh Công lập tức xuống lệnh, các thần dân đều có thể tự biểu dương công lao để giành được vinh dự này. Công Tôn Tiết dướn người lên tâu rằng: “Mấy năm trước, thần hộ giá chúa công đi săn ở Đồng Sơn, gặp phải hổ dữ thần đã ra tay bắt hổ, bảo vệ được chúa công, công đó hỏi có gì bằng?”. Nói xong tiến lên trước cầm một quả đào ăn ngay lập tức.

Cổ Dã nhìn thấy hăng hái đứng dậy nói to rằng: “Bắt hổ có gì là lạ, thần có lần hộ giá chúa công qua Hoàng Hà, gặp phải con rồng tác oai tác quái, tình huống phi thường nguy hiểm, thần đã ra tay chém chết nó, sóng yên gió lặng, cứu nguy được thuyền, công này có gì bằng?”.

Tề Cảnh Công cũng làm chứng rằng: “Đúng vậy, lúc đó sóng gió quá chừng, nếu tướng quân chẳng giết được rồng, chẳng thể giải nguy thực là kỳ công cái thế vậy, đáng được thưởng quả đào này!” Cổ Dã nghe rồi, cũng lập tức tiến lên cầm một quả đào ăn liền. Bỗng thấy Điền Cương chợt nổi xung lên la lớn rằng: “Thần từng phụng mệnh chinh phạt nước Từ, chém được danh tướng, bắt được hơn năm trăm người khiến vua nước Từ khiếp sợ phải chủ động đầu hàng, cầu xin làm nước phụ thuộc, chiến công lẫm liệt, khiến các quốc vương nước Trịnh và nước Cử thấy đều kinh hãi, cùng tôn sùng chúa công làm minh chủ, công lao như vậy cũng đủ tư cách ăn đào lắm chứ!”.

Ân Tử cũng nhân đó tâu rằng: “Công lao của Điền Cương thực rất lớn, gấp mười lần hai vị kia, tiếc đào tiên đều ăn hết rồi xin thưởng ột chén rượu, dịp khác sẽ ban thưởng vậy!”.

Tề Cảnh Công cũng chiều theo: “Công của Tướng quân rất lớn, đáng tiếc nói hơi chậm, giờ chẳng còn quả đào nào nữa để thưởng cho người”.

Điền Cương tuốt kiếm giơ lên mà rằng: “Chém rồng đánh hổ, chỉ là chuyện nhỏ, thần xông pha nghìn dặm đổ máu lập công, lại không được ăn đào tiên, thực là sỉ nhục, chẳng khác gì chuyện hai vua Tề, Lỗ hội yến, khiến cho vạn đại còn đàm tiếu, còn mặt mũi nào mà đứng giữa triều đình”. Nói rồi quay kiếm tự đâm mà chết.

Công Tôn Tiết nhìn thấy thất kinh mà rằng: “Thần công lao bé nhỏ mà cướp lấy phần đào, Điền tướng quân công rất lớn lại không được ăn, thần không nhường phần đào thực chẳng phải kẻ sĩ liêm khiết, thấy người ta chết mà không dám theo thật chẳng phải hành động của kẻ võ dũng”. Nói rồi, cũng tự đâm mà chết.

Cổ Dã vội la lớn rằng: “Ba người chúng thần tình như cốt nhục, thế cùng sinh tử, hai người đã chết, thần đâu dám ham sống chẳng đành lòng vậy!” cũng lại tự đâm mà chết.

Tề Cảnh Công thấy ba người cùng biểu lộ chí khí của kẻ hào kiệt bèn lấy lễ trọng hậu táng; đây là câu chuyện “Nhị đào sát Tam sĩ” vẫn còn lưu truyền. Các bậc phụ lão nước Tề đối với ba kẻ hào kiệt, cùng cảm thương người giữ khí tiết mà ngộ nạn, đã làm ra khúc ca dao bi ai “Lương Phụ Ngâm” một mặt khác cũng nói mát Ân Tử người vẫn nổi danh là hiền tướng, đã lấy mẹo gian bắt nhân hại người vô tội.

Có một số nhà sử học cho rằng Gia Cát Lượng thích đọc Lương Phụ Ngâm chỉ là do nhớ nhung quê hương nên thường ngâm ngợi khúc ca dao quê hương mà thôi, chẳng có nội dung gì khác, thậm chí có người cho rằng Lương Phụ Ngâm là khúc ca dao thông tục của nước Tề. Gia Cát Lượng sở dĩ ngâm ngợi chẳng phải bởi cái tiêu đề “Nhị đào sát Tam sĩ”. Tuy nhiên các sử liệu cũng không đủ bằng chứng để cho rằng Gia Cát Lượng thích đọc Lương Phụ Ngâm bởi bài ca dao ấy nói mát Ân Tử, song cá tính đặc dị độc hành của Gia Cát Lượng thời trẻ, qua những dòng ghi chép trân trọng của Trần Thọ cho thấy không chỉ là tượng trưng cho nỗi nhớ quê hương mà thôi.

Ân Tử, tên gốc là Ân Anh là một tướng quốc nổi tiếng trong lịch sử, từng nhiều lần bằng vào trí tuệ của mình, cứu vớt quốc gia qua những nguy nan. Ông là người chính trực, nổi danh bởi những lời can gián, rất được vua Tề tín nhiệm, có quyền lực bất nhất trong triều ngoài nội. Song Ân Tử làm quan thanh liêm, bữa ăn thường không có cá thịt, vợ con không mặc áo đẹp, đến cả Khổng Tử rất ít khi ca ngợi các chính khách, cũng có lời khen ngợi ông. Từ Mã Thiên trong “Sử kí”, cũng xếp ông với danh tướng Quán Trọng trong “Quần An liệt truyện” khá thấy Ân Tử có địa vị rất cao trong con mắt những học giả lịch sử.

Gia Cát Lượng thích đọc Lương Phụ Ngâm cho thấy ông cảm thụ sâu sắc về sự kiện ấy, ba dũng sĩ bởi sự yên định của quốc gia mà bất đắc dĩ phải hy sinh bi thảm, hình như quan tể tướng Ấn Tử trí lự có phần tàn nhẫn, lộ ra mặt trái tàn khốc sau những xưng tụng hoa mỹ, đối với nhân vật chính trị này, chẳng thể không luận rõ ứng xử; Gia Cát Lượng khi còn trẻ đã có ý thức về sân khấu chính trị có lãnh hội và giác ngộ triệt để.

8. Bộ ba xe pháo mã.

Cuối đời Đông Hán nhân tài xuất hiện nhiều ở Dĩnh Châu và Nhữ Nam (đều ở tỉnh Hà Nam), đặc biệt đại bản doanh của phái Thanh lưu cũng ở đây; Phạm Bàng, Hứa Nhữ xuất thân ở Nhữ Nam, Lý Ứng thì nổi tiếng ở Dĩnh Châu. Trong thư của Tào Tháo viết cho Tuân Úc, có đề cập rằng: Nhữ Nam, Dĩnh Châu vốn nhiều danh sĩ, muốn Tuân Úc lưu ý nhiều về việc ấy, để đề bạt nhân tài. Tuân Úc và Quách Gia là tay trái, tay phải của Tào Tháo đều xuất thân ở Dĩnh Châu.

Cuối đời Hán, các quân khu cát cứ, các nhân sĩ Dĩnh Châu đều dạt về phương nam hoặc phương đông tị nạn, đặc biệt Lưu Biểu trụ ở Kinh Châu bởi vận dụng sách lược bế quan tự thủ, không bị cuốn vào cuộc đấu đá, trở thành nhân vật rất được ái mộ của phái Thanh lưu. Những người bạn vong niên của Gia Cát Lượng như Từ Nguyên Trực, Thạch Quảng Nguyên đều xuất thân ở Dĩnh Châu, còn Mạnh Công Uy thì xuất thân ở Nhữ Nam, song có ảnh hưởng lớn đến cuộc đời Gia Cát Lượng lại là “Thủy kính tiên sinh” Tư Mã Huy.

Tư Mã Huy tên chữ là Đức Tháo là một học giả rất nổi tiếng ở Dĩnh Xuyên, thời loạn lạc ông không muốn rời quê nhà, song lúc đó danh sĩ Kinh Tương là Bàng Thống chẳng ngại đường xa nghìn dặm đến Dĩnh Xuyên thăm Tư Mã Huy khuyên ông hãy đến Kinh Châu tạm lánh, sau lại bởi người đồng hương là Từ Thứ nói mãi, đặc biệt là bởi lời của Bàng Đức Công, lãnh tụ phái danh sĩ Kinh Tương. Tư Mã Huy đã rời Dĩnh Xuyên đến Kinh Tương lập trường Tư Thục ở gần nhà Bàng Đức Công, chiêu tập các đệ tử xa gần.

Có thể thấy là cùng với những người khác, Tư Mã Huy rất thích Gia Cát Lượng, ngoài việc giúp đỡ về học thuật còn xếp đặt để Gia Cát Lượng đến Nhữ Nam bái kiến đại sư. Nghe nói đại sư Phong Cửu thông hiểu thao lược, khắp cả bách gia Chư tử môn phái, hơn nữa lại nghiên cứu sâu rộng về binh pháp nổi tiếng là một danh sĩ ở Nhữ Dĩnh. Sau khi Tư Mã Huy đã đến bái kiến ông, ví mình như quả bầu với biển rộng để khen ngợi tài học của Phong Cửu. Bởi Phong Cửu vẫn ẩn cư ở Linh Sơn Nhữ Nam, Tư Mã Huy tự mình dẫn theo Gia Cát Lượng, tiến cử với ông ta, mới được nhập học. Nghe nói Gia Cát Lượng thụ giáo được một năm rưỡi, đặc biệt về binh pháp học và đạo học, đã nhận được không ít chất truyền của Phong Cửu.

Tư Mã Huy giỏi ở quan sát con người mà nổi tiếng, bởi vậy được gọi là “Thủy kính tiên sinh”, trở thành một lãnh tụ của những phần tử tri thức ở Kinh Tương. Trong số đàn em, ông rất thích Gia Cát Lượng và Bàng Thống. Gia Cát Lượng ẩn cư ở Long Trung chịu ân tri ngộ của Bàng Đức Công, được người đời gọi là “Ngọa Long”, còn Bàng Thống là hậu duệ của một dòng họ nổi tiếng, được gọi là “Phượng Sồ”. Sau này Tư Mã Huy đã đề cử với Lưu Bị cả hai người thanh niên anh tuấn, bởi họ có mưu lược, có tầm nhìn xa, lại thức thời đáng mặt tuấn kiệt, nổi trội hơn những phần tử khác trong phái Thanh Lưu.

7. Q.2 - Chương 3: Ngày Nắng Cày Bừa, Ngày Mưa Đọc “lương Phụ Ngâm”

9. Kết giao với danh sĩ, chẳng nhằm ở danh vọng.

Vùng Kinh Tương vẫn là căn cứ địa của phái Thanh Lưu, gồm có sáu gia tộc lớn. Đó là các họ Bàng, Hoàng, Khóai, Sái, Tập. Thứ sử Kinh Châu Lưu Biểu có vị trí rất cao trong phái Thanh Lưu, nổi danh là một người trong nhóm Bát tuần, bởi vậy khi Kinh Châu bị rơi vào nhiễu loạn, Lưu Biểu là một viên quan của triều đình phái đến, được sự giúp đỡ của hai nhà Khóai, Sái, nhờ mưu lược của anh em Khóai Việt, Kinh Tương mới được yên định.

Khóai Việt cùng Sái Mạo của họ Sái, đều là những trụ cột của Lưu Biểu, Lưu Biểu còn có một người vợ lẽ là em gái Sái Mạo, hai họ có quan hệ thân thích mật thiết.

Song sự giúp đỡ của hai họ Khóai - Sái càng làm cho Lưu Biểu chỉ chú trọng ở hư danh, đúng như Từ Thứ đã nói, chẳng trọng dụng người hiền lại chẳng trừ khử kẻ xấu bởi vậy các danh sĩ trong vùng, vẫn đối với Lưu Biểu bằng thái độ “kính nhi viễn chi”, không hợp tác. Song Lưu Biểu cũng chẳng biết làm gì đối với họ.

Trong số sáu nhà ấy, họ Bàng có lực lượng rất lớn, lãnh tụ của họ Bàng là Bàng Đức Công đã cho Gia Cát Lượng hai chữ Ngọa Long. Bàng Đức Công là người khảng khái trọng nghĩa khí, giao du rộng rãi, học vấn uyên bác. Lưu Biểu đã mấy lần mời ông ta ra làm việc, đều bị từ chối khéo. Sách “Hậu Hán thư” có chép về việc ấy:

“Có một hôm, Lưu Biểu đích thân đến thăm Bàng Đức Công bảo rằng: “Tiên sinh không chịu ra làm quan sau này để lại gì cho con cháu nhỉ?” Bàng Đức Công mỉm cười mà rằng: “Tôi với người ta bất động, người ta chỉ đem lại sự nguy hiểm cho con cháu “bạn với vua như bạn với hổ”, còn tôi để lại cho chúng nó sự an toàn “một mình giữ thiện”.”

Gia Cát Lượng khi mới đến ở Long Trung đã rất kính trọng Bàng Đức Công. Nghe nói khi mới tám tuổi, Gia Cát Lượng đã chủ động đến bái kiến Bàng Đức Công, được nhận làm tiểu đồ đệ, thường cúi chào cung kính, tỏ ra rất lễ phép. Bàng Đức Công thấy chú bé sớm hiểu lễ phép, cho chú bé đến thư viện riêng xem sách, lại còn chỉ vẽ cho phải làm những gì. Song không lâu Bàng Đức Công vốn là người giỏi xem tướng, thấy ở Gia Cát Lượng có những mặt khác thường, lại có chiều cổ đặc biệt, ông ta rất hi vọng ở tài năng của Gia Cát Lượng, xem việc Gia Cát Lượng ở Long Trung gọi đó là Ngọa Long (con rồng nằm), thấy trước một kẻ tuần kiệt nay mai, cũng như con rồng nằm ở trong đầm lớn, chỉ đợi có cơ hội tất sẽ bay lên trời cao, thực hiện những việc lớn lao. Danh hiệu này được Bàng Đức Công trao cho đã khiến chàng thanh niên Gia Cát Lượng chỉ sau một đêm trở thành một danh nhân ở đất Kinh Tương. Được sự sắp xếp của Bàng Đức Công người chị gái của Gia Cát Lượng đã lấy một người con của họ Bàng là Bàng Sơn Dân; một người giàu có ở đất Kinh Tương, lại làm thông gia với một nhà cô nhi ngoại địa đã làm chấn động những kẻ sĩ ở Kinh Tương, đây cũng là một biểu thị thiện cảm mà họ Bàng dành cho Gia Cát Lượng.

Người cháu của Bàng Đức Công là Bàng Thống (tên chữ là Sĩ Nguyên) hơn Gia Cát Lượng ba tuổi, dáng vẻ cao lớn mà thuần phác song rất có tài hoa, ngoài những kẻ sĩ Kinh Tương, biết ông ta là người họ Bàng mà tỏ ra rất coi trọng, rất ít người hiểu rõ năng lực của Bàng Thống. Chỉ có Tư Mã Huy do thường vẫn nói chuyện với anh ta, biết rõ tài hoa phi phàm của Bàng Thống, khen ông ta là người nổi trội ở Kinh Tương, gọi là “Phượng Sồ”.

Gia Cát Lượng với Bàng Thống vẫn thường gặp nhau song Gia Cát Lượng cẩn thận có lẽ, mà Bàng Thống thì xốc nổi thô lỗ cá tính tương phản, lại thêm Gia Cát Lượng vẫn thường ở gần với lão gia, nên Bàng Thống tuy cùng lứa tuổi, song cũng không thân thiết cho lắm.

Người em trai của Bàng Thống là Bàng Lâm, lấy em gái của Tập Trinh, một phần tử chủ yếu của họ Tập ở phía nam thành Tương Dương, họ Tập vẫn được gọi là gia tộc giàu có, nổi tiếng trong vùng, người vùng ấy rất nể Tập Trinh. Bùi Tùng Chi khi chú giải “Tam Quốc chí” có chép rằng “Tập Trinh là người phong lưu khéo ăn nói, cũng nổi tiếng như Bàng Thống, ở gần Mã Lương. Khá thấy Tập Trinh cũng được xem trọng, Gia Cát Lượng qua mối quan hệ họ Bàng, nên cũng qua lại thân mật với Tập Trinh”.

Họ Mã ở Nghi Thành cách không xa Tương Dương. Mã Lương là một người trẻ tuổi nổi tiếng một thời, sau này Mã Tắc được Gia Cát Lượng yêu mến, chính là anh em với Mã Lương song Mã Tắc là em, kém Mã Lương nhiều tuổi. Trong thư Mã Lương viết cho Gia Cát Lượng có gọi là Tôn Huỳnh, giữa hai người có mối quan hệ thân thiết, sau này khi Lưu Bị xây dựng chính quyền ở Kinh Châu, họ Mã là một lực lượng giúp đỡ rất lớn. Bàng Thống, Bàng Lâm, Mã Tắc, Tập Trinh đều là những nhân vật trọng yếu trong chính quyền Thục Hán, đối với sự phát triển chính trị của Thục Hán có ảnh hưởng rất lớn. Ngoài ra, có một thế lực đáng kể gần như họ Bàng là họ Hoàng ở Miện Nam. Đứng đầu họ Hoàng là Hoàng Thừa Ngạn, ông ta là anh rể của Sái Mạo bởi vậy cũng có quan hệ thân thích với Lưu Biểu, ông ta cũng giống như Bàng Đức Công đều không chịu ra làm quan với Lưu Biểu mà chỉ giữ địa vị đáng kể trong nhà. Song Hoàng Thừa Ngạn cũng rất thích chàng thanh niên Gia Cát Lượng, có một hôm ông trực tiếp đến lều cỏ của Gia Cát Lượng nói rằng: “Ta có một người con gái, nó không được sáng sủa cho lắm hơn nữa lại còn có chút lập dị, tóc thì vàng, da thì đen, tuy dáng vẻ không đẹp, song cũng có tài, có phẩm hạnh, ta muốn gả nó cho anh, chẳng biết anh có đồng ý không?”. Chẳng ngờ Gia Cát Lượng tỏ ý vui mừng, đến như Hoàng Thừa Ngạn cũng thấy bất ngờ. Bởi Gia Cát Lượng cao lớn tuấn tú, có tài năng tuy cá tính cao ngạo, kết giao bạn hữu không nhiều, song lại được không ít bậc đàn anh phụ lão chú ý đến, không ít bậc cha mẹ ở Kinh Tương xem anh ta là chàng rể lý tưởng. Thấy Gia Cát Lượng có vẻ không vội vàng với việc thành hôn, mọi người cho rằng anh ta nhất định có con mắt kén chọn đã không dám tùy tiện nhận anh ta làm rể. Song ai cũng không ngờ được rằng anh chàng Gia Cát Lượng thân cao tám thước dung mạo uy nghi, lại xem con gái của Hoàng Thừa Ngạn

là hơn cả. Bởi sử liệu đối với trạng thái tâm lý chọn lựa ngẫu nhiên này của Gia Cát Lượng, cũng không ghi chép rõ, chúng tôi cũng không dám đoán mò, song ở Nhật Bản dưới thời chiến quốc cũng có một người cao lớn tuấn kiệt rất mực tài hoa, tên là Điền Hạnh cũng khước từ những cô gái đẹp trong gia đình quyền quý mà lấy con gái của một người mắc bệnh hủi làm vợ. Người hủi ấy là Đại Cốc quân sư, có nói với anh ta rằng: “Vị như con gái ta, mang mầm bệnh của ta, bệnh phong sẽ phát ra làm hủy hoại cả mắt mũi, anh còn cần đến nó nữa không?”

Điền Hạnh trình trọng đáp rằng: “Thân làm võ tướng nếu như khi tác chiến tôi có bị mất tay mất chân hoặc bị trọng thương, hãn con gái ông không thể không thừa nhận tôi là người chồng”.

Rõ ràng rằng đối với một người có trí tuệ lớn lao, rất lý tính, khả dĩ thấu thị bản chất của sự vật thì nhân tố đẹp của cảm tính, đối với anh ta không phải là quan trọng. Tài hoa, cá tính và sự chân thực, mới là cái mà anh ta để ý. Gia Cát Lượng có nhân quan lựa chọn tương đồng với Điền Hạnh chẳng, song người đương thời đối với việc Gia Cát Lượng kết hôn với con gái Hoàng Thừa Ngạn không có cách gì lý giải được, Bùi Tùng Chi khi chú giải Tam Quốc Chí có viết: “Chớ làm như Khổng Minh chọn vợ, chỉ được người con gái xấu xí của Hoàng Thừa Ngạn mà thôi”, ý tứ câu nói đó là Khổng Minh với nhiều điều kiện đến như vậy, lại chỉ chọn một người vợ xấu thực rất không đáng học tập.

Cũng không ít kẻ hiểu sự, thậm chí cho rằng Gia Cát Lượng muốn dựa vào Hoàng Thừa Ngạn kết giao danh sĩ để sự nghiệp của mình có kẻ giúp đỡ mới chọn hạ sách ấy. Thực ra bình phẩm như vậy rất không công bằng. Bởi Gia Cát Lượng sớm có được sự ưu ái của Bàng Đức Công và Tư Mã Huy, có quan hệ tốt với nhiều danh sĩ, xét về căn bản chẳng cần phải nén lòng mà giao hảo với Hoàng Thừa Ngạn, hơn nữa nhìn vào tác phong cục cung tận tụy của Gia Cát Lượng đối với Lưu Bị sau này, Gia Cát Lượng chẳng phải là người thích vụ lợi.

Thực ra Gia Cát Lượng sau khi kết hôn, đối với người vợ của mình trước sau vẫn nể vì như khách, sau này đã làm đến tể tướng ông cũng không lấy thêm vợ lẽ. Mà họ Hoàng kể từ khi về với Gia Cát Lượng mọi việc trong nhà đều cư xử hợp lý, khiến Gia Cát Lượng không phải lo lắng gì về phía hậu phương, chuyên chú khuếch triển học vấn và sự nghiệp thực là một người vợ đảm đang để ông có thể hoàn toàn yên tâm.

Cuốn “Chuyện kể về Gia Cát Lượng” có dẫn lời của Phạm Thành Đại như sau: “Bởi Gia Cát Lượng lúc đó đã nổi tiếng ở đất Kinh Tương, trong nhà thường có rất nhiều khách khứa để khoản đãi những người khách ấy, Hoàng phu nhân phải sáng chế ra một cỗ máy xay, đã giảm được thời gian lại giảm cả sức lực, hiệu quả rất cao đến cả Gia Cát Lượng cũng cảm thấy kinh ngạc đặc biệt còn bái phục vợ làm thầy, học tập nguyên lý chế tạo máy móc từ gỗ, nghe nói những trâu gỗ, ngựa máy mà Gia Cát Lượng phát minh sau này đều đã được Hoàng phu nhân sáng chế. Tài năng hơn người của Hoàng phu nhân có thể là nguyên nhân chủ yếu để Gia Cát Lượng xem trọng.”

Tương Dương là trung tâm kinh tế chính trị của đất nước Kinh Châu, giao thông thủy bộ đều rất phát triển, hơn nữa lại tập trung nhiều người tài giỏi, các phương tiện cũng nhờ đó mà rất dồi dào. Gia Cát Lượng trong thời kỳ ở Long Trung, vẫn cùng với em trai là Gia Cát Quân tự cày ruộng, song những lúc nông nhàn ông ta thường bái yết các vị phụ lão nổi tiếng tứ xứ quanh đó. Ngoài việc hấp thu được học thức cũng sâu sắc và phân tích tình hình phát triển của đại cục thiên hạ, hơn nữa đối với binh pháp Tôn Tử, ông cũng đã cảm thụ được sâu xa, sau này những phân tích rõ ràng và có tầm nhìn xa trong “Long Trung Sách” là kết quả nỗ lực của thời gian này. Nhà sách lược trẻ tuổi đó trải qua luyện rèn mười năm, đối với sự quan sát, phân tích và thấu thị thời cục, đã thấy trước không ít điều tâm đắc sẽ lộ rõ.

Song, qua tiếp xúc trong thời gian ở Long Trung, Gia Cát Lượng đã nhận rõ ý thức của phái Thanh Lưu. Trong Xuất Sư Biểu có câu: “Hán tộc gồm mấy kẻ...”. Tuy có thể coi người cháu là Gia Cát Khác làm ra song nghĩ rằng đó cũng là lời nói thường ngày của Gia Cát Lượng đã ảnh hưởng đến người cháu. Nhìn bao quát phương châm chính trị của Gia Cát Lượng, không dời đổi chiến lược liên Ngô chèn Tào. Dầu Gia Cát Lượng là nhà chính trị thực tiễn xem trọng tình thế khách quan song ông suốt đời vẫn xem Tào Ngụy là đối địch. Một đời không tiếc sức cung tận tụy, dẫn đến bị kịch Kỳ Sơn giữa trận từ trần, với một cố gắng xoay chuyển lớn nhường ấy, để thỏa nguyện phục hưng nhà Hán, rõ ràng đã ảnh hưởng bởi quan niệm chính trị của phái Thanh Lưu.

Năm thứ 12 Kiến An đời Hiến Đế, Gia Cát Lượng hai mươi bảy tuổi, bắt đầu cống hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp của Lưu Bị, một người có quan hệ huyết thống với Hoàng Tộc, dẫn thân vào con đường không

ít truân chuyên.

Lời bình của Trần Văn Đức

Cuốn sách “Lục Thao” là sách binh pháp truyền thống của Trung Quốc, tương truyền do ông Lã Vọng làm ra song phân tích nội dung, thấy đó là tác phẩm thời Ngụy, Tấn nam bắc triều. Tuy là tác phẩm viết ra sau này, song vẫn đại biểu cho tư tưởng quân sự lúc đó. Ở đây vẫn tìm thấy nhiều ý nghĩa. Nghe nói những nhà tư tưởng thời Duy Tân của Nhật Bản lại thích “Lục Thao” hơn cả binh pháp Tôn Tử, giàu có triết lý và trí tuệ đông phương.

Trương Văn Thao trong cuốn “Lục Thao” có một đoạn bàn về phương pháp nhận biết tài năng, có nhiều điểm gợi mở, rất đáng để chúng ta tham khảo.

Có một hôm, Chu Văn Vương hỏi Thái Công Vọng rằng: “Quân Vương đều phải nỗ lực để tìm hiền tài song ít có được người như vậy, trái lại còn làm hỗn loạn thế cục, thậm chí còn dẫn quốc gia đến chỗ suy vong như vậy là có làm sao?” Thái Công đáp rằng: “Đây là bởi muốn tìm người tài song lại dùng nhầm người chẳng tài, thậm chí hữu danh mà vô thực”.

Văn Vương nói: “Thế nào là dùng không đúng người tài?”

Thái Công nói: “Đây là bởi chúa công chỉ chú trọng ở danh tiếng mà không thấy người có tài thực”.

Văn Vương nói: “Nguyên nhân là ở đâu?”

Thái Công nói: “Đã là bậc quân vương, thường thích nghe ý kiến của một bọn người, họ đều cung phụng nhận mình là tài, không ai dám phê bình họ cho nên người khéo kết bè đảng, lăm bằng hữu, thường dễ được sử dụng, người có chủ kiến, không cùng bè đảng, trái lại thường bị bỏ quên; bọn gian nịnh kết đảng như vậy lôi kéo nhau lên làm trở ngại con đường tiến thân của những người tài thực sự, đến như trung thần vô tội mà bị sát hại, gian thần hư danh mà được chức tước, cho nên tuy có nỗ lực tìm kiếm nhân tài song chính trị vẫn hỗn loạn, quốc gia vẫn không thoát khỏi suy vong.”

Gia Cát Lượng là một “thiên tài” không dễ biết đến, “Tam Quốc Chí” cũng ghi: “Người đương thời chưa biết đến vậy”. Có thể thấy Gia Cát Lượng không chú trọng hư danh. Ngoài danh sĩ chân chính rất ít người thực sự hiểu rõ chân tài thực học của ông. Lưu Biểu là người phái “Bát tuần”, rất nổi tiếng, thường lấy lễ mà đãi những người cũng nổi tiếng như Bàng Đức Công, Từ Mã Huy lôi kéo họ ra làm quan. Khá tiếc Bàng Đức Công về căn bản lại vô tâm với quan trường, trái lại những người tài giỏi trẻ tuổi như Gia Cát Lượng và Bàng Thống tuy ở ngay trước mắt mà không nhìn ra, trách chi Từ Thúc công khai phê bình ông ta rằng: “Người giỏi thì không dùng, người xấu thì không đuổi đi!”

Những nhà kinh doanh hiện đại cũng thường phạm phải sai lầm như vậy; lời nói của người tài tuy có thể ngang tài song nếu dựa vào người chẳng có thực tài, sẽ dẫn đến thất bại, tạo thành nguy cơ nghiêm trọng cho công ty, lúc ấy có hối cũng không kịp nữa.

8. Q.2 - Chương 4: Tam Cổ Thảo Lư Và Long Trung Sách

Lưu Bị khao khát cầu hiền sau khi hỏi han Từ Thứ kĩ lưỡng, biết rõ Gia Cát Lượng là nhân tài mà mình đang cần, bởi vậy đặc biệt quý trọng, tự mình dẫn hai đại tướng là Quan Vũ và Trương Phi đội tuyết lạnh mùa đông mà đi, lần đầu đến lều cỏ ở Long Trung gặp Gia Cát Lượng.

1. Ròng lặn ao sâu: Lưu Bị thời trai trẻ.

Gia Cát Lượng năm ấy hai mươi bảy tuổi, lòng đầy háo hức lại được các bậc phụ lão Kinh Tương chú ý đến sau khi quan sát và khảo xét cẩn thận, thấy mình lúc đó thực không có quyền, cũng không có tiền, chỉ sống gửi bên cạnh Lưu Biểu; đã theo về với Lưu Bị đang chỉ huy một đạo quân, suốt đời đem hết tâm trí vì sự nghiệp của mình chủ.

Lưu Bị tên chữ là Huyền Đức, người Huyện Trác ở U Châu (nay là tỉnh Hà Bắc). Nghe nói ông là người thuộc hoàng tộc nhà Hán (hậu duệ của Trung Sơn Tĩnh Vương Lưu Thắng). Sau này ông đã lợi dụng chiêu bài đó, tạo ra một hình tượng đặc biệt về sự tranh bá quyền giữa đám quần hùng.

Tổ phụ của Lưu Bị là Lưu Hùng từng được cử làm Hiếu liêm, làm quận lệnh quận Đông Phạm. Phụ thân là Lưu Hoàng sớm mất chỉ làm được chức thư lại ở huyện, sau đó gia cảnh suy bại, thập phần khôn khó. Lưu Bị khi còn nhỏ chỉ biết cùng với người mẹ góa đan chiếu cỏ đem bán để sông, cơ hồ rơi vào tầng lớp dân nghèo.

Song người thiếu niên quý tộc lưu lạc này tính tình lại rất khoáng đạt, nghe nói nhà ông ở góc vườn có cây dâu lớn cao hơn năm trượng, cành lá xòa ra như một cái lọng, có người giỏi xem phong thủy, cho rằng cây ấy thực rất lạ, gần đó ắt có quý nhân. Cũng có thể lời ấy truyền đến tai Lưu Bị, ông ta lúc còn chưa có đại chí đã thường cùng với bạn nhỏ tuổi chơi đùa, bày đặt quán rượu dưới gốc cây mà nói rằng: “Ta có ngày sẽ ngồi cái xe có lọng như thế này (Xe hoàng đế thường ngự giá). Người chú nghe nói kinh hãi lập tức mắng rằng: “Không hiểu câu nói vọng ngôn này sẽ diệt cả nhà u!” Song người chú thấy những biểu hiện lạ ở Lưu Bị vẫn thường chu cấp cho.

Do ông ta là hậu duệ của hoàng tộc bởi vậy vẫn kết giao được những người bạn quý tộc như Công Tôn Toàn và Lưu Đức Nhiên, cùng nhận Lô Thực, thái Thú quận Nho Cữu làm thầy. Lô Thực văn võ toàn tài, Lưu Bị có cơ hội học hành thấu đáo, song phần học phí cơ hồ đều do ông bố của Lưu Đức Nhiên chu cấp. Bà mẹ của Lưu Đức Nhiên không tán thành, song ông bố thì lại nói: “Trong họ nhà ta nếu có được đứa bé ấy, thực là điều đáng mừng”. Song trong nhãn quan của người thường, Lưu Bị không biểu hiện ra một chút gì đặc biệt. Với Tào Tháo, từ nhỏ đã chăm học không biết mệt, kiến thức quảng bác, còn Lưu Bị khi nhỏ thì trái lại, “không chăm đọc sách chỉ thích chó ngựa, đàn hát, mặc áo đẹp”, không để ý đến cảnh nhà bần hàn vẫn là một kẻ lãng tử mà thôi. So với Viên Triệu, Lưu Biểu, Lã Bố là những hào kiệt đời Hán, ngoại diện của Lưu Bị cũng không có gì đặc sắc. “Tam quốc chí” có chép, ông cao bảy thước rưỡi ta (khoảng 1 mét 65), chỉ không nghịch ngợm bằng Tào Tháo mà thôi. Song tướng mạo của ông lại quái dị, vành tai rất lớn, hai tay rất dài. Nghe nói khi ông ta thả tay đứng thẳng ngón tay vượt quá đầu gối, mắt có thể liếc nhìn tai của mình. Dị tướng như vậy, đã rất có ảnh hưởng trong dân chúng, đối với ông sau này, có thể khiến người ta có cảm tình với ông, cũng có thể bị đả kích. “Tam quốc diễn nghĩa” có chép, người đương thời thường gọi Lưu Bị là “ông tai to”.

Kể từ khi bắt đầu tuổi thanh niên, cá tính của Lưu Bị rất đặc sắc. Ông khẳng khái giúp người, lại không để ý làm gì, bởi vậy ông nhận được sự tín nhiệm và cảm mến của mọi người và cũng dễ kết giao với bạn bè các tầng lớp. Đặc biệt là sự kiện kết nghĩa anh em với Quan Vũ huyện Giải, Hà Đông (nay là Sơn Tây) và Trương Phi người cùng huyện, thực là danh truyền thiên cổ, miệng thế vẫn thường nhắc nhở. Tam quốc chí có chép: “Lưu Bị là người ít nói, hòa mình với kẻ dưới vui buồn không để lộ ra mặt, thích kết giao với kẻ hào kiệt, có nhiều thiếu niên cùng tuổi vây quanh”. Tai họa bè đảng và khởi nghĩa Hoàng Cân cuối đời Hán xảy ra, các địa phương trị an không ổn định, Lưu Bị đã kết hợp thanh niên trong xóm ấp đứng dậy giữ gìn trật tự, mấy người phú thương ở quận Chung Sơn là Trương, Tô tư trợ cho việc ấy, khiến Lưu Bị nghiêm nhiên có một đội quân riêng của mình.

Sau khi quân Hoàng Cân triển khai rộng, nhà Hán có chiêu mộ quân lính ở các châu quận, Lưu Bị cũng hưởng ứng ở Trác Quận, ông tổ chức quân đội riêng, gia nhập tự vệ dân quân của hiệu úy Châu Tĩnh, hai người bạn chiến đấu gắn liền với Quan Vũ và Trương Phi cũng đứng vào đội ngũ của Lưu Bị lúc đấy. Chương thứ nhất trong Tam quốc diễn nghĩa của La Quán Trung cũng mở đầu bằng “đào viên kết nghĩa” lúc đó Lưu Bị đang hai tư tuổi.

2. Từ thượng úy nhảy lên thượng tướng.

Đội quân của Lưu Bị đánh mấy trận với quân Hoàng Cân đều thắng lợi, bởi vậy sau sự kiện này kết thúc được phong làm Hiệu úy ở An Hỷ, đây là chức quan đầu tiên của Lưu Bị. Song không lâu triều đình phái quan tuần sát vùng ấy muốn ông ta phải hồi lộ, Lưu Bị không cho, giám quan bèn cố ý gây khó dễ. Lưu Bị cả giận, trối quan giám sát lại, đánh đủ hai trăm roi, sau đó bỏ quan mà đi. Qua sự kiện này, cũng thấy được Lưu Bị đã thể hiện phẩm cách của một Hán nam tử.

Không lâu đại tướng quân Hà Tiến phái Đô úy Khâu Nghị đến mộ binh ở Đan Dương, Lưu Bị đã lập công chuộc tội, đại phá quân giặc ở thành Hạ Phì, không những được tha tội cũ, còn được làm huyện thừa ở huyện Hạ Mật, song Lưu Bị cho rằng mình không thích hợp với quan trường, bỏ chức ấy mà đi, triều đình xét có công lao lại cho làm huyện úy huyện Cao Đường, lại thăng làm huyện lệnh, sau không ngăn được nông dân nổi loạn lại bị tước quan chức. Sau đó ông theo về với người bạn là Trung Lang tướng Công Tôn

Tỏan, Tỏan cho làm Biệt bộ tư mã, lại phái Lưu Bị đến giúp Thử sử Điền Khải, cùng chống lại Ký Châu mục Viên Thiệu, lập được công lao, nhờ được Công Tôn Tỏan và Điền Khải tiến cử ông được làm phòng vệ tư lệnh quân Bình Nguyên, ít lâu lại chính thức làm Hình Nguyên tướng. Trong khi làm việc, Lưu Bị không hợp với một người giàu có trong quận là Lưu Bình, vẫn thường xảy ra xung đột, Lưu Bình cho thích khách đến ám sát Lưu Bị, Lưu Bị vẫn không biết, còn lấy lễ long trọng mà đáp lại, thích khách rất cảm động không nỡ ra tay bèn cáo từ mà đi ra, do việc này có thể thấy Lưu Bị là người có lực hấp dẫn người khác. “Ngụy thư” có chép: “Lúc đó nhân dân đói kém tụ tập làm bạo loạn, Lưu Bị ngoài thì đánh dẹp, trong thì trợ giúp, chẳng kể sang hèn đều cho ngồi cùng chiếu, ăn cùng mâm, chẳng phân biệt làm gì, quần chúng đều theo về với ông”.

Viên Thiệu kéo đến đánh Công Tôn Tỏan, Lưu Bị và Điền Khải vội đến cứu, đóng quân ở Tề quân. Cũng thời gian này, Lưu Bị gặp được một quý nhân có ảnh hưởng lớn đến sự nghiệp của ông, là Đào Khiêm.

Đào Khiêm là Thử sử Từ Châu lúc đó, Từ Châu nằm giữa Sơn Đông và Giang Tô, vào cuối đời Đông Hán, đây là vùng giàu có của cải, bởi vậy cũng là nơi các nhà quân sự muốn tranh giành quần hùng cát cứ. Đào Khiêm xuất thân từ quân ngũ, làm gì chỉ thấy cái trước mắt, thiếu mưu cơ, suy nghĩ gì cũng chỉ lấy được việc làm đầu, có phần quê kệch. Song, Đào Khiêm lại có được tính cương nghị, ông từng công khai giúp đỡ cuộc nổi dậy của Khuyết, Tuyên, người Hạ Phì tự xưng là Thiên tử; thuộc hạ của ông lại cướp bóc và sát hại Tào Tung; phụ thân Tào Tháo, dẫn đến việc Tào Tháo mấy lần đánh báo thù, tàn sát khốc liệt ở Từ Châu. Đào Khiêm tuy hăng hái chống đỡ, song hiển nhiên không phải là đối thủ của Tào Tháo, chịu mất già nửa lãnh địa, không thể không nhờ Công Tôn Tỏan và Điền Khải giúp đỡ.

Công Tôn Tỏan và Điền Khải đang bận đối phó với Viên Thiệu lấn chiếm miền nam U Châu, bởi vậy liền phái bộ tướng Triệu Vân và Lưu Bị đang ở bên trưởng, hợp vài nghìn quân đến giúp Đào Khiêm. Trong chiến dịch Từ Châu, quân Đào Khiêm tuy có được sự giúp đỡ của quân Viên Thuật và Lưu Bị, vẫn bị quân Tào Tháo đánh tan tác, giữa chừng quân Lưu Bị đánh rất hay, tuy nhân số ít song rất phát huy tác dụng, đến cả Tào Tháo cũng phải có ấn tượng sâu sắc với Lưu Bị. Thế rồi xảy ra việc đại bản doanh Tào Tháo bị Lã Bố đột kích, phải vội rút khỏi Từ Châu. Đào Khiêm cảm tạ Lưu Bị đã vì nghĩa giúp đỡ, bèn dâng thư lên triều đình, tiến cử Lưu Bị làm Thử sử Dự Châu, đóng quân ở huyện Bái, một điểm quân sự lợi hại thuộc Từ Châu, là chỗ dựa của Dự Châu.

Không lâu, Đào Khiêm bị bệnh nặng, trước lúc lâm chung có dặn dò các nhà thế tộc, các tướng lĩnh thuộc hạ: “Chẳng có Lưu Bị chẳng giữ yên được Châu này”. Lưu Bị tự nhận thấy danh tiếng và thực lực chưa có gì, kiên quyết từ chối, song những nhân vật trọng yếu của địa phương như My Trúc, Trần Đăng, Khổng Dung, một mặt tuân theo di chúc của chủ tướng, một mặt cũng cảm tình riêng với Lưu Bị, cùng giúp đỡ Lưu Bị nhận chức Thử sử Từ Châu. Qua một đêm, Lưu Bị từ chức Thiếu úy đã nhảy lên chức Thượng tướng đứng đầu một quân khu rất trọng yếu trong toàn quốc.

Xem ra Lưu Bị chưa đủ thực lực, hơn nữa cũng chưa có kinh nghiệm thống lĩnh châu quận lớn lại không khéo xử lý quan hệ với các quân khu, khiến Từ Châu mấy lần rơi vào tay Lã Bố và Trần Cung, và chịu sự uy hiếp liên tục của Viên Thuật ở Hoài Nam, thực là điên đảo lưu ly, cuối cùng không thể không theo về với Tào Tháo ở Cỗn Châu.

Dẫu luôn luôn bị thua trận, song qua chiến đấu liên tục, được sự yêu mến của mọi người, danh tiếng anh hùng quả cảm của Lưu Bị càng lan tỏa. Một điều rất quan trọng là, Lưu Bị đã học tập được ở các tướng lĩnh quân khu tài giỏi, cả về nhận thức và kĩ xảo, điều đó có ảnh hưởng quan trọng đối với suốt cả sự nghiệp của ông.

3. Thân ở trại Tào, lòng theo nhà Hán.

Tào Tháo không những nhiệt thành tiếp nạp Lưu Bị lại đặc biệt dẫn ông ta yết kiến Hán Hiến đế, và xác định quan chức cho Lưu Bị là Dự Châu Thử sử. Song ít ai ngờ được rằng, nấu thân ở trại Tào, Lưu Bị tuy bị theo dõi, vẫn cả gan tham gia vào âm mưu của Xa Kỵ tướng quân Đồng Thừa mưu sát Tào Tháo, lúc ấy Lưu Bị tròn bốn mươi tuổi.

Cuối năm thứ 3 Kiến An, Hán Hiến đế nhân khi Tào Tháo đang ở Hứa Đô, đột nhiên triệu vời Xa kị tướng quân Đồng Thừa vốn là Quốc cữu, có giao ột chiếc áo cẩm bào. Nghe nói trong đó một chiếu huyết thư do chính tay Hán Hiến đế viết ra, yêu cầu Đồng Thừa liên kết với các đại thần trong triều cùng trừ diệt Tào

Tháo. Sử sách ghi chép về việc này rất giản đơn. Sách “Tư trị thông giám” có chép: “Thoạt đầu, Xa kỵ tướng quân Đồng Thừa được áo gấm của nhà vua có gài mật chiếu, cùng với Lưu Bị âm mưu trừ diệt Tào Tháo”. Sự kiện này có phải chính do Hán Hiến đế chủ mưu, lịch sử cũng chưa đưa ra chứng cứ xác thực, song sự thực hiển nhiên có liên quan đến mật chiếu, với thân phận đơn lẻ của Đồng Thừa phải chăng rất khó thuyết phục Lưu Bị tham gia vào âm mưu sát hại Tào Tháo. Trong thành Hứa Đô, binh mã quân Tào có ưu thế tuyệt đối, thực lực của Đồng Thừa về căn bản chẳng thể đề bẹp, Đồng Thừa vì thế nhất định đã phải bóp đầu bóp trán.

Tuy Đồng Thừa là công khanh đương thời duy nhất có đạo quân hoàn chỉnh, song tướng lĩnh trong quân lính của mình có thể không hoàn toàn nghe theo chỉ huy, Đồng Thừa cũng chưa nắm chắc được. Bởi thế Đồng Thừa trước tiên phải lôi kéo thực lực đầy đủ cho đạo quân của mình, trước tiên là với tướng quân Vương Phục là người vốn có quan hệ thân thiết. Nhờ có Vương Phục lôi kéo, Trưởng thủy hiệu úy Chung Tập, và Nghị lang Ngô Thạc cũng tham ra vào nhóm mưu sát bí mật này. Song chỉ dựa vào lực lượng của mình, khó có thể đối đầu được, ví như muôn tiếp cận Tào Tháo cũng không dễ dàng cho lắm, bởi thế Đồng Thừa cần phải lôi kéo người ở trong trại Tào và lại không có quan hệ ruột thịt với Tào Tháo; người ấy là Lưu Bị Thứ sử Dự Châu.

Đồng Thừa thuyết phục Lưu Bị ra sao, chúng tôi cũng không được biết, bức mật chiếu huyết thư của Hán Hiến đế có thể tin là cái chìa khóa rất trọng yếu để Lưu Bị quyết định việc tham gia. Nghe nói khi Tào Tháo dẫn Lưu Bị đến yết kiến Hán Hiến đế, nhà vua được biết Lưu Bị là hậu duệ ở Trung Sơn Tĩnh Vương Lưu Thắng thì rất vui mừng, có nói ngay lúc ấy là nếu kể thứ bậc họ hàng, thì Lưu Bị là chú của Hán Hiến đế. Đối với Lưu Bị, một người xuất thân bần cùng, chưa được tiếp cận với trung tâm quyền lực biểu hiện nhiệt tình và thân thiết của đức vua trẻ tuổi, nhất định đã khiến cho ông ta cảm động vạn phần.

Nhưng, việc lôi kéo Lưu Bị là khá nguy hiểm vì các đại thần trong triều đa số còn chưa biết rõ về Lưu Bị, lại càng không muốn trò chuyện gì. Sự việc trọng đại này, những người tham gia phải rất gắn bó, bản thân Lưu Bị có một ma lực đặc biệt khiến người ta dễ gần và tín nhiệm, nguyên nhân chủ yếu là ở đây. Rõ ràng, thuộc hạ của Đồng Thừa đã thử tiếp xúc vài lần, biết rõ Lưu Bị có cảm tình với Hán Hiến đế, sau khi quan hệ với Tào Tháo mới dứt khoát lôi kéo một viên tướng bên ngoài tham gia vào mật chiếu huyết thư này.

Sự việc này đã xác định rõ tâm nguyện của Lưu Bị là tận lực khôi phục nhà Hán. Cũng với tinh thần hết lòng vì nhà Hán, Gia Cát Lượng vốn tự nhận là hậu duệ của phái Thanh lưu, đã vui vẻ lựa chọn người minh chủ có đại chí này.

4. Thiên hạ anh hùng, chỉ có sứ quân và Tháo này.

Nghe nói, Lưu Bị sau khi nhận được mật chiếu để che dấu âm mưu của mình, bèn chôn ra sân sau ngôi nhà ở thành Hứa Đô để trồng rau, tự tay mình cuốc đất tưới nước, làm một người ẩn dật. Có một hôm Lưu Bị đang làm việc ở sân sau, đột nhiên Tào Tháo phái người đến mời, rất đổi kinh hãi, chỉ còn biết đến ngay tướng phủ để yết kiến.

Không ngờ Tào Tháo rất nhiệt tình chiêu đãi ông ta ở vườn hoa sau nhà, hiển nhiên cũng có ý lôi kéo Lưu Bị.

Đây là cá tính đặc biệt của Tào Tháo, đối với nhân tài không dễ thu phục, thường để lộ nhiệt tâm, hơn nữa lại còn nhẫn nại đặc biệt.

Biết rõ Lưu Bị chẳng phải là kẻ tầm thường cam chịu bó mình, song Tào Tháo vẫn muốn dùng mọi biện pháp để lôi kéo Lưu Bị vào các trận tuyến, vẫn thường mời mọc yến tiệc để bàn chuyện phiếm, qua đó biểu thị cảm tình đặc biệt với Lưu Bị; yến tiệc hôm ấy được bày ra bởi thế.

Bối cảnh “hâm rượu luận anh hùng” rất nổi tiếng trong “Tam quốc diễn nghĩa”, đã phát sinh vào ngày hôm ấy.

Nghe nói, Tào Tháo với Lưu Bị sau khi uống vài chén rượu tình cảm cao hứng, cùng luận về những kẻ anh hùng trong thiên hạ. Lưu Bị lần lượt kể ra những anh hùng đóng binh cát cứ đương thời như Viên Thuật, Viên Thiệu, Lưu Biểu, Tôn Sách, Lưu Chương, Trương Lỗ, song đều bị Tào Tháo gạt đi cả. Cuối cùng “Tam quốc chí” có chép, lúc ấy Tào Công nói với tiên chủ rằng: “Nay anh hùng trong thiên hạ, chỉ có Sứ quân và Tháo này, bọn Viên Thiệu chẳng đáng đề cập đến”.

Cuốn “Hoa Dương quốc chí” có chép bổ sung thêm rằng:

“Lưu Bị nghe rồi lòng bỗng chấn động, cái thìa đang cầm trong tay bất giác rơi xuống đất, đúng lúc ấy có một tiếng sấm lớn, Lưu Bị nhanh chóng lấy lại bình tĩnh, bèn cúi xuống cầm cái thìa lên, tự mình cười đùa rằng: “Một tiếng sấm ra uy xảy đến nổi như thế”.

Tào Tháo nhìn thấy Lưu Bị thất sắc cũng cười mà nói rằng: “Kẻ trượng phu mà sợ cả tiếng sấm ư?”

Lưu Bị đáp rằng: “Thánh nhân dạy: Sấm động thì gió nổi, chẳng đáng sợ ư?”

Việc ấy rồi cũng mau chóng qua đi, Tào Tháo thấy Lưu Bị phản ứng quá độ, tưởng Lưu Bị theo về với mình, trong lòng khó tránh khỏi có áp lực cũng không truy cứu gì nữa.

Lấy những chuyện tình thế đương thời mà suy ngẫm đoạn văn “hâm rượu luận anh hùng” có thể xứng với đoạn “quan thượng luận đàm”, ở Quan Lộ. Tào Tháo đang lâm phải sự uy hiếp của đạo quân Viên Thiệu gấp mười lần ở phía trước, song có thể phá tan địch. Ở đây Lưu Bị lại đang bị phá sản không còn chỗ chạy, phải tạm thời nương náu dưới sự che chở của người khác chỉ mong được an thân mà thôi, song, nếu xem xét cục diện Tam quốc như ba chân vạc sau này, Tào Tháo thực đã có một cái nhìn sáng tỏ về nhân tài này.

Do Lưu Bị có danh tiếng ở Hứa Đô sự nguy hiểm cũng theo đó mà tăng lên, ví như âm mưu còn chưa tiết lộ, Tào Tháo tiếc tài vẫn muốn lôi kéo ông ta. Song ai có thể bảo đảm thuộc hạ của Tào Tháo không phát giác ra? Bởi vậy Lưu Bị ngày đêm mong có cơ hội thoát khỏi tình cảnh khó khăn này.

Đúng lúc ấy, Viên Thuật ở Hoài Nam bởi không được sự giúp đỡ của quân Tôn Sách ở Giang Đông, cảm thấy thế đơn lực mỏng có ý muốn dựa hẳn vào Viên Thiệu ở Hà Bắc. Hai tướng họ Viên này sau loạn Đổng Trác đã nỗ lực chiếm cứ địa bàn nên diễn ra cuộc đối kháng Nam Bắc, song rốt cục họ vẫn là anh em cùng cha khác mẹ, nay tình thế đã có biến đổi, họ Viên lại hòa hảo với nhau.

Bởi vậy nhân cơ hội đề nghị rằng: “Viên Thuật nếu theo về với Viên Thiệu, ắt hẳn phải qua Dự Châu, nay Dự Châu mới bước đầu bình định phòng thủ yếu kém nên lập tức tăng cường. Tôi rất hiểu biết Dự Châu, lại nữa có quan hệ tốt, chẳng bằng tôi lĩnh một đạo quân cơ động ngăn chặn Viên Thuật đề phòng hai tướng họ Viên cùng uy hiếp từ hai phía Bắc Nam”.

Tào Tháo bởi muốn lôi kéo Lưu Bị, bèn đáp ứng ngay, phân cho Lưu Bị năm vạn binh mã, lại sai hai viên đại tướng là Chu Linh, Lộ Chiêu cùng đi, lập tức chuẩn bị xuất binh. Lưu Bị sau khi nhận lệnh ngay trong đêm sắp xếp binh mã và lương thảo cùng lập tức khởi quân. Đổng Thừa chạy theo mười dặm trường đình đưa tiễn, hai bên cùng nhau thương nghị rồi Lưu Bị cấp tốc mang quân đến Từ Châu.

Những mưu thần trọng yếu của Tào Tháo lúc ấy là Trình Dục và Quách Gia, vừa đến Dự Châu xem xét lương thảo trở về nghe nói Lưu Bị mang quân đến Từ Châu, lập tức ngăn cản, Tào Tháo cũng phái một đội trưởng quân cấm vệ là Hứa Chử dẫn quân đuổi theo. Song Lưu Bị ngày đêm khẩn cấp hành quân, chẳng thể nào đuổi kịp.

Tào Tháo tuy có hối hận đôi chút, song Từ Châu vẫn được xem là đất cai quản của mình. Bởi vậy cũng không để tâm đến nữa.

Quân Viên Thuật mấy lần tiến lên phía Bắc đều bị Lưu Bị kịp thời ngăn cản bắt buộc phải rút về phía nam, không lâu Viên Thuật lo nghĩ thành bệnh, khoảng tháng 6 năm thứ 4 Kiến An thổ huyết từ trần, quân lệ thuộc tan rã cả, có người theo về với Tôn Sách ở Giang Đông, quân dưới trướng theo về với Tào Tháo. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, Lưu Bị liền phái Chu Linh, Lộ Chiêu trở về Hứa Đô báo công còn tự mình nắm quân chủ lực ở Từ Châu, chiêu mộ võ về dân lành ở Từ Châu đã nhiều năm phải chịu cảnh loạn lạc.

Tào Tháo thấy Lưu Bị có ý củng cố binh lực, ngầm phái người của mình làm Thứ sử Từ Châu, để Xa Trụ đợi thời sát hại Lưu Bị. Việc này cha con lão thần Trần Khuê, Trần Đăng biết rõ đưa tin về Lưu Bị. Lưu Bị sớm ra tay trước liền phái Quan Vũ đánh thành Hạ Phì giết Xa Trụ đi. Liền đó Quan Vũ ở lại Hạ Phì bảo vệ gia quyến và lương thảo, còn Lưu Bị và Trương Phi đóng ở gần huyện Bái, phòng quân Tào xâm lấn. Đến lúc ấy quan hệ giữa Lưu Bị và Tào Tháo cắt đứt hẳn. Chẳng bao lâu, Hứa Đô phát sinh sự kiện Đổng Thừa, âm mưu mưu sát lộ ra, toàn thể đại thần tham dự đều bị hại.

5. Theo về với Viên Thuật, giữa hai con hổ dữ.

Mùa xuân năm thứ 5 Kiến An, Đồng Thừa mưu sát Tào Tháo bị lộ, bởi sơ hở trong kế hoạch của mình; Tào Tháo bằng vào trí tuệ chính trị cao độ, căn bản không truy cứu sâu thêm về vụ Đồng Thừa, chỉ qui trách nhiệm hoàn toàn cho Đồng Thừa, Chung Tập, Vương Phục, Ngô Tử Lan, tru di tam tộc, đoạt lấy quyền chỉ huy, quân lính của Đồng Thừa thu nạp cả vào trong thân thích của mình, còn trách nhiệm bên ngoài thì đổ cả cho Lưu Bị, tuyên bố lập tức trừng trị Lưu Bị.

Thực ra, lực lượng bên ngoài tham dự vào vụ Đồng Thừa hoặc đồng tình với Đồng Thừa không phải là ít, nghe đâu cả Thứ sử Tây Lương là Mã Đằng cũng có quan hệ, song Tào Tháo không truy cứu đến mà chỉ tuyên bố thảo phạt với Lưu Bị đã chạy đến Từ Châu. Hiển nhiên Tào Tháo không muốn phải đối địch với số đông, để tránh khỏi lại rơi vào tình hình khó khăn với quân Quan Đông năm nào, khiến chính sách phạt mệnh thiên tử không được lợi mà chỉ được hại.

Lưu Bị bởi phát triển rất nhanh, mắc phải khuyết điểm, chẳng có địa vị trong quân đội bên ngoài, huống chi ông ta vẫn được Tào Tháo bảo hộ, xét về tình về lý mà nói Tào Tháo có thể công khai trừng phạt, các quân đoàn ở các châu quận khác cũng không dám có ý kiến gì, bởi vậy sau khi sự việc mưu sát bị lộ, Lưu Bị rơi vào thế cá nằm trên thớt.

Lúc ấy đại quân Viên Thiệu đang chuẩn bị nam chinh quyết định đại cục thiên hạ, bởi thế không ít mưu sĩ đại thần phản đối trừng phạt Lưu Bị song Tào Tháo nói rằng: “Lưu Bị vốn là kẻ hào kiệt ở đời này không đánh dẹp, ngày sau ắt thành đại họa, hơn nữa nếu ông ta liên minh với Viên Thiệu ở phía Bắc đánh chúng ta từ phía Đông, thế thì lại càng thêm nguy hiểm”.

Tuy binh lực của Lưu Bị rất mỏng, song Tào Tháo vẫn không dám chủ quan, phải tổ chức mười vạn binh mã động dụng cả Hạ Hầu Đôn, Hạ Hầu Uyên, Trương Đạt, Vu Cầm, Từ Hoảng đều là những đại tướng, chia làm năm đường tiến đánh Từ Châu.

Bởi muốn tránh cho Từ Châu phải rơi vào loạn lạc, Lưu Bị yêu cầu Trần Đăng cùng các trưởng lão Từ Châu trung lập không bị cuốn vào chiến tranh, tự mình dẫn quân chủ lực, đến chỗ Trương Phi cùng phòng giữ Bái huyện, lại lệnh cho Quan Vũ ở Hạ Phi bảo vệ gia quyến cùng lương thảo.

Quân chủ lực của Lưu Bị bị đánh tan, Trương Phi bị lạc giữa trận, Lưu Bị một mình một ngựa chạy đến Thanh Châu, được con cả Viên Thiệu là Viên Đàm giới thiệu, đã theo về với Viên Thiệu. Sự kiện Đồng Thừa khiến cho danh tiếng Lưu Bị thêm lớn, Viên Thiệu nghe nói Lưu Bị đến, tự mình dẫn các tướng ra ngoài Nghiệp Thành ba mươi dặm nghênh tiếp, tạm xếp Lưu Bị ở Ký Châu. Sau khi Lưu Bị thất trận, Từ Châu lập tức bị mất, Quan Vũ đang trấn thủ ở thành Hạ Phi, để bảo hộ gia quyến Lưu Bị, sau khi đàm phán với Tào Tháo đã dẫn toàn quân ra hàng. Tào Tháo tiếc tài hoa và nhân cách của Quan Vũ miễn cưỡng đáp ứng đề nghị của Quan Vũ là sau này nếu tìm được Lưu Bị sẽ lại theo về với chủ cũ; kể đến đây là hoàn toàn kết thúc sự kiện mưu phản của Đồng Thừa.

Mùa hạ năm thứ 4 Kiến An đến mùa đông năm thứ 6 là cuộc đại chiến Quan Độ kéo dài hai năm rưỡi, Viên Thiệu sau khi có được Lưu Bị thu được không ít tin tình báo về doanh trại Tào Tháo, càng thêm tin tưởng, tuy bộ tham mưu phản đối, Viên Thiệu vẫn tổ chức đại quân, dự định Nam chinh thôn tính Tào Tháo.

Hơn một năm ở trong trại Viên Thiệu, Lưu Bị mắt thấy Viên Thiệu là người nhu nhược không quyết đoán, bộ tham mưu gồm nguyên lão và các tướng lĩnh mỗi người một ý, tuy có binh lực gấp mười Tào Tháo, song không phải là một khối thống nhất đủ mạnh. Lại thêm ở vào giai đoạn này, Lưu Bị cũng đã biết rõ mưu lược và thực lực của Tào Tháo, bởi vậy phán đoán rằng, nếu cuộc chiến kéo dài, Viên Thiệu có thể chẳng phải là đối thủ của Tào Tháo, bèn mượn cớ đến phía tây nam Dự Châu để ngăn chặn Tào Tháo. Được Viên Thiệu cấp ột số quân mã, liên hợp với quân của Lưu Tích, một tướng Hoàng Cân thân Viên Thiệu, đánh du kích quấy rối quân Tào, chế ngự một phần binh lực của Tào Tháo.

Giai đoạn này Trương Phi đang tụ tập tàn quân sau trận thất bại ở Từ Châu, lạc mất Lưu Bị. Quan Vũ bị hãm mình trong trại Tào, cũng đã chia tay Tào Tháo hộ tống gia quyến của Lưu Bị rời khỏi Hứa Đô, về với Lưu Bị. Trải qua hơn một năm thất bại và phân ly, lại qui tụ được những người cũ, khá thấy Lưu Bị có một sức lực kinh người.

Trong số Bát đại gia Đường Tống được người sau suy tôn, Tô Đông Pha từng nói: “Kể dùng binh tự cổ đến giờ, chẳng bằng được Tào Tháo, việc đánh dẹp họ Viên thực rất khéo léo vậy”.

Cuộc đại chiến ở Quan Độ trong lịch sử Trung Quốc, là chiến dịch kinh điển vận dụng mưu lược lấy ít đánh nhiều, binh lực của Viên Thiệu vượt gấp mười lần Tào Tháo, bởi vậy Tào Tháo nắm địa lợi lấy Quan Độ của mình làm đất quyết chiến, vận dụng chiến thuật cổ thủ, chiến thuật đột kích, cuối cùng đã may mắn và khéo léo đánh bại quân viễn chinh to lớn của Viên Thiệu.

Sau đại chiến Quan Độ đến năm 12 Kiến An thì chấm dứt cuộc Bắc chinh Ô Hoàn, liên tục trong tám năm, Tào Tháo đem toàn lực thu tóm vùng Hoa Bắc diệt trừ thế lực to lớn của Viên Thiệu, đã mấy lần động binh suốt một dải từ Dự Châu đến Nhữ Nam, song phần lớn chỉ là những trận nhỏ không đáng kể đến.

Năm thứ 6 Kiến An, chiến dịch Thượng Đình nổ ra, Viên Thiệu lại bị Tào Tháo đánh bại, không lâu ưu phiền mà chết, bởi phải lo việc tang lễ, quân họ Viên tạm thời không triển khai cho nên Tào Tháo nhân cơ hội đó thanh trừ quân du kích của Viên Thiệu đang quấy rối hậu phương Dự Châu; ông ta phái đại quân tiến vào vùng Nhữ Nam, Lưu Bị không địch nổi chỉ còn biết rút chạy về Kinh Châu, chịu sự bảo hộ của Lưu Biểu, Thứ sử Kinh Châu. Lưu Biểu thấy Lưu Bị là kẻ anh hùng nổi tiếng, liền hậu đãi, lại sai trợ thủ ở Tân Dã, huấn luyện binh mã làm thành phòng tuyến thứ nhất ngăn chặn quân Tào đánh xuống phía nam. Lưu Bị mấy lần yêu cầu Lưu Biểu nhân khi hai bên giao tranh ở Quan Độ, xuất binh tập kích vào Hứa Đô, hậu phương của Tào Tháo, song Lưu Biểu không muốn bị cuốn vào cuộc tranh chấp giữa Viên với Tào, vẫn khéo léo cự tuyệt.

9. Q.2 - Chương 5: Tam Cổ Thảo Lư Và Long Trung Sách

6. Rộng sa bãi lầy, ôm gối than thở.

Tháng Giêng năm thứ 13 Kiến An, Tào Tháo tiêu diệt dư đảng của họ Viên. Từ Dịch Thủy đến Nghiệp Thành, sau khi thôn tính ba châu của Viên Thiệu là U, Thanh, Tinh, cộng với ba châu Cỗn, Dự, Tư tự mình vốn có: trong số mười bốn đơn vị hành chính toàn quốc, Tào Tháo đã chiếm được bảy châu, nghiêm nhiên trở thành một tướng lĩnh quân sự hàng đầu bấy giờ. Theo đề nghị của Tuân Du, tổng tham mưu trưởng Tào Tháo cho đào ở Nghiệp Thành một cái hồ lớn gọi là hồ Huyền Vũ cho diễn tập thủy chiến ở đó, rõ ràng Tào Tháo đã có ý định Nam chinh bình phục Lưu Biểu ở Kinh Châu và Tôn Quyền ở Giang Nam.

Tôn Kiên, phụ thân của Tôn Quyền là một anh hùng xuất sắc phi thường trong đám quần hùng đời Hán mạt, được Viên Thuật tiến cử làm Thứ sử Dự Châu trong cuộc chiến tranh với Lưu Biểu, bị phục binh chết giữa trận, thuộc hạ phần lớn theo về với Viên Thuật. Con cả là Tôn Sách cũng kế thừa được thiên tài quân sự của phụ thân, sau khi trưởng thành đã nắm lấy số quân cũ, thoát ly tập đoàn Viên Thuật, vượt sông Trường Giang, về nam khai thác giang sơn mới, ông đã lần lượt bình định sự cát cứ của các sứ quân Giang Đông như Lưu Dao, Hứa Cống, Vương Lăng, khống chế các quận Đan Dương, Ngô Quận, Cối Kê, Lô Giang, Dự Chương, thu tóm một vùng địa bàn rộng lớn ở Dương Châu, đang lúc ổn định nội bộ, chuẩn bị phát triển ra bên ngoài, lại bị chết bởi sự ám hại của thích khách. Người em trai là Tôn Quyền mới có gần mười tám tuổi chịu mệnh lúc nguy hiểm gánh vác công việc điều hành trong vùng.

Tôn Quyền không có tài hoa quân sự như cha anh song về chính trị lại là người có tài. Ông được sự giúp đỡ của Trương Chiêu, Trương Tú, đã mau chóng ổn định được nội bộ. Là người biết chiều hiền đãi sĩ, trải qua năm, sáu năm ngắn ngủi, ông đã tạo ra một tình thế mới, “tướng sĩ như rừng”. Không lâu, Lỗ Túc một nhà chính trị lớn của Giang Đông đã tiến cử Chu Du là người nổi tiếng đương thời. Lỗ Túc đề nghị Tôn Quyền củng cố Giang Đông, đoạt lấy Kinh Châu, thực hiện kế hoạch xưng bá chia ba thiên hạ, rất được Tôn Quyền vừa ý, xem ông ta là đại thần tham mưu chủ yếu bên cạnh mình. Người anh trai của Gia Cát Lượng là Gia Cát Cẩn cũng vào thời kỳ này, được Lỗ Túc giới thiệu với Tôn Quyền trở thành một người tài giỏi trẻ tuổi trong bộ tham mưu.

Phía tây Giang Đông là nửa phía nam của Kinh Châu, nếu đi về phía tây nữa, là Ích Châu một vùng đất núi rừng tươi đẹp. Địa bàn Ích Châu rất rộng, đất đai phì nhiêu, sản vật phong phú, song ở dưới sự cai trị của cha con Lưu Yên và Lưu Chương, chính trị, kinh tế, xã hội đều rối loạn. Lưu Yên là tôn thất nhà Hán vốn là người Giang Hạ, trong cục diện hỗn loạn cuối đời Ninh đế được bổ nhiệm làm Ích Châu mục, có đại quyền về chính trị và quân sự. Song Lưu Yên chưa võ về được trăm họ Ích Châu, lại câu kết với những nhà quyền quý lúc ấy xây dựng đặc quyền, bóc lột trăm họ. Bởi ngăn ngừa phản loạn, ông đặc biệt tổ chức dân di cư ở Ích Châu thành quận Đông Châu, tiến hành khủng bố trấn áp. Sau khi con ông là Lưu Chương

kế vị, tình hình ở đây càng thêm nghiêm trọng, trong “Tam quốc chí” Bùi Tùng Chi khi chú giải có chép: “Lưu Chương tính nhu nhược, không có uy vũ, cơ mưu, ông ta dung túng bọn cường hào, quan viên, khinh rẻ trăm họ, khiến tình hình Ích Châu mất ổn định nghiêm trọng”.

Phía bắc Ích Châu là vùng lòng chảo Hán Trung do Trương Lỗ, thủ lĩnh quân đạo giáo thi hành chế độ thống trị quân sự. Nhưng Trương Lỗ là người giảng đạo nghĩa, giàu trách nhiệm, nên xem ra sự đoàn kết của quân dân Hán Trung tương đối ổn định.

Phía đông bắc Hán Trung là khu Tư lệ quân, sau khi Hán Hiến đế chạy ra Lạc Dương, khu Tư lệ rơi vào cục diện cát cứ của quân đội. Phía tây bắc Hán Trung là vùng Lương Châu và Ung Châu, do Mã Đằng và Hàn Toại cùng tiến hành chiếm lĩnh bằng quân sự, song vùng này đại đa số là những bộ lạc thiểu số, bởi vậy vẫn không nhận được sự chú ý của đám quần hùng cuối đời Hán.

Lúc này Lưu Bị là kẻ anh hùng duy nhất không có địa bàn, tuy được Lưu Biểu che chở song cũng bị cự tuyệt và tướng lĩnh Kinh Châu nghi kỵ, thành ra dưới chính quyền Kinh Châu chỉ là một đội trưởng quân cận vệ chẳng có quyền lực gì.

Trong “Tam quốc chí” Bùi Tùng Chi có chép: “Lưu Bị có một lần tham gia yến tiệc của Lưu Biểu, giữa chừng khi ra nhà sau, phát hiện bắp đùi của mình nặng nặng, lấy làm lo lắng, lệ rơi lã chã, trở về chỗ ngồi Lưu Bị vẫn sầu não, Lưu Biểu kinh ngạc hỏi có chuyện gì, Lưu Bị đáp rằng: “Tôi đã nhiều năm Nam chinh Bắc chiến, thân không rời yên ngựa, bắp chân rắn chắc, nay một thời gian dài không ngồi trên yên ngựa, chân chẳng xem chừng chậm chạp. Chợt nghĩ thời gian qua rất nhanh, bất giác đã sắp lên lão, song vẫn chưa được việc gì, cho nên không khỏi bi thương vậy”.

Lưu Bị chợt nhìn lại con đường quan lộ đầy gập ghềnh của mình: Xét về phương diện cá nhân, có tiếng tăm với toàn quốc gây ấn tượng rõ rệt, xét về phương diện vũ trang, đã có được các dũng tướng nức tiếng thiên hạ như Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Vân, xét về phương diện văn phòng cũng đã có những danh sĩ như Tôn Càn, Giản Ung, My Trúc; lại có lần từng nắm quyền ở Từ Châu và Dự Châu, song cuối cùng vẫn không có cách gì giữ được, lại còn lưu ly thất tán, đến nỗi phải nhờ người khác che chở.

Được bạn bè giới thiệu, Lưu Bị biết được “Thủy kính tiên sinh” Tư Mã Huy, ông ta tựa hồ chết đuối vớ được cọc, nài nỉ với Tư Mã Huy, xin chẩn đoán cho bước đường sự nghiệp của mình thực triệt để. Tư Mã Huy thấy sự chân thành ấy, trực tiếp nói rõ với ông ta, bọn Tôn Càn cố nhiên đã rất cố gắng song xét cho cùng bọn họ sinh tâm thường, chẳng hiểu biết cho lắm. Kể thối thời phải hiểu biết thiên hạ đại sự; hơn nữa phải là kẻ tuần kiệt chân tài thực học, cũng là nói khuyết điểm lớn nhất của Lưu Bị là thiếu nhân tài qui hoạch chiến lược. Tư Mã Huy lại còn tiến cử với Lưu Bị hai người ở Kinh Châu, tuy trẻ tuổi mà rất nổi tiếng, đó là Ngọa Long tiên sinh Gia Cát Lượng và Phượng Sồ tiên sinh Bàng Thống.

7. Tam cố thảo lư, Long Trung hiến sách.

Song để Lưu Bị có quyết tâm dứt khoát, tìm kiếm hiền tài trị quốc lại là Từ Thứ (Từ Nguyên Trực) bạn thân của Gia Cát Lượng.

Từ Thứ có tên là Đan Phúc, lúc trẻ thích múa kiếm, nhất tâm ôn làm hiệp khách. Sau tuổi thành niên vì nghĩa mà giúp người làng báo thù, giết kẻ ác bá trong làng nên phải chạy trốn đến nơi khác, đổi tên là Từ Thứ. Từ đấy bỏ võ theo văn, nghĩa lý tinh thực. Tuổi trung niên, lánh thân ở vùng Kinh Tương, với Gia Cát Lượng kết làm bạn vong niên.

Từ Thứ vốn không ưa Lưu Biểu, thường phê bình ông ta là nhu nhược không quyết đoán, thích cầm hư danh, kẻ tài giỏi không được dùng đến, kẻ xấu xa không bị bỏ đi. Bởi vậy yên phận bản cùng, cũng không ỏn nhận chức vụ trong phủ Lưu Biểu. Sau khi Lưu Bị đến Tân Dã, Từ Thứ rất ỏn đếm thăm kẻ anh hùng đã dám tham dự việc mưu sát Tào Tháo, bèn chủ động tìm gặp. Lưu Bị với ông ta đàm luận rất thích thú, bèn lưu ông ta làm tân khách dưới trướng, làm cố vấn và quy hoạch.

Sau khi hiểu rõ tình thế của Lưu Bị, Từ Thứ nói với Lưu Bị: “Tôi có một người bạn thân tên là Gia Cát Lượng vẫn được gọi là Ngọa Long, có tài năng cao hơn tôi nhiều, tướng quân hãy nên tìm đến ông ấy”.

Đó là lần thứ hai Lưu Bị bị nghe đến đại danh Gia Cát Lượng tự nhiên rất ỏn đổi cao hứng bảo rằng: “Vậy phiền tiên sinh giúp tôi mời ông ấy lại đây!”.

Từ Thứ lại bảo: “Người này tính đăm đạc, trừ phi tướng quân đích thân đến mời, ông ấy không chủ động đến xin việc, tướng quân khá nên uốn mình thân chinh tận nơi thăm hỏi”.

Lưu Bị cần hiền tài như đang khát nước, sau khi hỏi kỹ Từ Thứ, biết rõ Gia Cát Lượng chính là người tài mình đang cần, bởi vậy đặc biệt quý trọng, tự mình dẫn hai viên đại tướng Quan Vũ và Trương Phi, đầu đội mưa tuyết lạnh giá mùa đông, tìm đến ngôi lầu cỏ của Gia Cát Lượng ở Long Trung hỏi thăm.

Bởi ớn thăm dò thành ý của Lưu Bị, Gia Cát Lượng cố ý tránh mặt liên tục hai lần không ở nhà. Nghe nói khi Lưu Bị đến lần thứ hai đã gặp Hoàng Thừa Ngạn là nhạc phụ của Gia Cát Lượng, nghĩ rằng Hoàng tiên sinh cũng muốn tự mình giám định ông chủ tương lai của con rể, để có ý kiến tham gia với Gia Cát Lượng. Song, Lưu Bị thực là người nhẫn nại, ông ta ba lần đội mưa tuyết, vì hành động Long Trung, Gia Cát Lượng rất đổi cảm động, đã ở nhà tiếp đón, đây là một giai thoại thiên cổ phi thường nổi tiếng trong dã sử dân gian, vẫn gọi là “Tam cố thảo lư cầu Khổng Minh”. Sau này trong “Xuất Sư Biếu” Gia Cát Lượng có viết: “Tiên đế không coi thần là kẻ thấp hèn đem lòng chiếu cố, đã ba lần đến tận ngôi lầu cỏ của thần” có thể tin được rằng câu chuyện Tam cố thảo lư là một sự thực lịch sử.

Đối với một kẻ hậu sinh kém ông ta hai mươi tuổi, Lưu Bị vẫn rất đổi thành thực đề xuất vấn đề rất khó khăn, mà mình đang quan tâm:

“Triều đình nhà Hán đang khuyhnh bại, gia thần chiếm cứ ngôi cao nắm quyền, hoàng thượng phải chìm đắm, tình thế rất đổi nguy cấp. Bởi vậy, tôi không tự lượng sức cũng không biết mình thanh danh chưa đủ, nỗ lực quên mình, bởi ớn nêu cao đại nghĩa với thiên hạ. Phải nổi không may tự mình hiểu biết nông cạn, đến nay vẫn không thành được một việc. Tuy vấp ngã liên miên, tôi vẫn ớn đem hết sức lực để hoàn thành tâm nguyện, hi vọng tiên sinh chỉ bảo cho tôi một đôi điều...”.

“Tam quốc chí” có chép: “Gia Cát Lượng đã đáp lại Lưu Bị bằng tấm chân tình”.

Từ loạn Đông Trác đến nay, hào kiệt trong thiên hạ cùng nổi dậy, cát cứ châu quận làm đất của mình không kể xiết. Tào Tháo so với Viên Thiệu, thanh danh không bằng, binh lực lại rất chênh lệch, song cuối cùng Tào Tháo vẫn đánh được Viên Thiệu, lấy yếu thắng mạnh, không chỉ cần nắm được thời cơ, mà việc qui hoạch thực rất cần thiết với thời gian dài.

Nay Tào Tháo đã có trăm vạn hùng binh, hơn nữa lại uy hiếp thiên tử để sai khiến chư hầu. Bởi vậy chẳng thể lấy cứng chọi cứng. Tôn Quyền ở phía đông nam, chiếm cứ Giang Đông đã trải ba đời, chính quyền tương đối ổn định, địa thế có Trường Giang hiểm trở làm chỗ dựa, đời sống nhân dân sung túc, lương thực nuôi quân đầy đủ, có rất nhiều nhân tài lỗi lạc dưới trướng. Xem thế lực như vậy, hãy nên kết giao làm bằng hữu, chẳng nên gây thành việc thù oán.

Kinh Châu phía Bắc Hán Giang và Mậu Thủy hiểm trở, phía nam có nguồn của cải dồi dào của Nam Hải, đông liền Ngô quốc, tây thông Ba Thục, là đất binh gia ớn tranh chiếm bằng được. Xem tình thế trước mắt, chủ nhân của Kinh Châu hiện nay chẳng đủ sức giữ lấy địa bàn này, đây chẳng phải là trời cao có ý cho tướng quân đây ư? Song chủ yếu vẫn là vấn đề ý nguyện riêng của tướng quân.

Ích Châu ở phía tây, địa thế hiểm yếu, bình nguyên phì nhiêu nghìn dặm thực là xứ sở trong mơ. Hán Cao tổ ngày xưa đã kiến lập cơ nghiệp ở đây tiến ra thống nhất thiên hạ. Lưu Chương làm Ích Châu mục hiện nay là kẻ hồ đồ nhu nhược, vẫn thường bị Trương Lỗ ở phía bắc uy hiếp. Tuy người dân cần cù thật thà, sản vật phong phú, song người lãnh đạo lại không biết quý những điều kiện thuận lợi ấy.

Bởi thế không khí trong nước thực bất an, kẻ thức thời mong mỏi có được minh chủ đến điều hành.

Tướng quân là hoàng tộc nhà Hán, là hậu duệ của Vương đế, có tín nghĩa với bốn biển, thu được nhân tâm anh hùng các nơi. Nay lại có lòng tiếp thu ý kiến của người khác, cầu tài như khát, biểu thị đầy đủ tấm lòng thành thực trung hưng. Bởi thế hãy nên làm theo đề nghị của tôi, trước hãy chiếm lấy hai châu Kinh, Ích dựa vào thế hiểm trở mà cố thủ, tây hòa với Nhung Địch, nam vỗ về Di Việt, về ngoại giao cần xây dựng đồng minh với Tôn Quyền, về nội chính cần điều hành sáng suốt, bồi dưỡng quốc lực, nhẫn nại đợi thời cơ tốt nhất sẽ hành động.

Một khi đại thế thiên hạ có biến, sẽ phái một viên thượng tướng dẫn binh mã Kinh Châu lên phía bắc trực tiếp đánh chiếm Lạc Dương, còn tướng quân hãy tự mình dẫn đạo quân Ích Châu, theo hướng Tần Xuyên tiến ra thì sợ gì trăm họ không mang giỏ cơm bầu nước ra nghênh tiếp tướng quân. Nếu như cứ theo kế

hoạch này mà làm, vậy thì việc xưng bá của tướng quân sẽ thành công, nhà Hán nhất định sẽ trung hưng được.

8. Xác định cụ thể qui hoạch đi từ nhỏ đến lớn.

Cuộc đối thoại này đương nhiên có chính lý thêm bớt của người đời sau, song có thể tin được rằng vào lúc ấy, quân thần vừa mới gặp mặt, cuộc thảo luận nhất định sẽ kéo dài và tế nhị, trao đổi ý kiến giữa hai bên rất đối triệt để. Cuộc đàm thoại này hiển nhiên là được tiến hành rất bí mật, đương nhiên chẳng thể ghi chép đúng với sự thực, Lưu Bị nếu không tạm nương nấu ở Kinh Châu, dám đoạt lấy cơ nghiệp từ tay người khác, chẳng những xét về tình về lý có chỗ không thông, hơn nữa lại còn nguy hiểm.

Long Trung Sách có thể nói là một giấc mơ giữa ban ngày, là một qui hoạch phát triển lâu dài đi từ nhỏ đến lớn. Qua cuộc nói chuyện ban đầu xem xét về việc này, chúng ta có thể nhìn thấy. Sau này trong Xuất Sư Biểu, Gia Cát Lượng ví mình “Lo giữ toàn tính mệnh ở đời loạn chẳng cầu nổi danh với chư hầu”, thực ra là người dồi dào nhiệt huyết, ông ta đã thu thập tình hình và phân tích đại thể trong thiên hạ một cách hoàn chỉnh và sáng suốt. Và sau này trở thành đầu não qui hoạch chu tường hợp lý, đề xuất được kế hoạch đi từ nhỏ đến lớn rất cụ thể, trách chi Lưu Bị đã rất mừng rỡ như cá gặp nước vậy.

Tuy Gia Cát Lượng là người theo phái “Thanh lưu” tận trung với hoàng tộc nhà Hán song về quy hoạch lại rất thực tiễn, ông ta chủ trương không lấy cứng chọi cứng với Tào Tháo, mà cần phải liên minh lực lượng với Tôn Quyền ở Giang Đông, đây là tinh thần căn bản của chiến lược lớn “liên Ngô chế Tào”.

Nói đến xây dựng cơ nghiệp, Gia Cát Lượng dựa vào lý tính hoàn toàn, ông ta thậm chí rất thực tiễn, nhiều năm ở Kinh Tương, lại gặp gỡ với nhiều bậc danh sĩ, Gia Cát Lượng đối với nội tình của chính quyền của Lưu Biểu đã hiểu rất thấu đáo. Ví như Bàng Đức Công, Tư Mã Huy không ớn ra làm việc, chính quyền của Lưu Biểu có nền tảng rất yếu, phái thân Tào và phái phản Tào chèn ép nhau. Lưu Biểu do dự không quyết, đây là điều đại kỵ của một người lãnh đạo, một chính phủ như vậy sớm ớn sẽ bị sụp đổ; khi Lưu Biểu lâm bệnh nặng, phái thân Tào như Khóai Việt, Hàn Tung nắm quyền điều hành chính trị và ngoại giao, lại được sự ủng hộ của thủy quân như Sái Mạo, Trương Doãn, chẳng qua lực lượng đứng riêng ra phản Tào, Hoàng Tổ trấn thủ Hạ Khẩu là chiến hữu rất có tín nhiệm với Lưu Biểu, lại cũng là một đại tướng của phái phản Tào. Lưu Bị vẫn nổi danh anh hùng lại là kẻ đối địch với Tào Tháo, nếu như Lưu Biểu có ý thức khác, Lưu Bị thu được phái phản Tào, trấn áp được lực lượng thân Tào, cũng chẳng phải không có khả năng, Gia Cát Lượng đã lưu ý Lưu Bị lợi dụng khéo léo cơ hội ấy.

Đối với chính quyền Ích Châu cách xa mấy nghìn dặm, những điều Gia Cát Lượng nắm được đã khiến người ta rất đổi kinh ngạc. Là một người trẻ tuổi, có thể hiểu thấu đại thể thiên hạ đến như vậy, Gia Cát Lượng thực đã có chuẩn bị trước. Tư Mã Huy gọi ông ta là kẻ thức thời tuần kiệt chính là nói về tài năng ở phương diện này của Gia Cát Lượng.

Ở đoạn cuối cùng lập trường phái Thanh lưu của Gia Cát Lượng là kiên định và sáng tỏ. Điều này cho thấy một nguyên nhân chủ yếu là ông ta rất có cảm tình với Lưu Bị. Song, lập trường của Lưu Bị phản kháng Tào Tháo ít nhiều thể hiện cảm tính, cơ hồ là ảnh hưởng của việc được Hán Hiến đế triệu kiến và sự kiến Đồng Thừa năm ấy. Song quan điểm của Gia Cát Lượng chỉ thuần lý tính, việc phục hưng nhà Hán là hình thái ý thức của phái Thanh lưu, nếu xét về tính thể đương thời và địa vị của Hán Hiến đế mà nói, đoạn cuối của Long Trung Sách là không sát thực tế. Gia Cát Lượng cuối cùng bị hãm vào bối cảnh “Cúc cung tận tụy vì nước quên thân”, chính là bị ý thức đó trói buộc cho đến chết xong sự tiến triển về sự nghiệp của Lưu Bị sau này cơ hồ là chiếu theo bản vẽ qui hoạch này. “Long Trung Sách” xác định thể chia ba thiên hạ, liên Ngô chế Tào là chiến lược lớn, cũng chính thực Gia Cát Lượng tuy còn ít tuổi song đích xác là một thiên tài qui hoạch đường dài kim cổ chưa từng có.

Chủ trương của Long Trung Sách thực ra không phải là sáng tạo riêng của Gia Cát Lượng; Lưu Bị nhiều năm bôn ba ở bắc phương, đối với sự thấu hiểu Kinh Tương Ích Châu, nghe được phân tích như vậy có thể lấy làm kinh ngạc. Song đối với sách lược gia ở Kinh Tương, Giang Đông đối với tình thế khách quan đều có nhìn nhận như thế. Lỗ Túc khi mới gặp Tôn Quyền đã từng đề xuất: “Dựng đình ở Giang Đông, chiếm cứ Kinh Châu tiến lên tranh bá với thiên hạ” (Tâm quốc chí - chuyện Lỗ Túc). Đại tướng Cam Ninh dưới trướng của Hoàng Tổ khi theo về với Tôn Quyền, cũng đã công khai biểu thị. cha con Lưu Biểu sẽ không giữ được cơ nghiệp, bởi vậy Tào Tháo sẽ đoạt lấy Kinh Châu, tiến sang phía tây mà thu lấy Ba Thục, về phía Tào Tháo, Trình Dục là một tướng lĩnh có tầm nhìn xa và giỏi mưu lược, trong đêm trước đại chiến Xích

Bích nỏ ra đã phân tích Tôn Quyền sẽ liên hợp với Lưu Bị để đối kháng với sự phát triển của Tào Tháo, đây là sự tương đồng về sở kiến của khách anh hùng. Riêng trong Long Trung Sách của Gia Cát Lượng sự phân tích thấu triệt, sách lược đề ra rất hoàn chỉnh mà cụ thể, thể hiện rõ đầu óc của Gia Cát Lượng, trí tuệ của một cao nhân, đây chẳng phải là ông ta có năng lực thần cơ diệu toán của kẻ dự đoán tiên tri như người ta vẫn tô vẽ.

Lời bình của Trần Văn Đức

Bất luận ở thời đại nào, tin tức được sưu tầm chính xác, phân tích chính lý có hệ thống, phán đoán đưa ra quyết sách hữu hiệu, cơ hồ là điều kiện khởi đầu ắt phải có đủ của một nhà sách lược ưu tú. Tư Mã Huy cho rằng kẻ thức thời là tuần kiệt, ý nói đến điều kiện này.

Xung quanh mỗi cá nhân, xem ra tin tức có thu lấy bao nhiêu cũng không hết, cũng có không ít người thường dùng “sự thực thắng hùng biện” để biểu thị cái mà mình nắm được hoặc nhìn ra mới là sự thực, còn người khác thì không đúng, cho nên chỉ có lập trường của mình mới là có giá trị. Thực ra như vậy chỉ là luận thuyết chỉ biết mình mà thôi.

Vấn đề đầu tiên ở đây là những người này lẫn lộn giữa sự thực và chân thực, sự thực không phải là chân thực, song sự thực là yếu tố cần thiết để suy nghĩ tìm ra chân thực, trong quá trình đó, sự thực rất có giá trị; chưa có sự thực làm tiền đề cho suy nghĩ, chỉ thu được những thiên kiến độc đoán mà không có được chân thực.

“Vấn đề sự thực” là một cách xem xét của mỗi cá nhân trước các sự kiện của thế giới, quan điểm của mỗi cá nhân không giống nhau, sự thực cũng nhìn nhận không giống nhau. Sự thực không phải là cái mơ hồ, nó là điều kiện để suy luận, người thiếu khả năng suy luận, sự thực mà họ nắm được, chưa có giá trị gì. Trước mắt có không ít ý kiến của học giả, khiến chúng ta rất khó vận dụng. Thực ra những suy nghĩ trừu tượng về hệ lý luận của họ, về căn bản không đem đến cho chúng ta sự phân tích, chính lý và phán đoán đúng đắn về vấn đề sự thực.

Cũng có không ít học giả nhận rằng họ là những chính trị gia và nhà kinh doanh đã hơn ba mươi năm, thực tế thu thập được không nhiều, họ đưa ra những phán đoán không mấy chính xác, thực ra vấn đề không phải nhiều ít nắm thực tế, mà từ những tin tức đã nắm được, phát hiện được “sự thực” có thể dùng được. Những nhà chính trị và kinh doanh nổi tiếng trong quá khứ, có một quá trình từng trải và trưởng thành, có suy tư và hệ lý luận đúng đắn, bởi vậy từ những tin tức nhiều mặt, với quan điểm vận dụng của riêng mình, nêu ra được sự thực khá dễ. Những chính trị gia và nhà kinh doanh hiện đại, phần lớn được đào tạo qua trường lớp và họ có thể lợi dụng công cụ khoa học để phát hiện sự thực song lại không có biện pháp hữu hiệu để vận dụng sự thực.

Nói cho cùng, có không ít người nhận mình là “chuyên gia” coi sự thực mà mình nhìn nhận là chân thực, để đạt đến mục đích, không vận dụng sự thực để tìm chân thực, mà chỉ cố thủ ở lập trường, “sự thực” của mình, để phủ định “sự thực” của người khác; có thể nói như vậy đã xa rời thế giới thực tiễn, dẫn đến hình thái ý thức rất thiên kiến và độc đoán.

10. Q.2 - Chương 6: Quan Hệ Cá Nước (ngư Thủy Chi Giao)

Ở thời kỳ này Gia Cát Lượng và Lưu Bị ăn cùng bàn, ngủ cùng giường, gắn bó với nhau để nghiên cứu tất cả qui hoạch phòng bị.

Bởi hai người cơ hồ như một, khiến Lưu Bị cũng xa rời Quan Vũ và Trương Phi, làm cho hai người ấy nảy sinh vấn đề tâm lý.

1. Người đàn ông khiến đàn ông cũng phải yêu mến.

Long Trung Sách của Gia Cát Lượng đã làm cho Lưu Bị thấy rõ hoàn cảnh của mình, đầu tiên vận dụng tư duy trừu tượng để khái quát, phân tích thấu triệt, để mở rộng tầm nhìn của người khác, cũng làm cho người ta thêm tin tưởng vào việc tranh bá thiên hạ. Bởi vậy Lưu Bị thành khẩn mời Gia Cát Lượng làm quân sư, phụ trách việc qui hoạch. Qua thử thách “Tâm cố thảo lư”, Gia Cát Lượng cũng có lòng tin với

Lưu Bị, bởi vậy đã đáp ứng một cách vui vẻ, kết thúc cuộc sống ẩn cư ở Long Trung, lựa chọn Lưu Bị làm minh chủ suốt đời không thay đổi của mình.

Một điều khiến người ngoài rất kinh ngạc, là Gia Cát Lượng tài trí như vậy, thường tự ví với Quản Trọng và Nhạc Nghị, lại lựa chọn một người chủ lạ lùng mà cả đến cái ăn cũng còn có vấn đề. Thực ra vấn đề chủ yếu ở con người của Lưu Bị có ma lực khiến người ta rất khó cự tuyệt.

Trong “Tam quốc chí” Trần Thọ có bình luận như sau: “Tiên chủ tính cởi mở khoan hậu, chiêu hiền đãi sĩ, có phong thái như Hán Cao tổ, có khí chất anh hùng vậy”. Lưu Bị nổi tiếng là kẻ anh hùng lúc đó, sự thành khẩn khoan hậu với người khác của ông ta, cùng với sự tin tưởng hoàn toàn khiến ông ta nhận được sự tin cậy của người khác. Thân thiết gần bó, không nên hình thức, biết người khéo dùng, là ma lực rất lớn của Lưu Bị; ví như mãnh tướng Triệu Vân dưới trướng của Công Tôn Toản là người trung thành chính trực, ưa nói thẳng, bởi vậy không được Công Tôn Toản vừa ý, song ông ta rất gần bó với Lưu Bị, rất thành tâm và Triệu Vân trở thành một trợ thủ đắc lực gần như Quan Vũ và Trương Phi ở dưới trướng của Lưu Bị. Ví như Từ Thử là một hàn sĩ dám công khai phê bình Lưu Biểu, với Lưu Bị cũng rất thân thiết ngay từ đầu, còn giúp ông ta lôi kéo được Gia Cát Lượng, Lưu Bị với Từ Thử cũng rất thành tâm, nhất nhất đều nghe theo. Đối với Quan Vũ và Trương Phi là hai người bạn thuở ban đầu, thường ngồi cùng chiếu, ngủ cùng giường, ăn cùng mâm, có thể nói đồng cam chịu khổ lâu dài, Lưu Bị thực là người chủ giàu tình thần nghĩa hiệp.

Lại khi ở Bình Nguyên, từng có người phái thích khách muốn ám hại Lưu Bị, song khi ông ta tiếp đãi thích khách lại rất mực hậu hĩ, khiến thích khách không nhẫn tâm còn bộc lộ việc mình làm, lập tức ra đi. Khi ở Từ Châu, Đào Khiêm nài nỉ ông làm người kế nhiệm, bởi Lưu Bị được xem là minh chủ khéo lo cho dân, khiến trăm họ có nơi quy tụ. Bùi Tùng Chi có viết, người đương thời cho rằng, Lưu Bị khoan dung đại độ có thể làm cho người khác chết vì mình. Tào Tháo cũng nói trước mặt Lưu Bị rằng: Thiên hạ anh hùng duy chỉ có Sứ quân và Tháo vậy. Viên Thiệu xưng bá thiên hạ, khi Lưu Bị lưu lạc, cũng nhiệt tình tiếp đãi ông ta, xem Lưu Bị là người nhả nhận mà có tiết nghĩa, đến cả một mưu sĩ trẻ tuổi quan trọng của Tào Tháo là Quách Gia cũng phải khen Lưu Bị: Có hùng tài mà rất được lòng người (truyện Quách Gia). Như thế đủ thấy, một người khiến cho kẻ địch, bạn bè, cả những người không quen biết cũng phải nể vì: Gia Cát Lượng thấy rõ điều ấy, có thể ông ta cho rằng chỉ có một người chủ như Lưu Bị, mới có thể được tôn trọng và tín nhiệm đầy đủ, mới có thể dựa vào đó để thực thi hoài bão của mình.

Đúng như Gia Cát Lượng sau này trong “Xuất Sư Biểu” có viết: “Tiên đế không xem thần là hèn mọn đem lòng chiếu cố, ba lần tìm đến lều cỏ của thần, bày tỏ với thần việc thế sự, rất đối cảm kích, mong mỗi được hết lòng với tiên đế”. Kẻ sĩ vì tri kỷ mà chết, có thể tin rằng Gia Cát Lượng sau này cù cung tận tụy, cũng là bắt đầu từ đây.

Lại nói Bùi Tùng Chi chú giải Tam quốc chí có chép: Mạnh Công Uy là bạn thân của Gia Cát Lượng, muốn về cố hương ở Trung Nguyên (Mạnh Công Uy là người Dự Châu), Gia Cát Lượng có khuyên ông ta rằng: “Trung Quốc giàu sĩ đại phu, ngao du hà tất phải nghĩ đến cố hương làm gì”, vấn đề là ở chỗ, nhà Hán ở Trung Nguyên, Tào Tháo đương nắm quyền bức hiếp cả nhà vua. Mà Gia Cát Lượng là người theo phái Thanh lưu vẫn nghĩ đến phục hưng nhà Hán, quan điểm ấy không lúc nào rời được. Nhìn khắp quần hùng trong thiên hạ, chỉ có Lưu Bị tận tâm với Hán Hiến đế, ông ta không những là hậu duệ của nhà Hán, cũng từng nhận mật thư của Hán Hiến đế, là tướng lĩnh dám tham gia việc mưu sát Tào Tháo. Nhìn chung sự gần bó giữa Gia Cát Lượng và Lưu Bị âu cũng là đạo lý tất nhiên.

2. Anh em khác họ, giai thoại nghìn năm.

Không chỉ một mình Gia Cát Lượng bị hấp dẫn bởi ma lực của Lưu Bị, ngay khi còn điên đảo lưu ly cũng có không ít danh sĩ mãnh tướng, vẫn ở bên ông ta, đồng cam cộng khổ, chia sẻ hoạn nạn đối với Lưu Bị cơ hồ vĩnh viễn không rời đổi. Đáng kể nhất là đào viên kết nghĩa Lưu, Quan, Trương, vẫn lưu truyền trong dân gian, ba người “Dầu không cùng ngày, tháng, năm sinh nhưng nguyện chết cùng ngày, cùng tháng, cùng năm”.

Quan Vũ tên chữ là Vân Trường, tên thực là Trường Sinh người Hà Đông (nay là Sơn Tây), khi tuổi trẻ vì trượng nghĩa có giết kẻ ác bá trong làng; một mình chạy trốn ở nơi khác, đổi tên là Vân Trường. Khi Lưu Bị ở Trác Quận khởi binh thảo phạt Hoàng Cân, Quan Vũ và Trương Phi cùng đến tiếp ứng, Quan Vũ thân cao hơn chín thước ta (khoảng 1,90 m), tướng mạo đường đường, cùng với Trương Phi, rất được Lưu Bị tín nhiệm. Tam quốc chí có chép: “Tiên chủ khi ở Bình Nguyên xếp Quan Vũ, Trương Phi làm Biệt bộ tư mã,

chia năm việc quân. Tiên chủ với hai người ngủ cùng giường, xem như anh em, song khi có việc công thì đứng hầu trọn ngày, mọi thứ đều do tiên chủ chu cấp, không ngại gì gian khổ”.

Năm thứ 4 Kiến An, Lưu Bị thoát khỏi sự không chê của Tào Tháo, lệnh cho Quan Vũ, nỗ lực ngăn chặn quân Tào, giữ thành Hạ Phì, bảo vệ gia quyến và lương thảo, có bổ nhiệm chức Thái thú. Còn Lưu Bị cùng Trương Phi trụ ở Bái huyện, để chống đỡ quân Tào xâm nhập.

Năm thứ 5 Kiến An. Tào Tháo dẫn đại quân Đông chinh. Lưu Bị ở Bái huyện bị quân Tào đánh bại, một mình chạy về với Viên Thiệu. Thành Hạ Phì cũng bị quân Tào vây chặt, Quan Vũ muốn tuần tiết, song một mặt phải bảo vệ gia quyến Lưu Bị, một mặt do Tào Tháo đưa ra điều kiện khuyến hàng rất là ưu đãi, Quan Vũ nếu như được tin tức của Lưu Bị, sau khi lập công đáp đền Tào Tháo sẽ lập tức tìm về với Lưu Bị, điều kiện được chấp nhận, ông ta đem quân đầu hàng Tào Tháo.

Tuy danh tiếng của Quan Vũ không cao song có tư chất tướng mạo, lại thêm có phẩm hạnh được Tào Tháo rất kính trọng; chẳng những đáp ứng điều kiện đầu hàng của ông, còn phong làm Thiên tướng quân.

Không bàn đến sự tô vẽ của “Tam quốc diễn nghĩa” những ghi chép của chính sử về quan hệ đặc biệt giữa Tào Tháo và Quan Vũ, vẫn có thể được gọi là không tiền khoáng hậu, cổ kim trong ngoài cũng không tìm được một câu chuyện thứ hai. Sau khi đầu hàng lại có thể tự do ra đi, hơn nữa lại có thể theo về với đối phương (Viên Thiệu) và lại có thể đối chọi với mình, điều kiện khoan dung như vậy có lẽ chỉ Tào Tháo mới có thể đưa ra.

Quan Vũ cũng ngoan cố khả ái, dẫu Tào Tháo đối với ông tận tình tận nghĩa, ông vẫn kiên trì nguyên tắc đã thỏa thuận, tích cực tìm tòi Lưu Bị đã lưu lạc, đích xác được gọi là kẻ đại trượng phu “phú quý bất năng dâm, uy vũ bất năng khuất” (giàu sang không dao động, uy vũ không khuất phục).

Bởi Quan Vũ với mãnh tướng Trương Liêu có chí khí hợp nhau, quan hệ thân mật, Tào Tháo bèn phái Trương Liêu thử thăm dò ý nguyện Quan Vũ phải chăng có thể dứt bỏ Lưu Bị ở lại trại Tào. Trương Liêu cứ theo chỉ thị của Tào Tháo đến ướm hỏi Quan Vũ, Quan Vũ biết Tào Tháo có thiện ý, than rằng: “Tôi rất biết Tào Công lấy lễ đối xử với tôi, song Lưu tướng quân với tôi đã có quan hệ lâu ngày, từng thề cùng sinh tử, chẳng thể bởi giàu sang bội ước, tôi chẳng thể ở lâu được, song nhất định lập công lao đền đáp, rồi mới ra đi”.

Trương Liêu chỉ còn biết báo cáo với Tào Tháo đúng như vậy, Tào Tháo không những không giận lại rất đổi cảm động, công khai tán tụng Quan Vũ là người trung nghĩa. Không lâu, quân tiên phong của Viên Thiệu tràn qua bờ nam Hoàng Hà đánh vào thành Bạch Mã của Tào Tháo, tướng trấn thủ là Lưu Diên vội cấp báo, Tào Tháo phái Trương Liêu và Quan Vũ đến đó chống đỡ. Bởi Nhan Lương tự đắc có quân lực hùng mạnh, lơ là phòng vệ; Trương Liêu và Quan Vũ dẫn đội kỵ binh đuổi gấp, cách thành Bạch Mã khoảng vài mươi dặm gặp Nhan Lương đang dẫn quân đi tuần. Hai bên đột nhiên giáp mặt, không kịp chuẩn bị, Nhan Lương đang cười nói vui vẻ, ngồi trên một cỗ xe có lọng che và cờ hiệu, không nghĩ chuyện bất thường sẽ xảy ra. Quan Vũ dừng mãnh nhanh chóng nhìn ra nhược điểm của Nhan Lương, ông một mình một ngựa xông đến, hươ đại đao nhằm chém Nhan Lương, áp sát đến tận bánh xe, vệ binh của Nhan Lương đứng ngăn cản, đến bản thân Nhan Lương cũng không kịp trở tay, liền bị Quan Vũ đâm chết lộn cổ xuống xe. Trong khi vệ binh còn đứng ngây như phỗng, Quan Vũ xuống ngựa lấy thủ cấp của Nhan Lương, sau đó ung dung lên ngựa mà đi.

Trương Liêu cũng vội quân kéo đến, quân Nhan Lương kinh hoàng tan tác cả, Quan Vũ và Trương Liêu không dừng lại, lại tiếp tục truy đuổi; bởi mất chỉ huy, quân Viên như rắn không đầu, chỉ còn biết nhanh chóng rút chạy về bờ bắc Hoàng Hà, thành Bạch Mã cũng mau chóng được giải vây. Kể từ đại chiến Quan Độ bắt đầu chưa được bao lâu, quân Viên Thiệu đã vấp ngay phải một tổn thất nghiêm trọng.

Thắng trận này công lao của Quan Vũ rất lớn, Tào Tháo sợ ông ta bỏ đi bèn ban thưởng rất hậu, phong làm “Hán thọ đình hầu” cứ ba ngày bày một tiệc nhỏ năm ngày bày một tiệc lớn có ý giữ chân ông. Song Quan Vũ được biết Lưu Bị đang ở với Viên Thiệu bèn từ biệt Tào Tháo, Tào Tháo tránh không gặp mặt, Quan Vũ không trình báo được, bèn gói cả quà thưởng và ấn tín, viết thư cáo từ, dẫn theo gia quyến Lưu Bị thẳng hướng doanh trại Viên Thiệu ở bờ bắc Hoàng Hà.

Trong khoảng giao tranh giữa đôi bên, Quan Vũ vượt qua không dễ dàng; các tướng trong trại Tào muốn đuổi bắt, song Tào Tháo ngăn lại nói rằng: “Kẻ ấy chỉ vì chủ cũ, chớ nên đuổi theo”.

Một mình một ngựa bảo vệ gia quyến Lưu Bị, vượt qua vùng giáp ranh giữa hai bên, giữa thời kỳ chiến sự, không nghi ngờ gì đây là việc thực khó hiểu rõ được. Bởi thế trong Tam quốc diễn nghĩa có mô tả một câu chuyện ly kỳ: “Một ngựa vượt nghìn dặm, ngũ quan trăm lức tướng”. Giữa chừng lại có tình tiết Trương Liêu phụng mệnh Tào Tháo, tặng Quan Vũ giấy thông hành miễn tội quá quan trăm tướng, lý lịch tô vẽ thêm rất khó phân giải, song nếu như không có sự chiếu cố đặc biệt của Tào Tháo, Quan Vũ muốn bình yên đi qua phòng tuyến tiến sang doanh trại Viên Thiệu tưởng cũng không dễ dàng như thế.

Bởi ma lực đặc biệt của Quan Vũ, Viên Thiệu cũng bỏ quá cho ông ta tội chém chết Nhan Lương, lại cảm kích trước lòng trung nghĩa vẫn sắp xếp cho ở trong trại Lưu Bị. Tuy sự kiện đến hôm trước đại chiến Quan Độ bảo vệ đại thể trong thiên hạ, chỉ là một đoạn viết ngắn, song sự trung thành và can đảm của Quan Vũ, sự khoan dung và nhã ý khác thường của Tào Tháo, đã thành giai thoại lưu truyền thiên cổ.

Trương Phi tên chữ là Dục Đức, là người cùng quận Trác với Lưu Bị, năm xưa đã cùng Quan Vũ theo giúp Lưu Bị, cá tính thẳng thắn, bên trong sự thô lỗ là sự tử tế. Thân cao hơn tám thước ta (khoảng 1,8 m) trán à dô, mắt tròn mà lớn, râu quai nón đầy mặt, tiếng to như sấm, hành động mau lẹ mà dũng mãnh, thoáng nhìn có vẻ hung tợn, bụng dạ lại trung thành mà lương thiện. Đối với kẻ quân tử có học thì rất mực tôn trọng, song coi cái ác như thù; đối với kẻ tiểu nhân phạm sai lầm hoặc có ác ý dứt khoát không tha thứ, cũng bởi thế mà dễ đắc tội với người.

Lại thêm cá tính nóng nảy, thích uống rượu, đã từng mắc lỗi nghiêm trọng, Lưu Bị phải luôn răn bảo, song bản tính khó đổi. Trương Phi kiên dũng thiện chiến coi cái chết nhẹ như lông hồng, nói về sức sát thương trên chiến trường, đến cả Quan Vũ cũng phải tự than là chẳng bằng. Thế nhưng ông ta đối với Lưu Bị rất đối trung thành, đối với Quan Vũ cũng rất nể vì, là một người bạn thuở hàn vi chẳng dễ gặp được.

3. Ban bộ của Lưu Bị

Ngoài Quan Vũ và Trương Phi, trong ban bộ của Lưu Bị, Triệu Vân là người cẩn thận, dám nói thẳng, dũng mãnh vô cùng, giàu tinh thần trách nhiệm, được xem là một nhân vật trọng yếu.

* Triệu Vân

Triệu Vân tên chữ là Tử Long, người Thường Sơn, thân cao hơn tám thước ta, hùng tráng uy nghi, chuyên dùng cây trường thương với người khoan hòa, có năng lực lãnh đạo. Thời Hán mạt đại loạn, các phụ lão quân Thường Sơn cử Triệu Vân làm thủ lĩnh quân nghĩa dũng, khi Viên Thiệu và Công Tôn Táo đánh nhau, Triệu Vân dẫn quân nghĩa dũng theo về với Công Tôn Táo.

Bởi Viên Thiệu đang làm Ký Châu mục, Công Tôn Táo, thấy Triệu Vân đến với mình, phi thường cao hứng mới bảo rằng: “Nghe nói người Ký Châu đều theo về với Viên Thiệu, tướng quân lại về với ta ở đây, khá xem là người Ký Châu bỏ lối mê mà phản tỉnh”. Không ngờ Triệu Vân nghiêm trang nói rằng: “Thiên hạ đại loạn, ai phải ai trái, kỳ thực cũng khó phân biệt rõ, người dân chịu ảnh hưởng chiến loạn, ở nơi nước sôi lửa bỏng, bởi vậy người tể quận mới phải đi tìm nơi nhân nghĩa, cứu họ khỏi cảnh nước lửa, đâu có nghĩ là thân cận với tướng quân mà xa rời Viên Thiệu!”. Công Tôn Táo nghe nói rất không vừa lòng song thấy quân lực to lớn, miễn cưỡng thu nạp, không trọng dụng cho lắm.

Lúc ấy Lưu Bị đã theo về với Công Tôn Táo đánh lại Viên Thiệu, với Triệu Vân rất có cảm tình, mến mộ tài năng, Triệu Vân cũng có ý hợp với Lưu Bị, kết làm chỗ thân thiết. Không lâu, anh cả của Triệu Vân ở quê từ trần, Triệu Vân xin phép về nhà, Lưu Bị biết rõ anh ta sẽ không trở lại với Công Tôn Táo; khi từ biệt nắm tay không rời, Triệu Vân cảm được thành ý, bèn nói rằng: “Sẽ có ngày đáp đền thành ý của tướng quân”. Sau này, Triệu Vân được biết Lưu Bị theo về với Viên Thiệu đã dẫn quân ở làng đến phối hợp, làm trọn lời hứa; Lưu Bị rất vui mừng thường ngủ cùng giường, cùng bàn bạc đại sự, Lưu Bị thấy Viên Thiệu chẳng thể dựa được bèn ngầm phái Triệu Vân chiêu mộ binh mã cho đội quân của mình. Chẳng bao lâu đã có hơn trăm người tham gia, sau khi Lưu Bị đến Nhữ Nam, đã có ban bộ hoàn chỉnh, đều là công lao của Triệu Vân bởi Triệu Vân dũng mãnh lại điều độ, giỏi đánh kỵ binh, nên Lưu Bị giao cho làm kỵ binh đốc đại, lại thường kiêm chỉ huy đội tiên phong.

Trong lúc lãnh đạo quân đội của Lưu Bị, sau này phối hợp tốt với Gia Cát Lượng cũng đều là công của Triệu Vân.

Ngoài ba vị võ tướng vạn người khó địch, trong ban bộ lúc đầu của Lưu Bị còn có ba văn quan trọng yếu họ là My Trúc, Tôn Càn, Giản Ung.

*** My Trúc**

My Trúc tên chữ là Tử Trọng người Đông Hải, tổ tiên theo nghề buôn bán, khách có vạn người, tài sản rất lớn, khi Đào Khiêm làm Từ Châu mục, thấy My Trúc là người nổi tiếng, bổ nhiệm làm Biệt giá tổng sự. Khi Đào Khiêm từ trần dân dò My Trúc phải mời Lưu Bị làm Châu mục, cùng với Trần Đăng đã giúp đỡ được nhiều việc quan trọng, khi Lưu Bị làm Từ Châu mục sau này, Lã Bố thừa cơ Lưu Bị đang tranh giành với Viên Thuật tập kích Từ Châu, vợ con Lưu Bị mắc vòng vây hãm. Bất đắc dĩ Lưu Bị dẫn quân đến Quảng Lăng. My Trúc lấy tài sản riêng hiệp trợ cho Lưu Bị qua lúc khốn khó, lại mang em gái gả cho Lưu Bị làm vợ kế gọi là My phu nhân.

Tào Tháo đánh chiếm Từ Châu, My Trúc tuy xuất thân từ thương gia song bởi có lòng trung lại thanh liêm, được bổ nhiệm làm Thái thú doanh quận, cử em trai My Trúc và My Phương làm Bành thành tướng. Sau khi Lưu Bị thua Tào Tháo, anh em My Trúc đều từ quan đi theo Lưu Bị. Khi Lưu Bị về với Viên Thiệu, anh em My Trúc cũng từ giã quê hương, đến Nghiệp quận hợp với Lưu Bị, sau này Lưu Bị đánh du kích ở vùng Nhữ Nam quấy rối hậu phương Tào Tháo, My Trúc cũng giúp đỡ Lưu Bị rất nhiều tiền tài.

*** Tôn Càn**

Tôn Càn tên chữ là Công Hổ người Bắc Hải, khi Lưu Bị mới được bổ nhiệm Từ Châu mục, được cử làm Tổng sự, Tôn Càn có tài ăn nói, phản ứng sắc bén, song cá tính ôn hòa và là người trung thành. Thời kỳ Lưu Bị đang thất vọng, Tôn Càn luôn ở bên an ủi giúp đỡ, không biết mệt mỏi. Bất luận là khi về với Viên Thiệu hoặc Lưu Biểu, việc giao thiệp và sắp đặt trước đều do Tôn Càn phụ trách, chưa hề chịu nhục, có thể nói là có tài ngoại giao. Đặc biệt là Lưu Biểu cũng có ý quý trọng Tôn Càn. Khi viết thư cho Viên Thượng là con Viên Thiệu, luận về việc tranh giành giữa anh em họ Viên, Lưu Biểu có ý nhấn mạnh: “Mỗi lần cùng luận bàn việc này với Lưu tướng quân và Tôn Công Hổ, đều rất đau lòng, nghĩ mà bi thương”. Tuy như thế, Tôn Càn là người trung thành với Lưu Bị, song công việc không có gì nổi trội.

*** Giản Ung**

Giản Ung tên chữ là Hiến Hòa, người Trác quận cùng đồng hương với Lưu Bị, thời trẻ đã có quan hệ, khi Lưu Bị tổ chức đội quân riêng trấn áp Hoàng Cân khởi nghĩa, Giản Ung đã theo về với Lưu Bị phụ trách việc đàm phán, việc giao thiệp. Giản Ung cá tính khôi hài, giỏi trào phúng, không xem trọng lễ phép thế tục, thường giống như kẻ cuồng sĩ, có lúc Lưu Bị và Gia Cát Lượng cũng phải đau đầu, song ông ta vốn chính trực liêm khiết và không tư lợi, ở trang trại Lưu Bị rất được quân sĩ kính trọng.

Có một lần trời đại hạn, Lưu Bị hạ lệnh cấm chỉ việc nấu rượu, ai vi phạm sẽ bị trừng phạt nghiêm trọng, có một nhà kia bị quan quân kiểm tra thu được thiết bị nấu rượu, luận vào hình phạt chuẩn bị phạm tội, Lưu Bị do dự không quyết. Hôm ấy, Lưu Bị với Giản Ung đang đi tuần sát trong quận, thấy một nam một nữ cùng đi, Giản Ung nói với Lưu Bị: “Hai người này sắp làm việc gian dâm, xin hãy mau bắt lấy”. Lưu Bị kinh ngạc bảo rằng: “Tiên sinh sao biết như thế?”. Giản Ung đáp rằng: “Hai người bọn họ chẳng phải đều có khí cụ gian dâm ư? Việc này so với việc có đồ nấu rượu là cùng một đạo lý vậy!”. Lưu Bị nghe xong cười lớn, bèn hạ lệnh, kẻ có đồ nghề nấu rượu vô tội, việc này nói rõ được tài trào phúng của Giản Ung.

Sau khi Từ Thử, Gia Cát Lượng được bổ nhiệm, My Trúc, Tôn Càn, Giản Ung đã giảm bớt vai trò quan trọng trong việc lập kế hoạch ở quân danh, song họ đều không may mắn oán thán, lại còn tận lực hiệp trợ với Gia Cát Lượng, qua đây thấy được dưới sự lãnh đạo khéo cảm hóa lòng người của Lưu Bị, nhóm quan văn dưới trướng cũng hòa hợp được vào không khí chung.

11. Q.2 - Chương 7: Quan Hệ Cá Nước (ngư Thủy Chi Giao)

4. Tổ chức dân di cư, khuếch trương thêm quân lực

“Tam quốc diễn nghĩa” có chép, việc đầu tiên của Gia Cát Lượng sau khi hạ sơn là kế hoạch hỏa thiêu Gò Bắc Vọng, đánh bại Hạ Hầu Đôn, đại tướng quân Tào và liên quân Vu Cẩm. Thực ra khi chiến dịch Gò Bắc

Vọng nổ ra, Lưu Bị chưa từng gặp Gia Cát Lượng và Từ Thúc, không thể có chuyện Gia Cát Lượng và Từ Thúc tham dự mưu lược.

Gò Bác Vọng ở vùng Nhữ Nam, đương khi Lưu Bị và Lưu Tích ở Nhữ Nam đánh du kích giữa hậu phương quân Tào, Hạ Hầu Đôn đang phụ trách phòng thủ ở Dự Châu, rất đau đầu. Bởi thế sau chiến thắng Quan Độ, Hạ Hầu Đôn chủ trương tiêu diệt quân du kích của Lưu Bị. Tuy Tào Tháo cho rằng thời cơ chưa chín muồi, song Hạ Hầu Đôn cứ thúc giục, Tào Tháo chỉ còn biết điều động tướng Vu Cấm đang ở bờ nam Hoàng Hà cùng hiệp trợ; binh lực quân Tào rất mạnh, bởi vậy ngay từ lúc ban đầu, quân Lưu Bị, Lưu Tích đều phải chịu áp lực rất lớn, Lưu Tích bị chết giữa trận. Hạ Hầu Đôn tranh thủ truy kích, Vu Cấm khuyên mãi không được đành phải làm theo, song khi quân đuổi đến gò Bác Vọng, liền bị hỏa công vây bủa vào thế mai phục trước của Lưu Bị, quân Tào đại bại, Hạ Hầu Đôn và Vu Cấm cố chạy thoát thân. Nhưng Lưu Bị cũng thấy binh lực của mình rất mỏng, về căn bản chẳng thể đối chọi với quân Tào, theo sự sắp xếp của Tôn Càn, đánh rút về Kinh Châu, nhận sự che chở của Lưu Biểu; Lưu Biểu bèn lệnh cho trấn thủ Tân Dã phụ trách phòng thủ tiền tuyến phía đông bắc.

Gia Cát Lượng tuy có suy nghĩ sắc bén về chiến lược song chưa từng trải qua trận mạc, xét về căn bản chưa có kinh nghiệm tác chiến, thiết nghĩ nếu dựa vào chiến thuật quyết sách của ông ta, về thực tế là rất ít khả năng, bởi vậy Gia Cát Lượng sau khi hạ sơn, công việc chủ yếu vẫn là qui hoạch chiến lược và hành chính.

Lúc ấy chiến dịch quan khổ bắc chinh ô hoàn của Tào Tháo đã giành được thắng lợi, tại hồ Huyền Vũ ở bên Nghiệp Thành ở Ký Châu, thường tăng cường luyện tập thủy quân để chuẩn bị nam tiến, phía đông bắc Kinh Châu ở vào thế đối đầu, đội quân Lưu Bị trụ giữ Tân Dã là đối tượng của đợt tấn công thứ nhất. Song quân lực của Lưu Bị, chỉ có vài nghìn người mà thôi, kể riêng đội quân tiên phong của Tào Tháo cũng đã khó ngăn nổi. Bởi thế Lưu Bị cảm thấy bất an nhưng không nghĩ ra được biện pháp khắc phục, vì vậy trong lòng phiền muộn không yên.

Có một hôm Gia Cát Lượng đến quân trường của Lưu Bị, thấy ông ta tết đuôi ngựa để tiêu khiển vội bảo rằng: “Tôi nghĩ tướng quân vốn có chí khí, không ngờ lại tự mình ngồi kết đuôi ngựa như thế”. Lưu Bị lập tức đứng dậy bảo: “Ta trong lòng phiền muộn nên mới bày trò chơi để cố quên đi!”.

Gia Cát Lượng cười bảo rằng: “Tướng quân rất phiền muộn bởi binh lực chúng ta ít như vậy làm sao ngăn được quân Tào tiến đánh chứ gì!”.

Nghe nói thế, Lưu Bị bỗng cảm thấy nhẹ nhõm hẳn: “Tiên sinh hẳn có phương pháp hay, bảo cho ta nghe với!”.

Gia Cát Lượng đã dự liệu từ trước liền bảo: “Thực ra nhân khẩu vùng Kinh Châu không ít, phải nổi không nhiều người có đăng ký hộ tịch, nếu như chỉ căn cứ vào hộ tịch và trưng binh, ắt không đầy đủ, trái lại kể thêm số dân di cư không dễ quản lý. Chẳng bằng hãy đề nghị Lưu Biểu ra lệnh dân di cư trong vùng đều phải đăng ký, sau đó dựa vào đây mà trưng tuyển quân sĩ, sẽ giải quyết được triệt để quân lính không đủ”.

Lưu Bị hiểu ra vấn đề lập tức đề nghị với Lưu Biểu “Kế hoạch trưng binh”. Lưu Biểu lúc ấy đã ngã bệnh nằm trên giường, hơn nữa cũng có nghi kỵ với Lưu Bị; Song ông ta thấy Tào Tháo sau khi bình định phương bắc đem quân về Nghiệp Thành tích cực triển khai huấn luyện thủy quân, xác định Tào Tháo đã dã tâm đánh chiếm Kinh Châu liền đáp ứng yêu cầu của Lưu Bị, không nghe ý kiến của anh em họ Khóai, Sái Mạo, Trương Doãn thuộc phái thân Tào, tích cực tăng thêm việc chuẩn bị chiến đấu.

Chính sách thanh tra dân di cư được thi hành không lâu, đội quân của Lưu Bị đã tăng thêm đến mấy vạn người, Lưu Bị phái Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Vân tăng cường huấn luyện, nhờ đó sức chiến đấu đã tăng lên mau chóng.

Gia Cát Lượng lại kiến nghị với Lưu Bị, nếu được sự đồng ý của Lưu Biểu, chuyển bộ tổng chỉ huy đến Phàn Thành (thuộc Hồ Bắc) gần với Kinh Dương Thành (trụ sở Kinh Châu), để có thể ngăn chặn đợt tấn công đầu tiên của Tào Tháo, khiến đội quân chủ lực của Lưu Biểu có nhiều thời gian chuẩn bị.

Vào thời gian này, Gia Cát Lượng và Lưu Bị ăn cùng bàn, ngủ cùng chiếu, khẩn trương nghiên cứu mọi việc qui hoạch phòng bị. Bởi hai người cơ hồ như một, khiến Lưu Bị cũng dần xa Quan Vũ và Trương Phi, tạo thành khúc mất tâm lý ở hai người ấy. Có một hôm Trương Phi vốn thẳng thắn đã nói trước mặt Lưu Bị: “Gia Cát Lượng còn ít tuổi như vậy, lại thiếu kinh nghiệm, thẳng thắn mà nói có giúp đỡ được gì lớn cho

anh?”. Lưu Bị nghe rồi lập tức nghiêm sắc mặt bảo rằng: “Gia Cát quân sư có kiến thức siêu việt, ta có được ông ấy, giống như cá gặp nước, nhưng các đệ đừng nói dài, nói ngắn nữa”. Quan Vũ, Trương Phi hai người thấy Lưu Bị nói rõ ràng và kiên quyết như thế, cũng chỉ biết lau mắt mà đợi, không nói gì thêm nữa.

5. Mạch nước ngầm dữ dội trong thành Tương Dương.

“Nói Tào Tháo, Tào Tháo đến liền!” Câu thành ngữ này lưu truyền trong dân gian đã lâu, một mặt cho thấy tai mắt của Tào Tháo ở khắp nơi thực đáng sợ, một mặt khác cũng lộ rõ việc sưu tập tin tức tình báo của Tào Tháo cũng như việc sử dụng gián điệp rất thấu tỏ.

Thiên thứ 13 trong binh pháp Tôn Tử, đã đề cập tính quan trọng của việc vận dụng công tác tình báo: “Xét về việc trong quân, quan hệ chớ thân với gian tế, thường chớ hậu hĩ, chẳng phải bậc trí thánh chẳng khéo dùng, chẳng phải bậc nhân nghĩa chẳng thể sai khiến được gian tế, chẳng phải kẻ khôn khéo chẳng thể được châu báu của gian tế, khó thay, khó thay, chẳng khéo chẳng nên dùng vậy!”. Tào Tháo thấu hiểu binh pháp Tôn Tử, với vấn đề dùng gian tế rất tâm đắc và cũng rất độc đáo.

Trải qua tám năm cố gắng, Tào Tháo cuối cùng đã tiêu diệt sạch chính quyền họ Viên, thành ra kẻ thống trị rất có thực lực dọc hai bờ Hoàng Hà. Mục tiêu tiếp theo chính là: Kinh Châu ở phía nam, Dương Châu, Giao Châu ở đông nam, và Hán Trung cùng với Ích Châu ở phía tây nam.

Kinh Châu tiếp giáp với Dự Châu là đại bản doanh của Tào Tháo và khu Tư lệ, cho nên trong thời kỳ đối trọi với họ Viên, Tào Tháo đã có cố gắng khai thác ở Kinh Châu liền mấy năm. Ngoài Thứ sử Lưu Biểu có danh vọng còn kiên trì đứng ngoài cuộc, vùng phía bắc giáp khu Tư lệ và các quận huyện của Dự Châu, tâm lý đều đã sớm theo về phía Tào Tháo.

Ngay đến cả trong phủ Lưu Biểu ở thành Tương Dương lực lượng của phái thân Tào cũng rất lớn, các lão thần như anh em Khóai Việt, Khóai Lương, anh rể của Lưu Biểu là Sái Mạo, cùng với các danh sĩ Trương Doãn, Hàn Tung đều chủ trương liên minh với Tào Tháo, có thể thấy ở ngay trong lòng Kinh Tương, Tào Tháo đã có một lực lượng đồng minh khá lớn. Trừ Thái thú Giang Hạ là Hoàng Tổ vốn bạn thân với Lưu Biểu vẫn kiên quyết phản Tào, cơ hồ phái Thiếu Tráng nắm quyền ở Tương Dương, đều chủ trương theo về với Tào Tháo. Bởi quan hệ lâu dài giữa Lưu Biểu với Viên Thiệu, phái thân Tào còn chưa dám nói rõ chủ trương của họ.

Mùa xuân năm 13 Kiến An, Tôn Quyền muốn trả mối thù phụ thân Tôn Kiên năm xưa bị giết, liền phái mãnh tướng Cam Ninh, Lăng Thống, Lã Mông tiến đánh Hoàng Tổ. Hoàng Tổ lệnh cho thủy quân đô đốc Trần Tựu ra trước đối trận. Lã Mông và Thiên tướng quân Đồng Tập dẫn một trăm người trong đội cảm tử, đánh lên thuyền lớn của Trần Tựu, Lã Mông một mình nhảy lên thuyền địch chém chết Trần Tựu. Quân Hoàng Tổ không chuẩn bị đầy đủ liền bị rối loạn phải rút về Hạ Khẩu; quân Đông Ngô vây bọc ngoài thành rất gấp, Hoàng Tổ dẫn quân đánh phá giải vây trong lúc hỗn chiến bị quân Đông Ngô giết chết. Tôn Quyền thấy thù cũ đã trả, bởi Hạ Khẩu nằm sâu trong vùng đối phương, phòng thủ không dễ bèn hạ lệnh cho toàn quân rút lui. Chiến dịch này tuy diễn ra nhanh chóng song lực lượng phản Tào ở Kinh Châu lại bị tiêu diệt bất ngờ.

Lưu Biểu có hai người con trai, con cả là Lưu Kỳ là con vợ cả, con thứ Lưu Tông là con người vợ kế họ Sái, các cự thần của phái Thiếu Tráng như Sái Mạo, Trương Doãn đều ra mặt ủng hộ Lưu Tông, lại thêm sự xúi giục của họ Sái, Lưu Biểu đã yêu mến con thứ, mà ghét bỏ con cả, khiến cho Lưu Kỳ sâu sắc cảm thấy sự nguy hiểm, suốt ngày tâm can bứt rứt không yên.

Lưu Kỳ cá tính vốn ôn hòa, thân thể không được khỏe, song đối với quân đội và các bậc trưởng lão đều có cảm tình, đặc biệt là có quan hệ thâm thiết với Lưu Bị, bởi vậy đối với quân sư Gia Cát Lượng giàu mưu lược cũng rất tôn kính.

Lưu Kỳ nhiều lần thỉnh cầu Gia Cát Lượng chỉ bảo cho anh ta kế sách tự cứu, song Gia Cát Lượng xem mình là khách không nên cuốn theo cuộc tranh giành quyền lực nội bộ ở Kinh Châu. Lại sợ bởi thế mà ảnh hưởng đến địa vị của Lưu Bị vốn không ổn định; cho nên vẫn một mực né tránh, thậm chí không muốn tiếp xúc với Lưu Kỳ. Lưu Kỳ biết rõ năng lực của Gia Cát Lượng, vẫn không ngừng tìm cơ hội thỉnh giáo Gia Cát Lượng.

Có một hôm, Lưu Kỳ nhân khi Gia Cát Lượng theo Lưu Bị đến Kinh Dương thảo luận việc quân, dẫn ông

ta lên gác thư viện, Lưu Kỳ lại sai người rút thang gác, khiến không ai lên xuống được. Tiếp đó anh ta nói với Gia Cát Lượng rằng: “Hôm nay trên không đến trời, dưới không chạm đất, lời nói từ miệng, vào thẳng đến tai, ngài có thể nói với tôi được chưa?”. Gia Cát Lượng bắt đắc dĩ nói nhỏ với Lưu Kỳ rằng: “Anh không thấy Thân Sinh ở trong mà nguy, Trùng Nhĩ ở ngoài mà yên ư?”

Sự tích này xảy ra ở nước Tần vào thời Xuân Thu, Tần Hiến Công chịu ảnh hưởng của Lệ Cơ, có ý bỏ con trưởng lập con thứ, song người con cả là Thân Sinh, thanh danh lan rộng, tài hoa xuất chúng, Lệ Cơ đã dùng mọi biện pháp ám hại, Thân Sinh bị bức bách phải tự vẫn. Còn người con thứ khác, tiếp liền với Thân Sinh, bởi trấn thủ ở phía bắc nước Tần, mà thoát thân được. Thân Sinh bị hại, Trùng Nhĩ chạy ra nước ngoài, sau bốn mươi hai năm, nước Tần xảy ra đại loạn Trùng Nhĩ lại về nước nắm chính quyền, đó chính là Tần Văn Công.

Câu chuyện này không nghi ngờ gì đã nói ngầm với Lưu Kỳ, xin được điều động ra biên giới, thoát khỏi nội thành mà tránh được tai hại khi Hoàng Tổ thất trận, Lưu Kỳ nhân cơ hội đó xin ra trấn giữ Giang Hạ, Lưu Biểu cũng sợ chuyện kế thừa sẽ tạo thành sự hỗn loạn cục diện chính trị Kinh Châu, sau khi thương lượng với Lưu Bị bèn để Lưu Kỳ làm Thái thú Giang Hạ, phòng thủ Hạ Khẩu.

Lời bình của Trần Văn Đức

Một người lãnh đạo và quản lý giỏi phải có đầy đủ hai điều kiện lớn. Nếu lãnh đạo theo cảm tính, quản lý theo lý tính, hoặc chỉ có lãnh đạo mà thiếu quản lý, tuy có thể phát huy lực lượng của đoàn thể song đối với hoàn cảnh mà không thích ứng, rất khó giành được thành công hữu hiệu. Ma lực cá nhân của Lưu Bị, không nghi ngờ gì là điều kiện lãnh đạo rất tốt đẹp song do thiếu quy hoạch toàn thể, dẫn đến chế độ quản lý và năng lực thích ứng với hoàn cảnh khiến giai đoạn đầu của ông ta thực gian khổ và gặp ghềnh. Song chỉ biết quản lý mà không chú ý lãnh đạo, sẽ là khô cứng, thậm chí hà khắc. Chúng ta từng nói đến hợp tình, hợp lý, hợp pháp, pháp luật và chế độ, song chẳng thể là cái chỉ được viết lên giấy, thế rồi chẳng dùng đến, nó phải được viết ở trong trái tim con người. Đương nhiên nếu sợ sệt mà làm ra vẻ lầy lòng thì có thể được người ta ủng hộ, sản sinh hiệu quả, song cái quan trọng là chế độ quản lý và luật lệ, không phải chỉ là hạn chế hành động một cách tiêu cực, không khéo nó sẽ rơi vào khô cứng và không có sức sống.

Một chế độ quản lý, tuyệt đối không chỉ ở chỗ hạn chế một số hành động mà thôi. Nó cần phải mang tính sáng tạo khiến người ta tiến thêm một bước trong khi hành động, chẳng những phải hoàn chỉnh mọi điều kiện hành động, mà phải kích thích ý chí hành động tự động tự phát. Nói cách khác, lãnh đạo và quản lý, phải hợp làm một, mới có thể phát huy lực lượng vốn có.

Sự kết hợp giữa Lưu Bị và Gia Cát Lượng, khiến thế giới quan của Lưu Bị hướng đến chỗ thay cũ đổi mới.

Lại nói về quan điểm thực dụng:

Quy hoạch sách lược và việc thực hiện.

Không ít phần tử tri thức mới ra trường, vẫn nghĩ làm công việc kế hoạch, nhìn chung là thiết kế kế hoạch, chẳng những có thể chỉ động não, khả dĩ ngồi ở phòng làm việc có máy lạnh suốt ngày chẳng phải bỏ sức lực, cũng chẳng đổ mồ hôi, cho rằng như thế mới là “công việc vận dụng trí tuệ”. Thực ra có không ít công ty, nhân viên kế hoạch đều là những phần tử tri thức cao cấp cho rằng chỉ cần dùng đầu óc là có thể xong việc. Những người này thường nấu mình sau bàn làm việc, phiếm đàm về đạo lý qui hoạch sách lược và chiến lược, chỉ đạo chiến lược việc quy hoạch chiến lược như vậy, thường chỉ là màu mỡ riêu cua mà thôi, hoa mỹ mà không thực dụng.

Trong cuốn “marketing” các tác giả Tack Trout viết:

Có rất nhiều công ty cho rằng, xây dựng chiến lược là triệu tập ba, bốn vị giáo sư kế hoạch cao cấp, để họ ngồi ở trong phòng phát huy đầu óc, cho đến khi họ tìm được phương pháp giải quyết vấn đề gọi đấy là “Tháp ngà trí tuệ...” Cũng có không ít xí nghiệp lại tập hợp các cán bộ quản lý cao cấp trong một hội nghị, cách xa với máy điện thoại, cách xa với công việc sự vụ hằng ngày mới có thể vẽ ra được sách lược tương lai... Bởi vì họ cho rằng chiến lược không giống như quyết sách thường ngày mang tính chiến thuật, thực ra đều là không đúng.

Hai mươi năm trước, bút giả từng được làm việc với tiên sinh Tá Đằng một nhà lập kế hoạch bậc thầy của công ty Tinh Trần Biểu của Nhật Bản, tiến hành việc lập kế hoạch tiêu thụ để sản phẩm của công ty đổ bộ

vào thị trường Đài Loan, thấy được tinh thần thực tiễn thể hiện đầy đủ ở đó, trong quá trình công tác, Tá Đổng thường nói với bút giả, cái cốt lõi tinh túy của kế hoạch tiêu thụ, không phải là nhiều người dùng “óc” nghĩ ra mà là một thiểu số người dùng “chân” mà đạt đến vạch đích.

Trong thời kỳ đại chiến thế giới lần thứ II, tướng Badôn nước Mỹ phụ trách quân đoàn Ba trong quân đồng minh vốn rất hùng mạnh, trong đoàn có một trăm lẻ năm vị tướng lĩnh thực sự chiến đấu, song chỉ có một vị lập qui hoạch. Bởi vì Badôn cho rằng, số nhân viên quy hoạch càng nhiều, có đưa ra những cơ hội chiến lược tốt lại rất ít. Những chiến lược kiệt xuất chân chính, luôn luôn do một cá nhân đã hết mình suy nghĩ ra, mới có thể xác thực được. Câu “Ba ông xách bầu chẳng có rượu uống”, trong công tác sách lược quy hoạch, cũng có chỗ tương đồng.

Trên thương trường, tuy thường có thể thấy những sáng tác tập thể cũng không có gì sai lầm, song nghiêm chỉnh mà nói đó vẫn chỉ có thể kể là tác phẩm phàm tục; còn tác phẩm chân chính, vẫn đều là kiệt tác tâm huyết của một đại sư. Sáng tạo trong sách lược quy hoạch là do sự rèn luyện cọ sát qua kinh nghiệm thực tiễn, cùng sự trầm tư lâu dài mà hoàn thành.

Khôla Sai Uâytrơ mười hai tuổi đã ra nhập quân Phổ, từng tham gia cả trận đánh năm 1812 liên quân Nga Phổ chống trả Napôlêông, đến chiến dịch Oa tét lô sau này; qua thể nghiệm bản thân, khiến ông quan sát được sâu sắc, có suy nghĩ ngang tầm chiến thuật với thiên tài Napôlêông, sau này mới viết ra được tác phẩm kinh điển về chiến lược đấy là cuốn “Chiến tranh luận”.

Đích xác chiến lược không tách rời chiến thuật, mục đích của chiến lược ắt phải được vận dụng vào chiến thuật, chỉ có kinh nghiệm thực tiễn ở chiến trường mới có thể vạch ra được sách lược chiến tranh thực sự có hiệu quả.

Song người chỉ có chiến thuật mà không hiểu được chiến lược chẳng thể chỉnh lý kinh nghiệm chiến thuật thành tư duy trừu tượng, chẳng thể quy hoạch khách quan, kinh nghiệm tích lũy nhiều cũng chẳng thể có được đầu óc của nhà chiến lược.

Quy hoạch sách lược mà chẳng có kinh nghiệm thực tế, thường lập ra được kế hoạch hoàn chỉnh và cẩn thận, xem như là đầy đủ mọi mặt, song lại khô cứng và thiếu tính đàn hồi, những kế hoạch ấy thường lớn lao mà cẩn thận, lại không có khả năng thực hiện.

Tác giả cuốn “Chiến tranh và hòa bình” đã chỉ rõ, thiên tài quân sự Napôlêông đã không nắm rõ quân đội trong thực tiễn chiến đấu, Napôlêông quen chỉ huy bằng mệnh lệnh, hình dung chiến tranh qua một “nguyên bản hoàn chỉnh”. Tướng Badôn cũng nói rõ sách lược quy hoạch của chúng ta, chẳng thể thích ứng đầy đủ được với hoàn cảnh, để tập trung lực lượng thích ứng với hoàn cảnh. Tôi cho rằng sự hơn kém ở một nhà lãnh đạo, là ở chỗ ông ta có nắm được điểm này hay không.

Sự lãnh đạo lực lượng kết hợp trong toàn thể, đi theo một hướng chung, là do các nhà chỉ huy tác chiến, quản lý quốc gia, kinh doanh xí nghiệp, giỏi điều khiển lực lượng ở nhiều mặt làm sao lực lượng nhằm vào một mục tiêu, mà không phân tán, đấy là trách nhiệm chủ yếu của người vạch sách lược. Mục tiêu cần phải rõ ràng, cụ thể có thể thực hiện được, chỉ ra được phương hướng nỗ lực, để mọi người theo đó mà làm tuân tự, không nhất định phải thực chi tiết đến từng người, không chế chặt chẽ mọi mặt; nếu không có tính đàn hồi sẽ thành ra một qui hoạch chỉ để ngăn mà không dùng được.

Thậm chí có người nghiên cứu cho rằng nhà qui hoạch trưởng thành từ va chạm thực tiễn, có thể trở thành một nhà chiến lược đại tài. Ví như Khôlaosaimâytrơ đã từng trải kinh nghiệm sau trận bị Napôlêông đánh bại, hơn nữa còn bị bắt làm tù binh. Có thể những nỗi thống khổ ấy, đã giúp ông ta có được suy nghĩ triệt để, để chỉnh lý kinh nghiệm thành lớp lang trừu tượng, trở thành cơ sở quan điểm cho cuốn sách kinh điển nghìn năm: “Chiến tranh luận”. Lại có nhà quy hoạch sách lược ưu tú khác, Gia Cát Lượng có những điều kiện cơ sở đáng kể. Ông tự ví mình với Quán Trọng, Nhạc Nghị, khá thấy ông xem trọng kinh nghiệm trong chiến thuật thực tiễn, không giống như những thư sinh thời bấy giờ, ông nhiều năm ở tiền tuyến thậm chí ở nơi giáp trận, để tích lũy kinh nghiệm chiến đấu thực tế.

Với một nhà sách lược ưu tú là Từ Thứ, Gia Cát Lượng có những mặt không giống với ông ấy; Từ Thứ là một chuyên gia chuyên chú giải quyết một số vấn đề, song Gia Cát Lượng “quan sát đại lược”, thông suốt mọi mặt đối với vấn đề gì cũng quan tâm, đặc biệt là có thể nắm được xu thế thời đại. “Long Trung Sách” là sách lược qui hoạch hoàn chỉnh đến mức tuyệt vời, lại thể hiện đầy đủ xu thế lớn của thời đại, đích xác

được nghiền ngẫm bởi suy nghĩ thâm trầm, thời kỳ nông nhàn Gia Cát Lượng thường đến bái kiến các danh sĩ hiền nhân ở nhiều nơi, ắt đã khảo sát tình hình ở các nơi ấy, sưu tập tư liệu, để so sánh đối với các danh sĩ “hiếu thư sinh” và “hiếu chuyên gia”, có được “thực tiễn” càng nhiều hơn.

Gia Cát Lượng chịu nếm mình ẩn dật, là bởi ông đang giữ sức chờ thời, những năm tuổi trẻ khốn khổ, cho ông một cơ thể khoẻ mạnh, thường ngày cày cấy tự nuôi mình, so với bọn thư sinh xưa nay chỉ nói mà không làm. Gia Cát Lượng đã thực tiễn hơn nhiều; bởi vậy ông rất tự tin, tuy không biết võ nghệ, mà dần thân nơi chiến trường chẳng hề kinh hãi.

Song Gia Cát Lượng khi mới hạ sơn, chẳng thể giống như “Tam quốc diễn nghĩa” đã mô tả là một quân sư thần thánh, thực ra ông giống như một khối “mỹ ngọc”, được thực tiễn chiến đấu mài giũa mà thành. Ông lựa chọn Lưu Bị bởi đặt niềm tin ở ông ta; ở trong quân doanh của Lưu Bị ông rất có cơ hội để trải qua rèn luyện gian khổ mà hoàn chỉnh; đối với một danh sĩ trẻ tuổi mà nói, đây là vô đài để diễn xuất tốt nhất.

Người xưa nói: “Mới học cạo đầu lại gặp ngay phải ông râu rậm”. Từ việc rút khỏi Kinh Tương đến trận Đương Dương Trường Bản, đối với quân sư mới ra lò, đích xác là một thử thách nghiêm trọng. Song Gia Cát Lượng dũng cảm chấp nhận “lớp huấn luyện tại chức” đầy gian khổ này hơn nữa lại có thừa tự tin để gánh vác công tác ngoại giao ở tuyến đầu, tiến hành vận động liên minh Tôn - Ngô có tầm then chốt.

Nhiệm vụ gian khổ này khiến ông ta may mắn được tiếp cận với những đại cao thủ chiến lược bậc nhất lúc bấy giờ là, Lỗ Túc và Chu Du; trong quyết sách chiến lược hỏa thiêu Xích Bích, Gia Cát Lượng có thể tham dự không nhiều, song ông là người chứng kiến từ đầu đến cuối, đối với việc liên minh Tôn - Lưu đã sớm hình thành, với việc vận dụng chiến thuật cũng thấu tỏ triệt để. Kinh nghiệm thực tiễn lần này đã hình thành trong Gia Cát Lượng tư tưởng chiến lược, có ảnh hưởng tuyệt đối suốt cả sau này.

Lại nói về Lưu Bị, kinh nghiệm đã có mấy chục năm, khiến ông ta trở thành một nhà chiến thuật khá tài giỏi, đứng ở thế yếu lại luôn đánh, luôn bại, qua thất bại lại càng nổi tiếng, lại càng có khí thế trở thành một anh hùng nổi trội ở đời, đặc biệt là ở gò Bác Vọng, lấy chiến thuật khôn khéo đánh thắng cả Hạ Hầu Đôn và Vu Cấm của Tào Tháo, khá thấy Lưu Bị là người “biết đánh”, hơn nữa còn “đánh giỏi” là khác.

Có thể nói về nhược điểm duy nhất, lại là không đủ khả năng lực tư duy trừu tượng để chỉnh lý kinh nghiệm, khiến ông ta chẳng thể thấu thị được xu hướng thời đại, nỗ lực mà thiếu phương hướng, tự nhiên chẳng thể tập kết và tích lũy lực lượng cho nên trời lên tụt xuống, phần đầu mấy chục năm mà chẳng có được một mảnh đất của riêng mình.

Long Trung Sách có thể nói là đã mở rộng tầm nhìn cho Lưu Bị, để ông ta lần đầu tiên xem xét một cách khách quan về xu hướng lớn toàn cục, tuy chẳng kể cụ thể, song phương hướng chung của sự nghiệp thực rõ ràng, trách chi ông chẳng cao húng, như cá gặp nước vậy!

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/khong-minh-gia-cat-luong-dai-truyen>